ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

# PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ

## BHĀGA II – QUYỂN II

(QUYỂN THỨ 86-87/ 91)

PHIÊN BẢN CAO ĐẲNG CHUYÊN KHOA HỌC HIỆU HOÀNG GIA
ĐẠI VƯƠNG MIỆN (MAHĀMONGKUT)

DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P.L. 2565 D.L. 2022

ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

# PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ
# BHĀGA II – QUYỂN II
## (QUYỂN THỨ 86-87/ 91)

PHIÊN BẢN CAO ĐẲNG CHUYÊN KHOA HỌC HIỆU HOÀNG GIA
ĐẠI VƯƠNG MIỆN (MAHĀMONGKUT)

DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P. L. 2565 D.L. 2022

**PAṬṬHĀNA – PHÁT THÚ**
**BHĀGA II – Quyển II**

**Translated into Vietnamese in first edition**
**By Bhikkhu PASĀDO**

Copyright © 2022 by Bhikkhu PASĀDO
All right reserved.
ISBN 978-163877721-2
May 2022

Published by Library of CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Gorham Printing
3718 Mahoney Drive
Centralia, WA 98531 – USA.

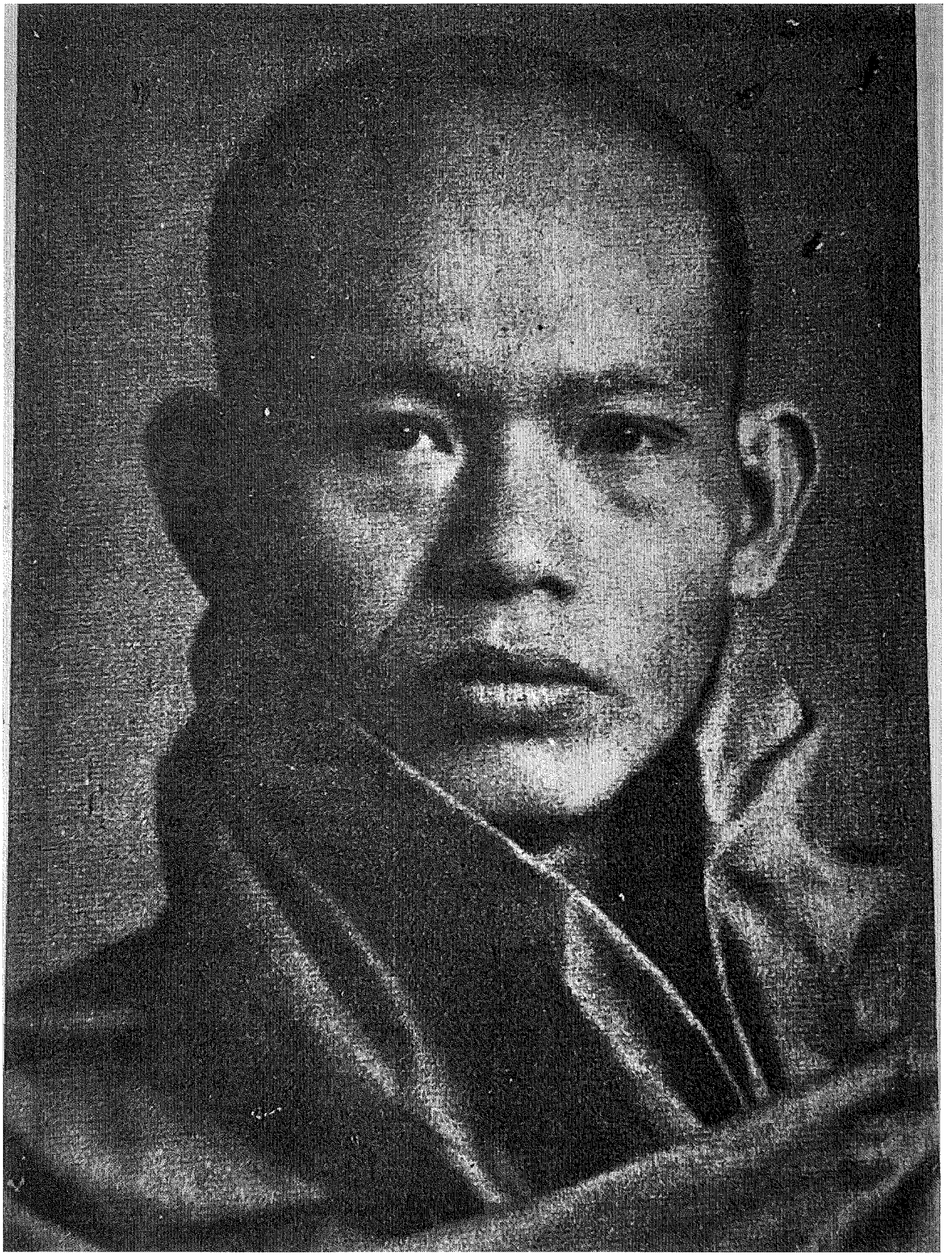

**Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA**
**(1912 – 1966)**

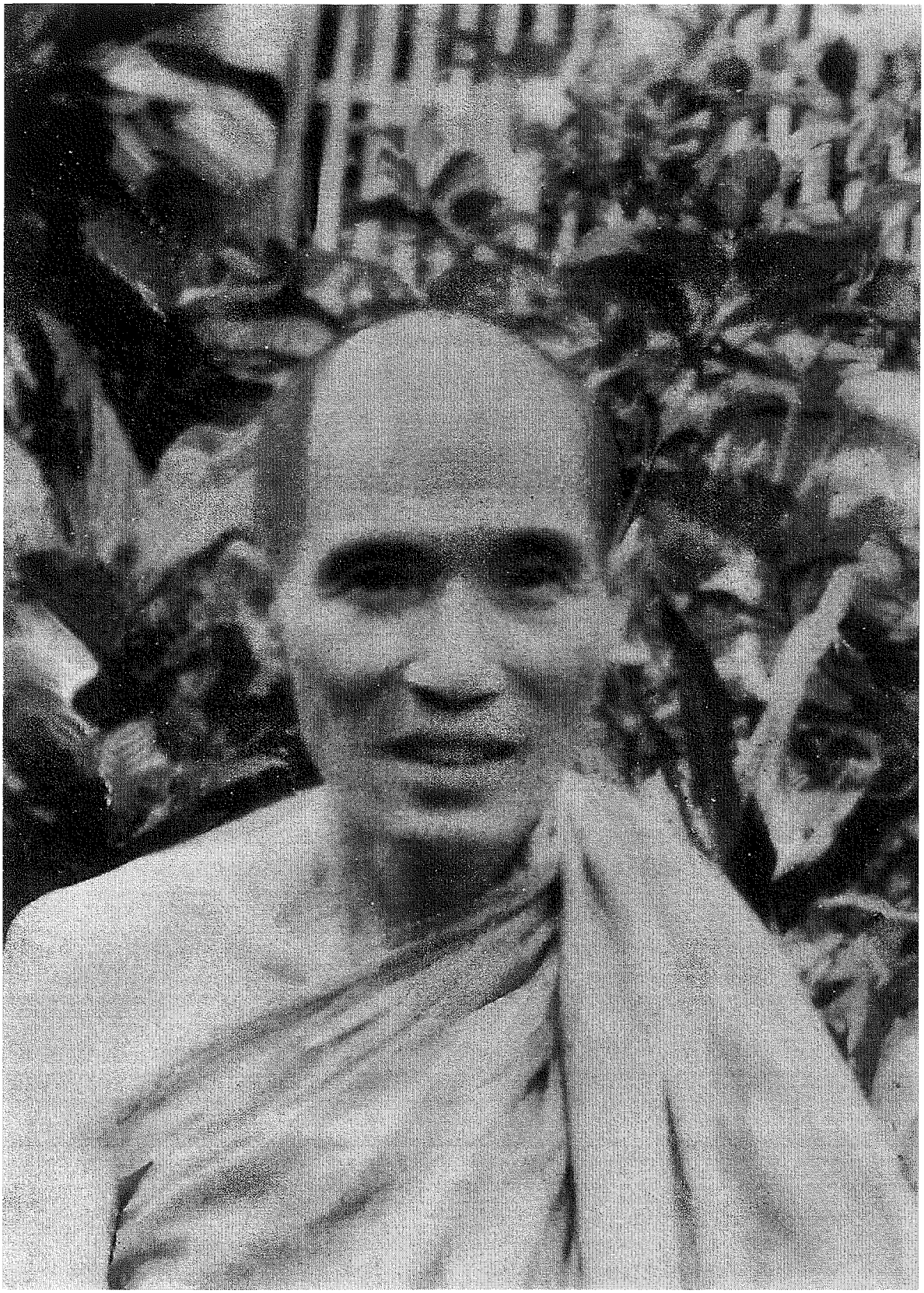

**SANTAKICCO MAHĀ THERA**
**Đại Trưởng Lão Tịnh Sự**
**(1913 – 1984)**

# LỜI NÓI ĐẦU

Nhân cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981), Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã được sắp đặt việc ấn loát phiên bản dịch thuật Tam Tạng cùng với Chú Giải thành Thái ngữ với việc định danh thể theo phương thức danh xưng từng mỗi Tạng, đó là: "Bản Phiên Dịch Luật Tạng và Chú Giải", "Bản Phiên Dịch Kinh Tạng và Chú Giải", "Bản Phiên Dịch Vô Tỷ Pháp Tạng và Chú Giải". Sự kiện xảy ra việc sắp đặt ấn loát kỳ đó có trường hợp đặc biệt hiển lộ Phong Công Vĩ Tích Hoàng Gia và đã có sắp đặt lời khai đoan để bắt đầu cho việc ấn loát.

Khi Phật Lịch 2546, Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaḍḍhana Mahā Thera,** Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** tiến hóa cấp biệt cửu thập niên linh (90 tuổi thọ), được xem như là một cơ duyên tuyệt hảo kiết tường **(Vorakāsa)** hết sức trọng đại mà đoàn thể chính phủ trong cương vị đại biểu toàn thể Phật Giáo Đồ Thái Lan ở cả phía tu hành giả và phía người tại gia đã liên tác Khánh Chúc trong khoảng thời gian bảy ngày vào Tháng Mười Phật Lịch 2546 tại Chùa **Pavôn Nivết,** đại kinh đô **Bangkok.**

Tất cả sự việc này, Đức Quốc Vương hoành ân hậu trạch ái hảo trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã mang lại sự vui mừng phấn khởi đối với toàn thể Phật Giáo Đồ và ai ai cũng cung kính ý thức trong việc hoành ân hậu trạch lần này một cách đặc biệt phi thường.

Nhân cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** một cách trọng đại này, Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, đã được bố trí thực hiện kế hoạch việc tu chính Phiên Bản Dịch Thuật "Tam Tạng và Chú Giải"- Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut),** và được sắp đặt việc ấn loát lần đầu tiên nhân cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981), ngõ hầu có được sự tề toàn hoàn thiện, và sắp đặt việc tân ấn loát để kính hiến đến Đức Thiện Hảo Cung Hạ Thiên Uy, trình hiến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaḍḍhana Mahā Thera,** Ngài là Tăng Trưởng Giáo Phái Chính Thống **(Dhammayuttikanikāya** – một trong hai Giáo Phái Vương Quốc Thái Lan do Đức Vua **Nang Klao Rama III** (1824 – 1851) đặt tên và đến đời Đức Vua **Mongkut Rama IV** (1851-1868) đã được thành lập; Giáo Phái còn lại là **Mahānikāya** – Giáo Phái Đại Chúng Bộ) và Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương.

Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** tiến hành kế hoạch tu chính "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" trong lần này được bắt đầu kể từ ngày 23 Tháng Năm Phật Lịch 2544 (Dương Lịch 2000). Số lượng ủy viên hội phối hợp với người có trình độ chuyên môn ở cả phía tu hành giả và người tại gia tiến hành trong một ủy ban lên đến 14 vị, và ủy ban làm việc với số lượng 15 vị, có Ngài **Brahmamunī (Cunda Brahmagutto)** ở Chùa **Pavôn Nivết,** đại kinh đô **Bangkok** làm Chủ Nhiệm Ủy Ban Chỉ Đạo Kế Hoạch.

Việc kiểm duyệt tu chính lần này được tiến hành công việc trong các phần chủ yếu:

1. Rà soát từ ngữ phiên dịch Thái ngữ ở Tam Tạng **Pāḷi** và Chú Giải cho hoàn chỉnh đúng theo bản thảo gốc **Pāḷi** ngữ qua việc sử dụng Phiên Bản Tam Tạng **Pāḷi** Xứ Xiêm La làm nền tảng.

2. Ý nghĩa trong bất luận phần nào phải làm cho hiện bày rõ ràng rằng bất phù hợp ý nghĩa từ ngữ **Pāḷi** hoặc đã bỏ sót; sửa chữa và bổ sung cho chuẩn xác và hoàn chỉnh, cùng phối hợp với việc thực hiện giải thích thuyết minh sắp xếp để tại chỗ đã được đánh dấu.

3. Trong phần Chú Giải, phiên bản đầu tiên đã đưa lời phiên dịch **Pāḷi** từ ngôn ngữ **Magadha** sang **Pāḷi** ngữ - Thái ngữ làm thành câu cú mà không có lời hướng dẫn việc phiên dịch thành Thái ngữ. Trong sự ấn loát lần này đã có sửa chữa và đã có đưa lời phiên dịch Thái ngữ làm thành câu cú và đặt lời từ ngữ **Pāḷi** hướng dẫn ở trong dấu ngoặc đơn. Tất cả sự việc này nhằm để cho ứng hợp với phiên bản dịch thuật thành Thái ngữ, và để làm thành việc hỗ trợ hữu ích đối với độc giả mà không có sự hiểu biết ở trong phần từ ngữ **Pāḷi** sẽ đọc được và phát sinh thuận lợi trong việc liễu giải ý nghĩa. Còn từ ngữ **Pāḷi** mà không có ý nghĩa ở trong lời chú thích Giáo Pháp cũng vẫn có thể rút lấy từ ngữ **Pāḷi** đặt thành câu cú như trước đây.

4. Tăng bổ tu chính lời phiên dịch Thái ngữ cho đọc thấu hiểu dễ dàng đối với độc giả nói chung là không có sự hiểu biết ở trong phần Thái ngữ.

5. Sắp xếp làm bảng mục lục tra cứu từ ngữ và tra cứu điều mục từng mỗi quyển kinh sách một cách tinh tế nhằm để tạo thuận lợi cho việc tu học.

Trong việc kiểm duyệt tu chính lần này, ủy ban kiểm duyệt tu chính có sự nhận thức nhu yếu rằng nên chuyển đổi danh xưng từ ban đầu gọi là "Bản Phiên Dịch Luật Tạng và Chú Giải", "Bản Phiên Dịch Kinh Tạng và Chú Giải", "Bản Phiên Dịch Vô Tỷ Pháp Tạng và Chú Giải" chuyển đổi thành "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải – Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)**" để cho trùng hợp với phiên bản **Pāḷi** ngữ đã được quy định gọi với nhau là "Phiên Bản Tam Tạng Xứ Xiêm La" cho trở thành quen thuộc một cách phổ cập. Còn số lượng quyển sách mà phiên bản ban đầu có số lượng là 91 quyển, nhận thấy khả thi ứng đương y theo phiên bản ban đầu, vì có khả năng để làm cho các độc giả liễu tri một cách phổ cập.

Khi việc kiểm duyệt tu chính hoàn tất y theo kế hoạch, Tăng Đoàn Giáo Phái Chính Thống **(Dhammayuttikanikāya)** và Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương,

nhận thấy hình thành cơ duyên thiện hảo để sẽ báo đáp ân uy của Đức Ngài Tăng Vương Cung Hạ Thiên Uy, trình hiến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅ vara Suvaḍḍhana Mahā Thera,** Ngài là Tăng Trưởng Giáo Phái Chính Thống **(Dhamma yuttikanikāya** – một trong hai Giáo Phái của Vương Quốc Thái Lan do Đức Vua **Nang Klao Rama III** (1824 – 1851) đặt tên và đến đời Đức Vua **Mongkut Rama IV** (1851 - 1868) đã được thành lập; Giáo Phái còn lại là **Mahānikāya** – Đại Chúng Bộ Giáo Phái) và Ngài là Hội Trưởng Hội Đồng Quản Trị Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, mới được sắp đặt việc ấn loát "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải – Phiên Bản Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)**" và được đón nhận việc kiểm duyệt tu chính trong lần này với số lượng 1,000 bộ, thông qua việc cộng hưởng hiến cúng Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** và toàn thể Phật Giáo Đồ cung kính cúng dường thiện công đức và cúng dường đến Đức Ngài Tăng Vương Tôn Giả Đại Trưởng Lão **Ñāṇasaṅvara Suvaḍḍhana Mahā Thera,** nhằm chủ yếu để khâm tứ phát hành tùng thuận theo các Tu Viện và các Học Viện Giáo Dục, vì lợi ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo, và tiếp tục sự nghiệp truyền bá Phật Giáo. Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** tư khảo nhận thấy rằng "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" đã được kiểm duyệt tu chính và sắp đặt việc tân ấn loát trong cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** như đã đề cập, là điều hữu ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo một cách thù thắng; sẽ thích hợp cho việc sắp đặt ấn loát truyền bá một cách tột cùng quảng khoát, vì thế mới sắp đặt việc ấn loát thêm một phần nữa đối với việc truyền bá đến khắp cả dân chúng với người có lòng quan tâm.

Phiên bản "Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" này, trong số lượng sắp đặt ấn loát cung kính cúng dường đến Đức Ngài Tăng Vương có số lượng 1,000 bộ, và trong phần Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** sắp đặt ấn loát đối với việc truyền bá đến khắp cả dân chúng có phần khác biệt nhau một đôi chút; đề cập là khi quyển kinh nào được sắp đặt ấn loát trong kỳ Lễ Khánh Chúc cửu thập niên linh (90 tuổi thọ) có điều thất ngộ trong việc ấn loát, chẳng hạn như bỏ sót ý nghĩa, số trang đã bị hoán vị lẫn nhau v.v. Trong việc sắp đặt ấn loát nhằm để truyền bá lần này mới được sửa chữa cho chuẩn xác và sắp đặt việc tân ấn loát quyển kinh sách này đền đáp quyển kinh sách kỳ trước đã bị thất ngộ ấy.

Lại thêm một phần nữa ở việc sắp xếp thực hiện bổ sung trong sự sắp đặt ấn loát để truyền bá lần này là bổ túc đầu đề đối với vài đề mục phiên bản ban đầu không có được thực hiện, hoặc đầu đề phiên bản ban đầu sử dụng phiên âm từ ngữ **Pāḷi** cũng được bổ túc bằng lời phiên dịch Thái ngữ.

Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** hết sức kỳ vọng rằng "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" với

phiên bản kiểm duyệt tu chính mới này sẽ tạo điều kiện hữu ích đối với việc giáo dục và việc tu học Phật Giáo, và việc truyền thừa thọ mạng Phật Giáo cho được trường tồn lâu dài.

**Hội Cơ Kim Từ Thiện Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia**
**Đại Vương Miện (Mahāmongkuṭ) Trong Sự Bảo Trợ To Lớn Của Đại Vương**

## KỶ NIỆM PHONG CÔNG VĨ TÍCH HOÀNG GIA
## (RĀJAGUṆŪPAKĀRĀNUSARAṆA)
## (Trong Việc Ấn Loát Lần Đầu Tiên)

Suốt thời gian lâu dài trong dung mạo lịch sử Phật Giáo **(Buddhasāsanā)** từng tân khai thủy kể từ Phật Giáo phát sinh ở trong thế gian, Phật Giáo sẽ phát triển hoặc quang hoạt là thường luôn có phần liên kết với Quốc Vương Học Viện. Thời kỳ nào Đức Quốc Vương có lòng tôn sùng kính trọng Phật Giáo, có lòng bảo trợ **(Upathambhaka)** Phật Giáo và bảo trợ Tín Đồ Phật Giáo **(Buddhamāmaka)**, thời kỳ ấy sẽ là thời kỳ vàng son Phật Giáo. Thế nhưng bất luận thời kỳ nào Đức Quốc Vương không có tấm lòng quan tâm trong Phật Giáo hoặc có lòng đối lập với Phật Giáo, thời kỳ ấy Phật Giáo sẽ một cách thuận tự suy thoái và táng thất đi, dần dần đi đến mất hẳn ở quốc độ ấy, thậm chí đó là Quốc Thổ Phật Địa Giới **(Buddhabhūmi).** Đối với quốc độ Thái Lan coi như là quốc độ kính ngưỡng Phật Giáo có hảo vận khí cực điểm trong những quốc độ kính ngưỡng Phật Giáo ở trong thế gian này, bởi vì suốt thời gian lâu dài lịch sử dân tộc Thái Lan ấy, Quốc Vương Học Viện với Phật Giáo nhất quán thống nhất với nhau, đến nỗi có đôi khi Đức Quốc Vương tự hồ như Ngài đích thực là Bậc Khôi Thủ Phật Giáo, có lòng tán trợ bảo hộ Phật Giáo ở mọi phương diện, ở cả phương diện Giáo Dục Phật Pháp **(Sāsanadhamma),** Giáo Dục Nhân Tính **(Sāsana puggala),** Giáo Dục Sở Tại **(Sāsanasathāna),** Giáo Dục Lễ Nghi **(Sāsanavidhī).** Thời kỳ Phật Giáo gặp phải điều nguy hại từ ở bên trong lẫn cả ở bên ngoài đích thị cũng chính là cơ sở Quốc Vương Học Viện tác pháp khu trừ hóa giải điều nguy hại cho Phật Giáo. Công việc trị lý Phật Giáo, Đức Quốc Vương cũng coi như đó là Vương Nghiệp mà sẽ lập ý phụ trách với việc công bố một số sắc lệnh, một số điều lệ để cho công việc trị lý Phật Giáo được tiến hành một cách tốt đẹp. Khi nào có vấn đề lực bất thắng nhiệm mà Giáo Hội Tăng Đoàn đã xử lý, Quốc Vương sẽ lập ý tác pháp khu trừ hóa giải những vấn đề ấy.

Sau khi cố đô Vương Quốc Thái Lan **Ayuddhaya** bị táng thất bởi địch nhân, Phật Giáo đã được đón nhận tấm lòng quan tâm của Quốc Vương một cách hết sức cao quý. Ngay đến việc cứu quốc của Đức Quốc Vương **Taksỉn** (1767 – 1782) [Ngài là con một người nhập cư gốc Hoa và một phụ nữ Thái Lan. Ngài đã phục vụ trong triều đình của Đức Vua **Borommakot** (1733 – 1758) như một trang sử trong thời thơ ấu của mình. Trong cuộc vây hãm **Ayuddhaya,** Ngài đã được gọi từ tỉnh trấn **Tak,** nơi mà Ngài giữ chức vụ Thống Sứ, tham gia trong việc bảo vệ thủ đô. Ở nơi đó, Ngài đã nản lòng vì sự kém hiệu quả của vị chỉ huy đồn trú. Vì thế Ngài đã quyết định phá vỡ vòng vây địch nhân với một số ít người tùy tùng và đã ẩn náu tại các tỉnh miền đông, nơi mà Ngài đã chiêu mộ binh lính và đã xây dựng một hạm đội. Vài tháng sau vào Tháng Mười Một năm 1767, Ngài đã thành công trong việc tái chiếm **Ayuddhaya** bằng cách phát động một cuộc phản công bất ngờ bằng đường thủy. Sau khi đã đánh đuổi địch nhân, Ngài đã dời đô về phía vùng hạ lưu đến **Thon Buri,** ở nơi đó Ngài đã đăng quang].

Ngài cũng đã trình bày tấm lòng của mình một mực tín thành đối với Phật Giáo cho hiện bày để trong một đoạn văn như sau:

**"Phụ Vương ta danh xưng Yātāka chịu đựng gian nan khốn khổ trong công cuộc cứu quốc và Phật Giáo, cúng dường lục địa cho thành cúng dường Đức Phật (Buddha pūjā), trình thượng hiến cấp Đức Phật Sa Môn Gotama cho duy trì được bền vững tròn đủ năm ngàn năm. Sa Môn và Bà La Môn chỉ có thích hợp việc thực hành An Chỉ (Samatha) và Minh Sát Tuệ (Vipassanā), Phụ Vương hỷ ái cúng dường, và chắp tay quỳ lạy (mô bái) Túc Ấn Phật Giáo".**

Đấy là việc trình bày cho thấy rằng chí đến công cuộc cứu quốc cũng lập ý thực hiện để cho thành cúng dường Đức Phật **(Buddhapūjā),** lập ý kỳ vọng sẽ cho Thái Quốc thành Quốc Thổ Phật Giáo vĩnh viễn.

Đức Vua **Rama I** [(1782 – 1809), còn gọi là **Đại Vương Túc Ấn Phật - Buddha Yod Fa Chulalok.** Ngài sáng lập ra Vương Triều **Chakri** hiện thời, là một người bạn thân thời thơ ấu và sau này là một vị tướng lãnh đáng tin cậy của Đức Vua **Taksin.** Ngài lên ngôi sau khi đã dẹp loạn ở **Thon Buri,** và sau đó đã dời đô qua sông đến **Bangkok.** Tân triều đại cho đến ngày nay đã trải qua sáu thế hệ trong hơn 220 năm mà không có một cuộc đảo chánh nào ở nội cung điện, trái ngược hẳn với thời kỳ **Ayuddhaya** vốn đầy rẫy những cuộc đấu tranh giữa các thành viên ở trong Hoàng Tộc] đã trình bày cho thấy được tấm lòng Ngài hằng luôn có với Phật Giáo, qua việc lập ý chú trọng trách nhiệm của Đại Vương luôn có với Phật Giáo là điều trọng đại cực điểm, theo như phần quyết tâm của Đại Vương rằng: **"Quyết tâm sẽ bảo trợ, xúy bổng Phật Giáo. Phòng vệ biên giới, bảo hộ dân chúng và các ủy viên hội đồng cố vấn".**

Với sự quyết tâm của Đại Vương đây, mỗi vị Quốc Vương ở trong Vương Triều **Chakri,** triều đại cai trị đã được Vua **Rama I** Xứ Thái Lan thành lập năm 1782 đều chú trọng đến Phật Giáo. Với hàng Phật Giáo Đồ mà nghiêm túc trong Giáo Dục Phật Pháp **(Sāsanadhamma),** Ngài lập ý thành bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo **(Ekaaggasāsanūpa thambhaka)** thực hiện trong mọi phương diện nhằm để cho Phật Giáo được tồn tại một cách ổn định, cho đạt đến hợp nhất cơ sở Học Viện Quốc Gia và Phật Giáo, Quốc Vương đã cho thành một khối thống nhất với nhau. Với biểu tượng là cờ tam sắc (Thái Quốc Kỳ có ba màu sắc: đỏ, trắng và xanh dương), đã khiến cho quốc độ Thái Lan thành một quốc độ duy nhất trong thế gian kính ngưỡng Phật Giáo, và đã tiến hành sử dụng Phật Lịch trong triều đại của Đức Vua **Mongkut, Rama IV** (1851 – 1868).

Trong lãnh vực Giáo Dục Phật Pháp **(Sāsanadhamma),** đó là Tam Tạng **(Ti piṭaka),** Chú Giải **(Atthakathā),** Phụ Chú Giải **(Ṭīkā),** Tiểu Phụ Chú Giải **(Anuṭīkā)** và kể cả các kinh sách đặc biệt khác nữa, đã được tiếp nối bảo trì từ trong quá khứ cho đến hiện tại. Tất cả đều được đón nhận sự bảo trợ một cách đặc biệt từ nơi Quốc Vương Thái Lan trong quá khứ cho đến hiện tại. Đối với Tam Tạng ở phần kinh điển cơ bản ấy, đã có sự thu tập, tu chính, phiên dịch và sắp xếp việc ấn loát, hoàn toàn dưới sự bảo trợ to lớn của Đại Vương.

Công việc chủ yếu hữu quan với Tam Tạng trong đất nước Thái Lan từ quá khứ cho đến hiện tại, được chia ra thành năm thời kỳ chủ yếu, đó là:

1/. Vào khoảng Phật Lịch 2020 (Dương Lịch 1,476) có việc tu chính và khắc chữ Tam Tạng ở trong lá bối (bối diệp kinh), được thực hiện tại thành phố lớn **Chiang Mai** ở phía Bắc Thái Lan, vào triều đại Đức Vua **Boromtrailokanat** (1448 – 1488), [thuộc Vương Triều **Uthong Suphannaphum** (1350 – 1569)].

2/. Phật Lịch 2331 (Dương Lịch 1787), tu chính và khắc chữ vào trong lá bối *(bối diệp kinh)* ở tại đại kinh đô **Bangkok,** được thực hiện ở trong triều đại Đức Vua **Rama I** (1782 – 1809, còn gọi là **Đại Vương Túc Ấn Phật - Buddha Yod Fa Chulalok**) mà là thành quả công việc tiếp nối từ việc thu tập Tam Tạng ở trong triều đại Đức Quốc Vương **Taksỉn** (1767 – 1782) bị tuyệt chủng trong thời kỳ kinh đô **Ayuddhaya** đã bị phá liệt.

3/. Phật Lịch 2431 – 2436 (Dương Lịch 1887 – 1892) có việc tu chính và ấn loát Tam Tạng ra thành hình thể quyển sách, được thực hiện ở tại đại kinh đô **Bangkok,** dưới sự bảo trợ to lớn của Đức Vua **Chulalongkorn Rama V** (1868 – 1910). Trong thời kỳ ấy đã ấn loát lên đến 39 quyển kinh sách.

4/. Phật Lịch 2468 – 2473 (Dương Lịch 1924 – 1929) là vào triều đại Đức Vua **Prajadhipok Rama VII** (1925 – 1935) đã lập ý gia ân sủng tứ cho ấn loát Tam Tạng một cách hoàn hảo lên thành 45 quyển kinh sách, có số lượng 1,500 bộ. Ngài đã khâm tứ ở trong Vương Quốc 200 bộ, khâm tứ cho các quốc gia thân hữu 450 bộ, còn 850 bộ thì Ngài đã khâm tứ cho vị quyên góp ngân tiền xin được đón nhận kinh sách Tam Tạng, làm cho Tam Tạng kinh điển được phổ biến ra một cách hết sức quảng khoát lên đến cực điểm.

5/. Khi đến triều đại Đức Vua **Bhumibol Adulyadej Mahitāladhibet Rāmādhi Chakrīnarubodindara Sayāmindarādhirāja Boromanatbophit Rama IX** (1946 – 2016), Đức Quốc Vương chấp chính toàn lãnh thổ, triều đại thứ chín Vương Triều **Chakri** thì công việc hữu quan với kinh điển ở mọi trình độ Phật Giáo đã được đón nhận sự gia ân sủng tứ, bảo trợ to lớn trong lãnh vực việc tu chính, việc phiên dịch ra Thái ngữ, và việc ấn loát ra thành hình thể quyển sách thể theo Học Viện hữu quan với Phật Giáo trong các hình thức khác nhau một cách hết sức hoàn hảo kể từ khi Phật Giáo đã được triển khai du nhập vào đến lãnh thổ mà ngày nay là đất nước Thái Lan hơn hai ngàn năm.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương đã chấp hành nhiệm vụ truyền bá Phật Giáo trong lãnh vực việc ấn loát kinh điển và giáo khoa thư đường lối Phật Giáo, đã tuần tự ấn loát Tam Tạng, bộ kinh sách Chú Giải và các kinh điển khác.

Nhân cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm, đã sắp đặt "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" thành Thái ngữ, và đã ấn loát hội tập trong số lượng đồng nhất 91 quyển kinh sách.

Với sự ý thức trong hoành ân hậu trạch, cả ở phần Đức Quốc Vương và cả ở phần Học Viện Quốc Vương có sự liên kết Phật Giáo, Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng

Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, với sự hợp tác Viện Xổ Số Chính Phủ đã được sắp đặt kiến tạo "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" có số lượng 500 bộ, với Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương kiến tạo 400 bộ, Viện Xổ Số Chính Phủ kiến tạo 100 bộ, cung thân kính dâng nhằm để khâm tứ đến Viện Giáo Dục, Tu Viện, và Quốc Gia thân hữu kính ngưỡng Phật Giáo theo nguyện vọng mãn ý Quốc Vương. Với sự trung thành, báo đáp ân đức **(Kataññūkatavedī)** trong Ân Uy Đức Ngài Tăng Vương và lòng tràn đầy hân hoan duyệt ý **(Pītisomanassa)** nơi Quốc Vương khoan ân hậu đức một cách bảo quý, tiến hóa Vương Thọ hết sức thịnh đạt tròn ngũ giáp chu niên trong ngày Thứ Năm Tháng Mười Hai Phật Lịch 2530 (Dương Lịch 1986) thành cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** đại kiết tường một cách chân chính cho cả ba Học Viện chủ yếu, đó là Học Viện Quốc Gia, Học Viện Tôn Giáo Quốc Vương và cho tấm lòng thiện cảm tất cả mỗi lê dân mà không có ngoại lệ.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương, và Viện Xổ Số Chính Phủ mong rằng "Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải" mà cùng nhau kiến tạo cung thân kính dâng trong lần này, sẽ là một sự việc hỗ huệ hỗ lợi lâu dài trong lãnh vực việc truyền thừa tiếp nối thọ mạng Phật Giáo có khả năng kiến tạo lợi ích và bang trợ sự an lạc cho người dân ở trên thế gian. Bậc học giả và thực hành theo mục tiêu trong việc đản sinh Đức Thế Tôn và trong việc thành lập Phật Giáo Đức Phật, tất cả sẽ là việc bổ túc Pháp Toàn Thiện Xả Thí **(Dānapāramī – Xả Thí Ba La Mật)** với cả phần Tài Thí **(Āmisadāna)** và cả phần Pháp Thí **(Dhammadāna)** của Đức Quốc Vương, Bậc Ân Đức Cao Thượng.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương và Viện Xổ Số Chính Phủ xin cung thân kính dâng hảo vận khí kiết tường **(Jayamaṅgala),** xin khâm tứ cung thỉnh Uy Lực Tối Thượng Đức Phật **(Buddhānubhāva),** Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo **(Dhammānubhāva),** Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo **(Saṅghānubhāva)** xin bảo hộ người an trú ở trong Pháp Bảo cho được khang lạc, cho được tiến hóa ở trong Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã giáo truyền.

Đức Ngài an ngự thuần tịnh bền vững lâu dài trong đại bảo tháp chín lọng trắng Đại Hoàng Cung **Chakri,** cho được tác thành nền tảng chung điểm khởi sinh sự khang lạc, nhĩ hảo có sự hoan hỷ Đức Vương Hậu. Hoàng Hậu Nhiếp Chính và Hoàng Phái nước Chư Hầu ở Bắc Thái Lan an cư lạc nghiệp, kiến thiết phồn vinh phú cường phì nhiêu, đồng câu hành với Pháp Chánh Kiến ở Chánh Quyền, viên chức nhà nước, cảnh sát, nhân viên dân sự và hết cả thảy dân chúng.

**Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia**
**Đại Vương Miện (Mahāmongkut)**
**Trong Sự Bảo Trợ To Lớn Của Đại Vương -**
**Viện Xổ Số Chính Phủ**

----------00000----------

## LỜI NÓI ĐẦU

(Trong lần ấn loát đầu tiên)

Phật Ngôn **(Buddhavacana)** là Tam Tạng **(Tipiṭaka),** tập hợp lại việc Giáo Dục Phật Pháp **(Sāsanadhamma)** huấn từ Đức Phật, sắp thành chín phần, đó là:

**1. Kinh Tập (Suttanipāta):** tức là Nhất Đối Phân Tích **(Ubhatovibhaṅga),** Xiển Minh **(Niddesa),** Đoạn Văn **(Khandhaka),** Tập Yếu **(Parivāra),** và các bài kinh khác gồm có Kinh Kiết Tường **(Maṅgalasutta)** v.v.

**2. Thi Tập (Geyya):** là Kinh Tập kết hợp với các thi thư **(Gāthā).**

**3. Giải Thuyết (Veyyākaraṇa):** là toàn bộ Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhamma Piṭaka),** bài kinh mà không có thi thư và Phật Ngôn, vả lại không có sắp vào trong tám phần (còn lại), tất cả được gọi là Giải Thuyết.

**4. Thi Thư (Gāthā):** là Kinh Pháp Cú **(Dhammapada),** Trưởng Lão Tăng Kệ **(Thera gāthā),** Trưởng Lão Ni Kệ **(Therīgāthā)** và toàn bộ các thi thư mà không được gọi là thi thư ở trong phần Kinh Tập **(Suttanipāta).**

**5. Tự Thuyết Kinh (Udāna):** là 82 bài kinh mà Đức Phật đã thốt lên với Hoan Hỷ Trí **(Somanassañāṇa).**

**6. Như Thị Ngữ Kinh (Itivuttaka):** là 110 bài kinh đã được đưa lên với lời nói rằng "điều này đúng như thật với lời mà Đức Thế Tôn đã khải thuyết".

**7. Bổn Sinh (Jātaka):** là việc trình bày tích truyện trong kiếp sống quá khứ Đức Phật, có Bổn Sinh Pháp Tối Thượng **(Apaṇṇakajātaka # 1,** Kinh Bổn Sinh) v.v. Có tất cả 550 tích truyện.

**8. Vị Tằng Hữu Pháp (Abbhūtadhamma):** là bài kinh được kết hợp **(Paṭisamyutta)** với các Pháp Vị Tằng Hữu Thần Kỳ **(Acchariya Abbhūtadhamma).**

**9. Phương Quảng (Vedalla):** là quy tắc lời người vấn hỏi đã có được sự lý giải thấu triệt và có sự hoan hỷ rồi lại tiếp tục khởi sinh lên sự vấn hỏi, như bài Kinh Đại Phương Quảng **(Mahāvedallasutta # 43,** Trung Bộ Kinh), Kinh Tiểu Phương Quảng **(Cūḷavedalla Sutta # 44,** Trung Bộ Kinh), Kinh Chính Kiến **(Sammādiṭṭhi Sutta # 9,** Trung Bộ Kinh) và Đế Thích Sở Vấn Kinh **(Sakkapañha Sutta # 21,** Trường Bộ Kinh), v.v.

Những thể loại Phật Ngôn này, thể theo thực tính Giáo Pháp là Pháp Chân Đế **(Saccadhamma)** đã được khải thuyết; là Pháp thâm khắc, nan tri, cực nan kiến, an tịnh, tinh mỹ, bất khả tư nghị, vi tế; là Pháp duy chỉ có Bậc Hiền Trí **(Paṇḍita)** sẽ liễu tri. Vì thực tính Giáo Pháp có trạng thái như đã đề cập, mới cần phải giải thích cho phát sinh sự hiểu biết, cả về nội dung **(Attha)** và hình thái **(Byañjana),** nhằm để cho có khả năng thấy rõ được các Pháp theo thực tính trong từng mỗi sự kiện.

Bởi vì căn gốc tập khí con người khác biệt nhau trong từng mỗi phương diện, được ví tợ như bốn loại hoa sen, Đức Phật mới có ba phương pháp trong việc khải thuyết Giáo Pháp, theo từng mỗi tình huống giảng dạy Giáo Pháp của Ngài, đó là:

1/. Lập ý giảng dạy cho người nghe càng chân tri chước kiến trong sự việc ưng đương khả tri khả kiến.

2/. Lập ý khải thuyết Giáo Pháp có nguyên nhân nhằm để cho người nghe có thể khảo lự theo đó kiến tri được sự thật.

3/. Lập ý khải thuyết Giáo Pháp thần kỳ, tức là người thực hành theo đó sẽ được đón nhận sự lợi ích thích hợp với khả năng việc thực hành.

Vì lẽ ấy, Đức Phật lập ý kết hợp với thần thông lực, thông tuệ ở trong những ngôn từ. Vì là Bậc Khôi Thủ Giáo Pháp, trước khi sẽ khải thuyết Giáo Pháp cho bất luận một ai, với trí tuệ Ngài đã lập ý kiểm nghiệm bối cảnh xuất thân từng mọi phương diện ở những hạng người ấy. Kết quả từ việc lắng nghe ở trong trú xứ Đức Phật (Phật Địa Giới) mới không có vấn đề là người nghe sẽ không có sự hiểu biết. Và kết quả từ việc lắng nghe Giáo Pháp vào thời kỳ Đức Phật mới có sự vi diệu thần kỳ.

Sau khi Đức Phật đã Viên Tịch Níp Bàn, thiết lập Pháp Luật **(Dhamma Vinaya)** trở thành Bậc Đạo Sư để thay thế Ngài. Giáo Pháp đã được khải thuyết vẫn như thuở ban đầu, thế nhưng trình độ Tài Trí **(Sati Paññā),** Ba La Mật **(Pāramī),** sự quan chú ở trong Giáo Pháp con người đã cải biến đi, và làm cho việc giải thích hàm nghĩa về Pháp Luật **(Dhamma Vinaya)** theo sự hiểu biết tự bản thân khởi sinh, mới làm cho tổn thất sự tương đẳng trong lãnh vực Giới Luật **(Sīla)** và Tri Kiến **(Diṭṭhi)** hết lần này đến lần nọ. Có vài thời kỳ phát sinh sự phân liệt ra thành nhiều tông phái **(Nikāya),** và có lúc đã lên đến 18 tông phái.

Bậc Chú Giải Sư liễu tri Đức Phật thuyết giáo, cả về nội dung **(Attha)** và hình thái **(Byañjana)** Phật Ngôn. Vì lẽ, việc tu học đòi hỏi cần phải liên tục nối tiếp nhau không ngừng nghỉ, phải có tín tâm và cần có sự nỗ lực tối đa, đặng thủ đắc lời giải thích phần Phật ngôn khó liễu giải ở trong Tam Tạng. Để cho phát sinh sự liễu giải một cách dễ dàng đối với hàng Học Giả và Hành Giả, tiêu chí ở trong kinh điển Phật Giáo mới lần lượt có sự giảm xuống dần, đó là:

**1. Kinh Tạng (Sutta):** Là Phật Ngôn mà gọi là Tam Tạng, cả Luật Tạng, Kinh Tạng và Vô Tỷ Pháp Tạng.

**2. Kinh Tạng Phụ Thuộc (Suttānuloma):** Là kinh điển mà Bậc Chú Giải Sư đã lựa lọc và ghi chép mà trứ tác ra, giải thích nội dung khó hiểu ở trong Tam Tạng.

**3. Giáo Thọ Kiến Giải (Ācariyavāda):** Kiến giải các Bậc Giáo Thọ Sư, kể từ giai đoạn Phụ Chú Giải **(Ṭīkā),** Tiểu Phụ Chú Giải **(Anuṭīkā)** và các Bậc Giáo Thọ Trưởng Lão trong thời hậu đại.

**4. Cá Nhân Kiến Giải (Attanomati – Tư Kiến):** Sự kiến giải của vị diễn giảng giả, bậc diễn thuyết Giáo Pháp trong Phật Giáo.

Trong thời hậu lai, có việc thuyết minh Giáo Pháp thuộc diện "Giáo Thọ Kiến Giải", tức là thủ chấp theo vị Giáo Thọ của mình đã giảng dạy với "Cá Nhân Kiến Giải" (Tư Kiến), rồi đa phần lại đi theo ý kiến của mình đã phát sinh. Sẽ có thể xảy ra các sự việc này, là vì kinh điển Phật Giáo thuộc nền tảng trọng yếu, đó là Tam Tạng và Chú Giải đã không có được phổ biến; Chú Giải đa phần có lẽ vẫn còn ở phần từ ngữ **Pāli**, và có ít người tín tâm ở

trong **Pāḷi** ngữ. Số lượng từ ngữ **Pāḷi** đã phiên dịch ra khó được liên tục, làm cho tri thức của người không có được việc tu học trước tiên, vả lại thiếu hảo bằng hữu thuộc Bậc Hiền Trí ở trong Phật Giáo v.v.

Việc thuyết minh Giáo Pháp là thành quả từ sự giác ngộ ở Bậc Vô Sinh Chánh Đẳng Giác rất là nguy hiểm, vì lẽ sẽ dễ dàng có được cơ hội ngộ giải, nói năng sai trái, và thực hành sai trật. Tam Tạng tự hồ Hiến Pháp, quy luật phổ biến sẽ không được mâu thuẫn với Hiến Pháp như thế nào, việc thuyết minh Giáo Pháp mâu thuẫn với Tam Tạng, hàng Hảo Phật Giáo Đồ thường coi như không thể nào làm được, cũng dường như thế ấy.

Với mục đích để cho Phật Ngôn đã hiện bày ở trong Tam Tạng được phổ biến trong hình dạng Thái ngữ và để cho phát sinh việc tri tình đạt lý Phật Giáo đúng theo nền tảng đã hiện bày ở trong Tam Tạng và trong sự giải thích ở Bậc Chú Giải Sư, nhằm để được phát sinh Kiến Giải Bình Hằng **(Diṭṭhisāmaññatā),** sự bình hằng trong phương diện kiến giải, và Giới Luật Bình Hằng **(Sīlasāmaññatā),** sự bình hằng trong phương diện giới luật ở hàng Tín Đồ Phật Giáo ở cả phía tu hành giả và phía người tại gia, Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** trong sự bảo trợ to lớn của Đại Vương mới sắp đặt việc phiên dịch Tam Tạng và Chú Giải tuân thủ theo các nguyên tắc làm việc như tiếp theo đây:

1/. Dẫn lấy bài kinh và chú giải ở từng mỗi bài kinh đem đi ấn loát nối tiếp với nhau trong cùng một quyển kinh, nhằm giúp cho vị học giả mà không hiểu biết nội dung ở trong bài kinh, có khả năng tìm kiếm câu trả lời từ nơi Chú Giải.

2/. Vì Tạng Luật đặc biệt chỉ chuyên ở trong lãnh vực Chư Tỳ Khưu và Sa Di nên Chú Giải về Tạng Luật đã được phiên dịch ra rất nhiều. Tạng Vô Tỷ Pháp cũng đã được phiên dịch một cách phổ biến cùng với cả phần Chú Giải. Chỉ có việc cùng nhau tu học vẫn còn ở trong vòng hạn chế, việc làm trong lúc khởi phát ban đầu mới sắp xếp Tạng Kinh trước tiên, và sắp xếp theo thuận tự bộ kinh **(Nikāya).**

3/. Trong việc phiên dịch, chỉ định cho tối đa ở phần ý nghĩa Thái ngữ, đồng thời cũng phải trông coi ở phần từ ngữ **Pāḷi**, nhằm giúp cho người không có học **Pāḷi** ngữ đọc thấu hiểu được, và Bậc Học Giả **Pāḷi** ngữ có cơ sở trong việc thẩm tra đối chiếu tỷ giảo.

4/. Ngài Ủy Viên trong Ban Chấp Hành làm việc tuyển chọn vị có sự thông thạo trong phần Thái ngữ, có sự yêu thích công việc, có sự sẵn sàng hy sinh để sẽ hoàn thành công việc cúng dường Đức Phật.

5/. Lập thành tích để sẽ được ấn loát theo thuận tự, hãy nỗ lực tìm kiếm người có tâm địa thiện lương trợ lý, sẵn sàng hy sinh với đông đạo nhân trong việc ấn loát từng mỗi quyển kinh. Khi việc ấn loát đã viên mãn, sắp xếp việc phát hành với giá cả chỉ hơn giá vốn một chút ít, nhằm giúp ích cho người có sự quan chú nói chung có khả năng tìm mua và đọc.

Những công việc này sẽ tiến hành một cách tuần tự theo thực lực tài chính và năng lực đức tin vị kiến thị hoạch đắc thành hiệu từ nơi công việc này sẽ ban phát cho việc bang trợ.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** hy vọng rằng công việc phiên dịch Tam Tạng **(Tipiṭaka),** Chú Giải **(Atthakathā)** và Chú Giải Cải Biến **(Parivarata Atthakathā)** trong từng mỗi quyển kinh, có khả năng hỗ huệ hỗ lợi đối với Phật Giáo, Chư Tỳ Khưu và Sa Di, hàng Phật Giáo Đồ có sự quan chú trong nền tảng Giáo Pháp và có khả năng cho sự nghiệp hỗ huệ hỗ lợi được trường cửu vĩnh hằng.

Công việc trong lúc ban đầu cũng có thể sẽ có sự sai trật khiếm khuyết, hy vọng rằng có thể được đón nhận sự từ bi chỉ điểm từ các bậc tri thức, nhằm để tu chính cải thiện cho có được sự hoàn hảo tốt đẹp trong những cơ hội sau này.

Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện **(Mahāmongkut)** cần phải cho ấn loát quyển kinh sách này để truy niệm nhân cơ duyên tuyệt hảo **(Vorakāsa)** Lễ Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Đại Kinh Đô **Bangkok** (Pearl of Indra – Trân Châu Đế Thích Thiên Vương) được tròn 200 năm vào Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981) Vương Triều **Chakri.**

Xin Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo **(Tiratanānubhāva)** ban phước lành cho bậc hỗ trợ trong việc phiên dịch, chuyển hoán cho công quỹ in ấn và phát hành bộ kinh sách phiên dịch này, và các quyển kinh sách khác, xin cho thành đạt được sự tiến hóa trong Giáo Pháp mà Đức Thế Tôn đã khải thuyết thiện hảo phổ truyền.

**Cao Đẳng Chuyên Khoa Học Hiệu Hoàng Gia Đại Vương Miện (Mahāmongkut)**
**Phật Lịch 2527 / Dương Lịch 1984**

----------00000----------

# LỜI GIẢI THÍCH

**Kinh sách Chú Giải là bộ kinh sách thu tập lời giải thích hữu quan với Tam Tạng mà Bậc Cổ Đức đã giải thích xiển minh** với việc nêu lấy các bài kinh, những đoản ngữ, các câu văn ở trong Tam Tạng mà nhận thấy rằng thích hợp cho việc bổ sung thuyết minh, hoặc nội dung vẫn chưa có được rõ ràng, đem đặt thành đề mục hoặc thiên mục rồi giải thích làm cho sáng tỏ thêm, dựa theo sự nhận thấy rằng thích hợp cho việc xiển minh; hoặc cho việc bổ sung thuyết minh tình tiết câu chuyện hữu quan với bài kinh, đoản ngữ hoặc câu văn ấy cho khởi sinh lên sự minh hiển; nhằm để cho bậc tu học Tam Tạng trong phần ấy sẽ được thấu hiểu; hoặc sẽ được hiểu biết tình tiết câu chuyện phụ trợ tinh tế quảng khoát, nhằm để cho thành hữu ích đối với việc thấu hiểu Giáo Pháp, tình tiết câu chuyện, và sự kiện đã xảy ra hoặc hữu quan với Điều Pháp ấy trong Tam Tạng cho được sáng tỏ rõ ràng.

Vì thế, bộ kinh sách Chú Giải, hoặc gọi một cách ngắn gọn là Bộ Chú Giải mới có lợi ích rất nhiều đối với việc đọc, hoặc việc tu học Tam Tạng, bởi vì giúp ích giải khai ý nghĩa trong phần vấn đề, và giúp bổ sung thuyết minh tình tiết câu chuyện với một số ý chính, một số tình tiết sự kiện mà có thể sẽ không được ghi chép để ở trong Tam Tạng, nhằm để cho được hoàn hảo.

Tuy nhiên, đồng thời bộ kinh sách Chú Giải không chỉ có đơn thuần lời giải thích ở các bài kinh, những đoản ngữ, hoặc các câu văn ở trong Tam Tạng, mà các Bậc Chú Giải Sư vẫn còn trình bày một số ít nhiều quan điểm của mình thể theo đường lối Giáo Pháp và v.v. để ở trong các quyển kinh sách ấy.

Vì thế, bộ kinh sách Chú Giải mới thành cơ sở tri thức chủ yếu đạo lộ Phật Giáo, ở cấp hạng thấp hơn Phần Tam Tạng, và được dùng làm nền tảng chứng cứ tham khảo một cách phổ biến trong việc tu học Phật Giáo.

Hình thức việc giải thích Tam Tạng hiện bày trong bộ kinh sách Chú Giải ấy đã không được tiến hành lấy mọi bài kinh hoặc mọi tình tiết câu chuyện ở trong Tam Tạng đem ra giải thích, mà chỉ tiến hành lấy một vài lời bài kinh, một số đoản ngữ hoặc một vài câu văn ở trong bài kinh ấy hoặc tình tiết câu chuyện ấy đem ra giải thích, dựa theo Bậc Chú Giải Sư nhận thấy rằng thích hợp cho việc xiển minh. Vì thế, một số bài kinh hoặc một vài tình tiết câu chuyện ở trong Tam Tạng mới không có lời giải thích trong bộ kinh sách Chú Giải hoặc gọi một cách vắn tắt là "không có Chú Giải", bởi vì Bậc Chú Giải Sư nhận thấy rằng nội dung hoặc ngôn từ văn ý ở trong bài kinh ấy hoặc tình tiết câu chuyện ấy "phù thiển"(nông cạn) tức là dễ dàng, hay là hiểu biết dễ dàng.

Bộ kinh sách Chú Giải là toàn bộ lời giải thích Tam Tạng có như thế này:

I. Luật Tạng **(Vinayapiṭaka)** có 8 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Samantapāsādikā.** (1)

II. Kinh Tạng **(Suttantapiṭaka)** có 25 quyển, và kinh sách Chú Giải như thế này:

1/. Trường Bộ Kinh **(Dīghanikāya)** có 3 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Sumaṅgalavilāsinī.** (2)

2/. Trung Bộ Kinh **(Majjhimanikāya)** có 3 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Papañcasūdanī.** (3)

3/. Tương Ưng Bộ Kinh **(Saṅyuttanikāya)** có 5 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Sāratthapakāsinī.** (4)

4/. Tăng Chi Bộ Kinh **(Aṅguttaranikāya)** có 5 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi là **Manorathapūraṇī** (Hoàn Thành Điều Ý Nguyện)**.** (5)

5/. Tiểu Bộ Kinh **(Khuddakanikāya)** có 9 quyển, và kinh sách Chú Giải như thế này:

- Tiểu Tụng Kinh **(Khuddakapāṭha)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha jotikā** (Siêu Lý Quang Minh). (6)

– Pháp Cú **(Dhammapada)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Dhammapadaṭṭha kathā** (Chú Giải Pháp Cú Kinh). (7)

– Tự Thuyết Kinh **(Udāna)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (8)

– Như Thị Ngữ Kinh **(Itivuttaka)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (9)

– Kinh Tập **(Suttanipāta)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramatthajotikā** (Siêu Lý Quang Minh). (9)

– Thiên Cung Sự Kinh **(Vimānavatthu)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (10)

– Ngạ Quỷ Sự Kinh **(Petavatthu)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (11)

– Trưởng Lão Tăng Kệ **(Theragāthā)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (12)

– Trưởng Lão Ni Kệ **(Therīgāthā)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Siêu Lý Minh Giải). (13)

– Bổn Sinh **(Jātaka)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Jātakaṭṭhakathā** (Chú Giải Bổn Sinh Kinh). (14)

– Đại Xiển Minh **(Mahāniddesa)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapaj jotikā** (Chánh Pháp Quang Minh). (15)

– Tiểu Xiển Minh **(Cūlaniddesa)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapaj jotikā** (Chánh Pháp Quang Minh). (16)

– Vô Ngại Giải Đạo **(Paṭisambhidāmagga)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Saddhammapakāsinī.** (17)

– Thí Dụ Kinh **(Apadāna)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Visuddhajanavilāsinī.** (18)

– Chủng Tộc Chư Phật **(Buddhavaṃsa)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Madhu ratthavilāsinī.** (19)

– Tiểu Nghĩa Kinh **(Cariyāpiṭaka)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Paramattha dīpanī** (Chánh Pháp Minh Giải). (20)

III. Vô Tỷ Pháp Tạng **(Abhidhamma Piṭaka)** có 12 quyển, và kinh sách Chú Giải có tên gọi như thế này:

- Pháp Tụ **(Dhammasaṅgaṇī)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Aṭṭhasālinī.** (21)

– Phân Tích **(Vibhaṅga)** có kinh sách Chú Giải gọi tên là **Sammohavinodanī.** (22)

– Năm quyển kinh sách còn lại, đó là Nguyên Chất Ngữ **(Dhātukathā),** Nhân Chế Định **(Puggalapaññatti),** Ngữ Tông **(Kathāvatthu),** Song Đối **(Yamaka)** và Phát Thú **(Paṭṭhāna)** có kinh sách Chú Giải kết tập lại với nhau gọi tên là **Paramatthadīpanī** (Siêu Lý Minh Giải); một vài nơi gọi là **Pañcapakaraṇaṭṭhakathā** (Chú Giải Ngũ Bộ Kinh). (23)

Cả 45 quyển kinh Tam Tạng có 23 quyển kinh sách Chú Giải, hoặc kết tập lại với nhau có được 23 quyển kinh sách Chú Giải, và có nhiều quyển kinh sách cũng có tên gọi trùng lặp với nhau.

Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải được sắp đặt ấn loát mới trong lần này, ngoài điều giải thích bổ sung thuyết minh ra như đã có đề cập ở trong Lời Mở Đầu, nhằm để có thêm sự hiểu biết trong việc sử dụng lại có thêm một vài điều nữa như thế này:

1/. Trong phần Chú Giải đã được sắp đặt ấn loát nối tiếp ở phần cuối từng mỗi bài kinh hoặc ở từng mỗi Phẩm **(Vagga)** ấy, **ngôn từ hoặc nội dung ở Tam Tạng mà đem đặt thành câu sẽ được ấn loát với mẫu tự to đậm, nhằm để cho độc giả thấu hiểu rằng các đoạn Chú Giải ấy đang giải thích ngôn từ nào đó thuộc từ ngữ Pāli hoặc nội dung nào đó ở trong Tam Tạng.**

2/. Khi muốn được thấu hiểu rằng tình tiết các câu chuyện ấy, hoặc các ngôn từ ấy có ở trong các quyển kinh sách ấy hay không thì phương thức tìm kiếm - ở giai đoạn đầu hãy cho kiểm tra xem xét ở phần mục lục trong các quyển kinh sách ấy, bởi vì bảng mục lục (table of content) sẽ báo một cách ngắn gọn là bài kinh nào đó rằng với tình tiết câu chuyện như thế này; và giả như cần phải tìm kiếm ngôn từ hoặc tình tiết câu chuyện mà không phát hiện ở trong bảng mục lục thì hãy cho kiểm tra xem xét ở phần "sách dẫn phụ hậu" (index - bảng hướng dẫn tra cứu ở phía sau) sẽ có danh sách các ngôn từ chính yếu và danh sách các tình tiết câu chuyện chính yếu, được sắp xếp theo thứ tự mẫu tự.

3/. Trong trường hợp cần phải tìm kiếm các tình tiết câu chuyện, bởi do đã thấu hiểu ở trong quyển nào, điều nào ở Tam Tạng **Pāli** ngữ trước đó rồi, hãy tìm kiếm ở trong Bản Phiên Dịch Tam Tạng và Chú Giải quyển kinh có tên gọi giống như nhau, rồi xem theo số mục sẽ tương tự như nhau.

4/. Tên gọi quyển kinh và số mục ở trong quyển kinh theo như đã đề cập ở đây, ngụ ý đến tên gọi quyển kinh và số mục ở trong Phiên Bản Tam Tạng **Pāli** ngữ Xứ Xiêm La. Tất cả cũng chỉ vì Phiên Bản Tam Tạng **Pāli** khác có thể có việc sắp xếp số mục sai biệt đi.

5/. Con số ở trong dấu ngoặc đơn, chẳng hạn như 1] thường đặt để ở phía trước nội dung đoạn văn mới. Trong phần Chú Giải báo cho biết rằng là nội dung lý giải tình tiết câu chuyện ở trong điều [1] Phần Tam Tạng. Thế nhưng bỏ dấu ngoặc đơn vào nội dung ở chỗ

này là phần Chú Giải đang giải thích tình tiết câu chuyện ở trong điều [1] Phần Tam Tạng. Nếu như bỏ con số 2 vào, dạ e rằng độc giả sẽ ngộ giải rằng là nội dung ở trong Tam Tạng.

Con số ở trong dấu ngoặc đơn đây, có thể không có tuần tự nối tiếp với nhau, chẳng hạn như 1] rồi có thể vượt qua 4], 8] có thể là như thế này, trình bày rằng "nội dung ở trong Tam Tạng không có hiện bày các điều ấy, và Chú Giải không có thể đem ra giải thích được".

6/. Việc tra cứu từ ngữ, một số từ ngữ có thể sử dụng ở nhiều thể loại Ngữ Pháp, chẳng hạn như từ ngữ "Nghiệp Xứ" (có thể là **Kammaṭṭhāna** hoặc **Kammaṭhāna),** "Kiến" (có thể là **Diṭṭhi** hoặc **Diṭhi),** "Tâm Giới Hành" (có thể là **Cittasikkhā** hoặc **Citasikkhā),** v.v. Khi tra cứu, không gặp được từ ngữ này, nên tra cứu xem xét một từ ngữ khác.

7/. Từ ngữ lân cận, chẳng hạn như Nghiệp Lực **(Kamma),** Nghiệp Lực tốt, Nghiệp Lực xấu, Tâm **(Citta),** Tâm ác xúc, Tâm tinh khiết, Phước **(Puñña),** Phước Báu Nghiệp Lực **(Puñña kamma).** Khi tra cứu một từ ngữ mà không gặp, nên tra cứu xem xét từ ngữ khác ở lân cận.

----------00000----------

## MỤC LỤC


**2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA)** ----------*22*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** -- ----------*22*

**2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra)** ----------*33*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*33*

**3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)** ---------- ----------*67*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*67*

**2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra)** ---------- ----------*83*

**3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** ----------*84*

**4. Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra)** ---------- ----------*94*

**5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra)** ----------*95*

**6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra)** ----- ----------*96*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*97*

**4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)** ----------*123*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*123*

**2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra)** ----------*136*

**3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** ----------*136*

**4. Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra)** ----------*146*

**5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra)** ----------*146*

**6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra)** ----------*147*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*148*

**5. TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHATIKA)** ----------*193*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*193*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*196*

**6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)** ----------*220*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*220*

**3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** ----------*244*

**5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra)** ----------*249*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*251*

**7. TAM ĐỀ HỶ (PĪTITIKA)** ----------*311*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*311*

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*316*

**8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)** ----------*335*

**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*335*

**2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra)** ----------*345*

**3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** ----------*345*

**5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra)** ----------*354*

6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra) ----------356
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------357
9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN ----------377
(DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------377
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------388
5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra) ----------402
6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra)----------406
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------407
10. TAM ĐỀ TẠO THÀNH TÍCH LŨY (ĀCAYAGĀMITIKA) ----------431
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------431
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------438
5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra) ----------447
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------450
11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA) ----------468
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------468
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------475
5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra) ----------480
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------483
12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA) ----------498
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------498
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------509
5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra) ----------514
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------518
13. TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU (PARITTĀRAMMAṆATIKA) ----------538
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------538
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------542
14. TAM ĐỀ TẦNG HẠ TIỆN (HĪNATIKA) ----------554
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------554
15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT ĐỊNH QUẢ BÁO ----------555
(MICCHATTANIYATATIKA)
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------556
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------559
5. Giai Đoạn Hỗn Hòa (Saṅsaṭṭhavāra) ----------563
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------567
16. TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH (MAGGĀRAMMAṆATIKA) ----------581
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------581
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------588
17. TAM ĐỀ KHỞI SINH (UPPANNATIKA) ----------599

**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*599*
**18. TAM ĐỀ QUÁ KHỨ (ATĪTATIKA)** ----------*608*
**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*608*
**19. TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ (ATĪTĀRAMMAṆATIKA)** ----------*616*
**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*616*
**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*620*
**20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA)** ----------*630*
**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*630*
**3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra)** ----------*636*
**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*639*
**21. TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ (AJJHATTĀRAMMAṆATIKA)** ----------*652*
**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*652*
**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*655*
**22. TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU (SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA)** ----------*663*
**1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra)** ----------*663*
**7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra)** ----------*675*
**Phụ Lục: 22 Tạm Đề (Tika)** ----------*693*
**Sách Dẫn** ----------*698*
**Lời Phục Nguyện Biên Tập Viên** ----------*717*

## PHÁP THUẬN TÙNG TAM ĐỀ PHÁT THÚ
## (DHAMMĀNULOMATIKAPAṬṬHĀNA) (*)

[(*): Việc gọi tên đầu đề thì Tạng **Pāḷi** (tức là Tam Tạng) với Bộ Chú Giải gọi không giống nhau, chẳng hạn như từ ngữ **"Paṭiccavārauddesa"** (Xiển Thuật Giai Đoạn Liên Quan) (viết theo dạng thức **Pāḷi** là **"Paṭiccavārauddesa"**) đây, Tạng **Pāḷi** dùng là **"Paṭiccavāro"** (không có từ ngữ **"Uddesa"**) khi Phần mở đầu với đầu đề Ngài dùng là **"Paṇṇattivāro"** (Giai Đoạn Định Danh), như thế đầu đề ở chỗ này sẽ gọi là **(Paṭicca – Liên Quan) "Uddesavāra"** (Giai Đoạn Xiển Thuật) cũng được, **"Paṇṇattivāro"** (Giai Đoạn Định Danh) cũng được, **"Pucchāvāra"** (Giai Đoạn Thẩm Vấn) cũng được. (Bộ Chú Giải này, trang 121) trong quyển kinh sách này dùng nghĩa từ thuận theo trong từng mỗi quyển kinh.]

## PAṬṬHĀNA – PHÁT THÚ
## BHĀGA II – PHẦN II - QUYỂN II
## (QUYỂN 86 - 87 / 91)

---

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA**
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỨNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GIÁC

---

### GIAI ĐOẠN TOÁT YẾU MẪU ĐỀ (1)
### (MĀTIKĀNIKKHEPAVĀRA)

[1] 24 Duyên **(Paccaya)**

1. Nhân Duyên **(Hetupaccaya)**
2. Cảnh Duyên **(Ārammaṇapaccaya)**
3. Trưởng Duyên **(Adhipatipaccaya)**
4. Vô Gián Duyên **(Anantarapaccaya)**
5. Đẳng Vô Gián Duyên **(Samanantarapaccaya)**
6. Câu Sinh Duyên **(Sahajātapaccaya)**
7. Hỗ Tương Duyên **(Aññamaññapaccaya)**
8. Y Chỉ Duyên **(Nissayapaccaya)**
9. Cận Y Duyên **(Upanissayapaccaya)**
10. Tiền Sinh Duyên **(Purejātapaccaya)**
11. Hậu Sinh Duyên **(Pacchājātapaccaya)**
12. Trùng Dụng Duyên **(Āsevanapaccaya)**
13. Nghiệp Lực Duyên **(Kammapaccaya)**
14. Dị Thục Quả Duyên **(Vipākapaccaya)**
15. Vật Thực Duyên **(Āhārapaccaya)**

16. Quyền Lực Duyên **(Indriyapaccaya)**
17. Thiền Na Duyên **(Jhānapaccaya)**
18. Đồ Đạo Duyên **(Maggapaccaya)**
19. Tương Ưng Duyên **(Sampayuttapaccaya)**
20. Bất Tương Ưng Duyên **(Vippayuttapaccaya)**
21. Hiện Hữu Duyên **(Atthipaccaya)**
22. Vô Hữu Duyên **(Natthipaccaya)**
23. Ly Khứ Duyên **(Vigatapaccaya)**
24. Bất Ly Duyên **(Avigatapaccaya)**

[(1) Theo Chánh Tạng **Pāḷi** (tức là Tam Tạng) gọi như thế này, thế nhưng Bộ Chú Giải gọi là "Giai Đoạn Xiển Thuật" **(Uddesavāra)** bởi vì từng mỗi quyển kinh sách gọi theo tên gọi từng mỗi chủ đề tình tiết câu chuyện sai biệt nhau, chẳng hạn như Chánh Tạng **Pāḷi** gọi là "Phát Thú" **(Paṭṭhāna),** bộ Chú Giải gọi tên là "Đại Kinh Điển Phát Thú" **(Mahā paṭṭhānapakaraṇa).** Như thế trong quyển kinh sách này mới xin dùng tên gọi theo chủ đề các quyển kinh sách ấy].

----------00000----------

## 2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1077] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ **(Sukhāya Vedanāya Sampayuttā Dhammā)** nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1078] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ **(Dukkhāya Vedanāya Sampayutta Dhammā)** nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1079] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ **(Adukkhamasukhāya Vedanāya Sampayuttā Dhammā)** nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn

nương nhờ mộ Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

## CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

**[1080]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên...Do bởi Trưởng Duyên (trong Trưởng Duyên không có Tái Sinh)...Do bởi Vô Gián Duyên...Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên...Do bởi Câu Sinh Duyên...Do bởi Hỗ Tương Duyên...Do bởi Y Chỉ Duyên...Do bởi Cận Y Duyên...Do bởi Tiền Sinh Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên (trích yếu).

**[1081]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên...Do bởi Nghiệp Lực Duyên...Do bởi Dị Thục Quả Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1082]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ, câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1083]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1084]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên...Do bởi Quyền Lực Duyên...Do bởi Thiền Na Duyên...Do bởi Đồ Đạo Duyên...Do bởi Tương Ưng Duyên...Do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[1085]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[1086]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn

Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên v.v. Do bởi Hiện Hữu Duyên...Do bởi Vô Hữu Duyên...Do bởi Ly Khứ Duyên...Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1087]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN CẢNH – TRƯỞNG CĂN NGUYÊN
## (ĀRAMMAṆA – ADHIPATIMŪLAKANAYA)

Do bởi Cảnh Duyên...Do bởi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ... Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN TRÙNG DỤNG CĂN NGUYÊN
## (ĀSEVANAMŪLAKANAYA)

Do bởi Trùng Dụng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ...Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN DỊ THỤC QUẢ CĂN NGUYÊN
## (VIPĀKAMŪLAKANAYA)

Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN THIỀN NA CĂN NGUYÊN (JHĀNAMŪLAKANAYA)

Do bởi Thiền Na Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (MAGGAMŪLAKANAYA)

Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN BẤT LY CĂN NGUYÊN (AVIGATAMŪLAKANAYA)

Do bởi Bất Ly Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Việc tính đếm Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan của Tam Đề Thọ nên làm cho quảng nghĩa tương tự với việc tính đếm Duyên của Tam Đề Thiện.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

**[1088] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1089] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ, câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1090] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Si câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**[1091]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Có đầy đủ Tâm Tái Sinh trong Phi Trưởng Duyên.

**[1092] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na

Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1093] 2.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1094]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên...Ngay cả Phi Hậu Sinh Duyên, ngay cả Phi Trùng Dụng đều có đầy đủ Tâm Tái Sinh.

**[1095] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên.

**[1096] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên.

**[1097] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên.

**[1098]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên...Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc Thọ, câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1099] 1.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ, câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1100] 2.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Nhãn Thức **(Cakkhuviññāṇa)** khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1101]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1102]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ, câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1103]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi

sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1104]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1105]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1106]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**[1107]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1108]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1109]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1110]** Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**[1111]** Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi

Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**[1112]** Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ v.v.

**[1113]** Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên...Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên...Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**[1114]** Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1115]** Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ.. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ v.v.

**[1116]** Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Phi Dị Thục Quả Duyên tương tự với Phi Nghiệp Lực Duyên.

**[1117]** Do bởi Phi Thiền Na Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

**[1118]** Do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

**[1119]** Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1120]** Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

**[1121]** Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ…Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ v.v.

**[1122]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ …Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

**[1123]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

**[1124]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

### Kết Thúc Việc Tính Đếm Thời Kỳ Trong Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1125]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**[1126]** Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm thời kỳ tương tự với Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1127]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1128]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1129]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**[1130]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**[1131]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. do bởi Phi Nghiệp Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Nhân Căn Nguyên

**[1132]** Do bởi Phi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.

**[1133]** Do bởi Phi Thiền Na Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.

**[1134]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận

Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

**[1135]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**[1136]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**[1137]** Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**

**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

## GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA) v.v.

**[1138]** Câu sinh với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ v.v. y chỉ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ v.v. nương nhờ Pháp Tương Ưng Lạc Thọ v.v. hỗn hòa với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ.

**[1139]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ.. Tương Ưng Pháp..Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, tức là hai Uẩn tương ưng với một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn tương ưng với hai Uẩn khởi sinh lên.

### Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1140] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Nhân Duyên, tức là Nhân Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1141] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nhân Duyên, tức là Nhân Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1142] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nhân Duyên, tức là Nhân Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1143] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

**2.** Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các phiền não Pháp Tương Ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng

Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn ấy, tham ái, tà kiến Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

**3.** Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1144] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

2. Khi Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ đã bị táng thất, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

3. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thường khởi sinh lên.

**[1145] 3.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Người xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

3. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp Phiền Não Tương Ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ; tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế; tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước; kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

4. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại các Uẩn ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

5. Các Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

6. Các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

7. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1146] 4.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Vì tư khảo sân hận mới làm cho sân hận, si mê thường khởi sinh lên. Vì tư khảo si mê Tương Ưng Khổ Thọ mới làm cho si mê, sân hận thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Thân Thức câu hành Khổ Thọ mới làm cho sân hận, si mê thường khởi sinh lên.

2. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thường khởi sinh lên.

**[1147] 5.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Khổ Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

2. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1148] 6.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Khổ Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế; tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ.

3. Các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

4. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1149] 7.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn ấy, tham ái, tà kiến Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

**3.** Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1144] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

2. Khi Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ đã bị táng thất, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

3. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thường khởi sinh lên.

**[1145] 3.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Người xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

3. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp Phiền Não Tương Ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ; tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế; tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước; kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

4. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại các Uẩn ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

5. Các Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

6. Các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

7. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1146] 4.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Vì tư khảo sân hận mới làm cho sân hận, si mê thường khởi sinh lên. Vì tư khảo si mê Tương Ưng Khổ Thọ mới làm cho si mê, sân hận thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Thân Thức câu hành Khổ Thọ mới làm cho sân hận, si mê thường khởi sinh lên.

2. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thường khởi sinh lên.

**[1147] 5.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Khổ Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

2. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1148] 6.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Khổ Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế; tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ.

3. Các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

4. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ, các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1149] 7.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

3. Người thường hỷ duyệt, tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại các Uẩn ấy tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

4. Các Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

5. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên.

6. Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

7. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1150] 8.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc thọ theo phương thức Cảnh Duyên, tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ; xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

2. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã được đoạn tận với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ; tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế; tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước; vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, thường kiến giải minh lượng thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại các Uẩn ấy, tham ái, tà kiến Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

3.Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên.

**[1151] 9.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, đó là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

2. Khi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã bị táng thất, ưu thọ **(Domanassa)** thường khởi sinh lên đối với người có sự di hận **(Vippaṭisāra).**

3. Vì tư khảo các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ thường khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1152] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên,** tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc thọ.

2. Xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi thực hiện Thiền Định v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

3. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện các Uẩn tương ưng Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ; khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng,** tức là Pháp Trưởng Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương Trưởng Duyên.

**[1153] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên,** tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định và thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

3. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

**[1154] 3.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên,** tức là Pháp Trưởng Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1155] 4.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên,** tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

2. Xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Phi Lạc Phi Khổ Thọ.

3. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên,** tức là Pháp Trưởng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1156] 5.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên,** tức là:

1. Người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

2. Xuất khỏi Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, thường tư khảo lại với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ.

3. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ. Khi thực hiện Uẩn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến Tương Ưng Lạc Thọ thường khởi sinh lên v.v.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1157] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là:

1. Các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Thuận Tùng Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

3. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh.

4. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo.

5. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo.

6. Đạo làm duyên đối với Quả.

7. Quả làm duyên đối với Quả.

8. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

9. Các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1158] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là:

1. Tâm Tử Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Tâm Hữu Phần Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên.

3. Tâm Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

4. Ý Giới Dị Thục Quả Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên.

5. Tâm Hữu Phần Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

6. Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện Tương Ưng Lạc thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

7. Tâm Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Tâm Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1159] 3.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là các Uẩn sinh trước trước Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau Tương Ưng với Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1160] 4.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là:

1. Tâm Thân Thức câu hành Khổ Thọ làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1161] 5.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là:

1. Các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Thuận Tùng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

3. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh.

4. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo.

5. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo.

6. Đạo làm duyên đối với Quả.

7. Quả làm duyên đối với Quả.

8. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả.

9. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

10. Các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1162] 6.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là:

1. Tâm Tử Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

2. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

3. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

4. Tâm Hữu Phần Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

5. Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất Tương Ưng Lạc Thọ.

6. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)**.

7. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất.

8. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1163] 7.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên, tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1164] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1165] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1166] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Tái Sinh Tương Ưng Khổ Thọ thường không được trong thời kỳ này.

**[1167] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên, tức là một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1168] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v.

Hỗ Tương Duyên cũng như Y Chỉ Duyên tương tự với Câu Sinh Duyên.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1169] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ nương vào Tín Tương Ưng Lạc Thọ rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thúc đẩy Thiền Định Tương Ưng Lạc Thọ cho khởi sinh lên, thúc đẩy Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thúc đẩy Đạo cho khởi sinh lên, thúc đẩy Thắng Trí cho khởi sinh lên, thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

2. Người nương vào Giới Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng, nương vào Thân Thức câu hành Lạc rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Trong năm nhóm Pháp có Tín v.v. nên bổ túc với lời nói rằng "thúc đẩy ngã mạn, chấp thủ tà kiến" vào. Còn nhóm Pháp còn lại không cần bổ túc.

3. Người với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ đã thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân.

4. Tín Tương Ưng Lạc Thọ, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ; đối với Thân Thức câu hành Lạc, đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1170] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào Tín Tương Ưng Lạc Thọ rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân.

2. Người nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ Tương Ưng Lạc Thọ rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân.

3. Người nương vào tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Thân Thức câu hành Lạc rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)**, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát tử Mẫu Thân, sát tử Phụ Thân, sát tử Bậc Vô Sinh, thực hiện việc chích thân huyết Đức Như Lai với Tâm hiểm ác, thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

4. Tín Tương Ưng Lạc Thọ, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với sân hận v.v. đối với si mê, đối với Thân Thức câu hành Khổ, đối với các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1171] 3.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương vào Tín tương ưng Lạc Thọ rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** thúc đẩy Thiền Định Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho khởi sinh lên, thúc đẩy Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thúc đẩy Đạo cho khởi sinh lên, thúc đẩy Thắng Trí cho khởi sinh lên, thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, rồi phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

2. Người nương vào Giới Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Thân Thức câu hành Lạc rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thúc đẩy Thiền Định cho khởi sinh lên, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân.

3. Nương vào Tín Tương Ưng Lạc Thọ, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, nương vào Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng, đối với Thân Thức câu hành Lạc, đối với các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1172] 4.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào sân hận rồi thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)**, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

2. Người nương vào si mê, nương vào Thân Thức câu hành Khổ rồi thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)**, thường thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

3. Sân hận, si mê, Thân Thức câu hành Khổ làm duyên đối với sân hận, si mê, Thân Thức câu hành Khổ, đối với các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1173] 5.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào sân hận rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

2. Nương vào si mê, nương vào Thân Thức câu hành Khổ rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

3. Sân hận, si mê, Thân Thức câu hành Khổ làm duyên đối với Tín Tương Ưng Lạc Thọ v.v. đối với Thân Thức câu hành Lạc, đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1174] 6.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào sân hận rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

2. Nương vào si mê, Thân Thức câu hành Khổ rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

3. Sân hận, si mê, Thân Thức câu hành Khổ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, đối với các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1175] 7.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi thường xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi thường xả thí với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, thâu đoạt vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

2. Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng làm duyên đối với Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. đối với sự dục vọng, đối với các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1176] 8.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. dẫn khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

2. Người nương vào Giới Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. nương vào sự dục vọng rồi xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thúc đẩy việc Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ v.v. thực hiện việc sát lược thị dân.

3. Tín v.v. sự dục vọng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Tương Ưng Lạc Thọ, đối với Thân Thức câu hành Lạc, đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1177] 9.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên,** tức là:

1. Người nương vào Tín Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân.

2. Người nương vào Giới Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. nương vào sự dục vọng rồi thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)**, thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho với Tâm Tương Ưng Khổ Thọ v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

3. Tín v.v. sự dục vọng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với sân hận, si mê, Thân Thức câu hành Khổ, đối với các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA) (*)

**[(*):** Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên
không có được trình bày theo phương thức Tam Đề Thọ.]

**[1178] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên, tức là:

1. Các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

2. Thuận Tùng Trí **(Anulomañāṇa)** Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc.

3. Thuận Tùng Trí **(Anulomañāṇa)** làm duyên đối với Dũ Tịnh.

4. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo.

5. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1179] 2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên, tức là các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1180] 3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên, tức là:

1. Các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

2. Thuận Tùng Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc.

3. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh.

4. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo.

5. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1181] 1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1182] 2.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1183] 3.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1184] 4.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1185] 5.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1186] 6.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1187] 7.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1188] 8.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời**

**Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 12. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1189]** **1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ Dị Thục Quả làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn v.v.

**[1190]** **2.** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ Dị Thục Quả làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v.

**3.** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ Dị Thục Quả làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 13. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 21. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1191]** **1.** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên (*). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

[(*): Bất Tương Ưng Duyên không có được trình bày theo phương thức Tam Đề Thọ.]

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

## 1. PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)
## (PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN - SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1192]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng

Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## NHÂN TẤU HỢP (HETUSABHĀGA)

**[1193]** Do bởi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ*)

**[(*): Hiệp Lực (Ghaṭanā)** là từ ngữ mà Nhà Chú Giải sử dụng trong văn bản kinh điển **Pāli** (Tạng Vô Tỷ Pháp), không đặt thành loại chủ đề cho việc tính đếm thời kỳ, tức là dẫn dắt Duyên có số lượng thời kỳ bằng với nhau để vào trong cùng một chỗ. Trong văn bản này xin được sử dụng từ ngữ này một cách nhất quán.]

**[1194]** Bảy Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên là Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 2. PHẦN CẢNH CĂN NGUYÊN (ĀRAMMAṆAMŪLAKANAYA)
## CẢNH TẤU HỢP - ĀRAMMAṆSABHĀGA

**[1195]** Do bởi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ...Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.

## CẢNH HIỆP LỰC - ĀRAMMAṆAGHAṬANĀ

Ba Duyên là Cảnh Duyên, Trưởng Duyên và Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.

## 3. PHẦN TRƯỞNG CĂN NGUYÊN (ADHIPATIMŪLAKANAYA)
## TRƯỞNG TẤU HỢP - ADHIPATISABHĀGA

**[1196]** Do bởi Trưởng Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## TRƯỞNG HIỆP LỰC - ADHIPATIGHAṬANĀ

**[1197]** Ba Duyên là Trưởng Duyên, Cảnh Duyên, Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.

Bảy Duyên là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

**[1198]** Mười Duyên là Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên là Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 4. PHẦN VÔ GIÁN CĂN NGUYÊN (ANANTARAMŪLAKANAYA)
## 5. PHẦN ĐẲNG VÔ GIÁN CĂN NGUYÊN (SAMANANTARAMŪLAKANAYA)
## VÔ GIÁN TẤU HỢP - ANANTARASABHĀGA

**[1199]** Do bởi Vô Gián Duyên trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ... Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

## VÔ GIÁN HIỆP LỰC - ANANTARAGHAṬANĀ

**[1200]** Năm Duyên là Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên là Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dụng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Sáu Duyên là Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6 - 8. PHẦN CÂU SINH – HỖ TƯƠNG – Y CHỈ CĂN NGUYÊN (SAHAJĀTA – AÑÑAMAÑÑA – NISSAYAMŪLAKANAYA)
## CÂU SINH TẤU HỢP – SAHAJĀTASABHĀGA v.v.

**[1201]** Do bởi Câu Sinh Duyên...Do bởi Hỗ Tương Duyên...Do bởi Y Chỉ Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## Y CHỈ HIỆP LỰC - NISSAYAGHAṬANĀ

**[1202]** Sáu Duyên là Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên là Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## 9. PHẦN CẬN Y CĂN NGUYÊN (UPANISSAYAMŪLAKANAYA)
## CẬN Y TẤU HỢP – UPANISSAYASABHĀGA

**[1203]** Do bởi Cận Y Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

## CẬN Y HIỆP LỰC - UPANISSAYAGHAṬANĀ

**[1204]** Ba Duyên là Cận Y Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.

Năm Duyên là Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên là Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Trùng Dụng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Hai Duyên là Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.

Sáu Duyên là Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

## 10. PHẦN TRÙNG DỤNG CĂN NGUYÊN (ĀSEVANAMŪLAKANAYA)
## TRÙNG DỤNG TẤU HỢP – ĀSEVANASABHĀGA

**[1205]** Do bởi Trùng Dụng Duyên trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ...Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

## TRÙNG DỤNG HIỆP LỰC - ĀSEVANAGHAṬANĀ

Sáu Duyên là Trùng Dụng Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

## 11. PHẦN NGHIỆP LỰC CĂN NGUYÊN (KAMMAMŪLAKANAYA)

## NGHIỆP LỰC TẤU HỢP - KAMMASABHĀGA

**[1206]** Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ... Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## NGHIỆP LỰC HIỆP LỰC - KAMMAGHAṬANĀ

**[1207]** Hai Duyên là Nghiệp Lực Duyên và Cận Y Duyên có tám thời kỳ.

Sáu Duyên là Nghiệp Lực Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## 12. PHẦN DỊ THỤC QUẢ CĂN NGUYÊN (VIPĀKAMŪLAKANAYA)
## DỊ THỤC QUẢ TẤU HỢP – VIPĀKASABHĀGA

**[1208]** Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ... Trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## DỊ THỤC QUẢ HIỆP LỰC - VIPĀKAGHAṬANĀ

Bảy Duyên là Dị Thục Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## 13. PHẦN VẬT THỰC CĂN NGUYÊN (ĀHĀRAMŪLAKANAYA)
## VẬT THỰC TẤU HỢP – ĀHĀRASABHĀGA

**[1209]** Do bởi Vật Thực Duyên trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong

Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## VẬT THỰC HIỆP LỰC - ĀHĀRAGHAṬANĀ

**[1210]** Bảy Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 14. PHẦN QUYỀN LỰC CĂN NGUYÊN (INDRIYAMŪLAKANAYA)
## QUYỀN LỰC TẤU HỢP - INDRIYASABHĀGA

**[1211]** Do bởi Quyền Lực Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## QUYỀN LỰC HIỆP LỰC - INDRIYAGHAṬANĀ

**[1212]** Bảy Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên là Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 15. PHẦN THIỀN NA CĂN NGUYÊN (JHĀNAMŪLAKANAYA)
## THIỀN NA TẤU HỢP – JHĀNASABHĀGA

**[1213]** Do bởi Thiền Na Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## THIỀN NA HIỆP LỰC - JHĀNAGHAṬANĀ

**[1214]** Bảy Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 18. PHẦN ĐỒ ĐẠO CĂN NGUYÊN (MAGGAMŪLAKANAYA)
## ĐỒ ĐẠO TẤU HỢP – MAGGASABHĀGA

**[1215]** Do bởi Đồ Đạo Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC - MAGGAGHAṬANĀ

**[1216]** Bảy Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên là Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên là Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên là Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên là Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## 19. PHẦN TƯƠNG ƯNG CĂN NGUYÊN (SAMPAYUTTAMŪLAKANAYA) TƯƠNG ƯNG TẤU HỢP – SAMPAYUTTASABHĀGA

**[1217]** Do bởi Tương Ưng Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## TƯƠNG ƯNG HIỆP LỰC - SAMPAYUTTAGHAṬANĀ

**[1218]** Sáu Duyên là Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên là Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## 20 - 24. PHẦN HIỆN HỮU CĂN NGUYÊN v.v. (ATTHIMŪLAKANAYA) v.v.

Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên v.v.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên Giai Đoạn Vấn Đề**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH (*)

**[(*):** Lời nói rằng **"Uddhāra – Tuyển Bạt"** là từ ngữ được sử dụng trong Bộ Chú Giải, là phương cách hội tập nhóm Duyên vào với nhau bằng cách chọn lọc ra các Duyên không có liên quan. Trong quyển kinh này, xin sử dụng lời nói rằng **"Paccayuddhāra – Tuyển Bạt Duyên"** một cách nhất quán – Dịch Giả**]**

**[1219]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1220]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1221]** Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1222]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1223]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1224]** Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1225]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên...Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1226]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1227]** Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên...Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên ... Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1228]** Trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

## PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN
## (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1229]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ…Trong Phi Cận Y Duyên có tám thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên v.v. trong Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

### Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

Ngay trong Tam Đề Thọ này, bậc hữu trí nên phân tích toàn bộ Phần Căn Nguyên tương tự với việc tính đếm thời kỳ trong Phần Đối Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

### NHÂN TẤU HỢP – HETUSABHĀGA

**[1230]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

### NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ)

Bảy Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện được tính theo phương pháp xiển thuật như thế nào thì Tam Đề Thọ này cũng nên tính như thế ấy. Do bởi Nghiệp Lực Duyên trong Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ...Trong Phi Cảnh Duyên có tám thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

### Kết Thúc Việc Tính Đếm Thời Kỳ Trong Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

### PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN
### (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1231]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.

Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1232]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1233]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên (giản lược từ ngữ) do bởi Phi Y Chỉ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ...Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Hiện Hữu Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên, do bởi Phi Bất Ly Duyên trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ **(1).** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. do bởi Phi Y Chỉ Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên v.v. do bởi Phi Ly Khứ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ **(2).**

**[(1)** và **(2)** số lượng Duyên nêu lên trình bày bằng nhau, chỉ khác biệt ở trong điều **(1)** không có trình bày Nghiệp Lực Duyên theo Phần Đối Nghịch Duyên, thế nhưng nêu lên trình bày theo Phần Thuận Tùng Duyên. **(2)** không có trình bày Cận Y Duyên theo Phần Đối Nghịch Duyên, thế nhưng nêu lên trình bày theo Phần Thuận Tùng Duyên, tức là không có trình bày Phi Cận Y Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên cùng một lúc, thế nhưng chia mỗi Duyên ra trình bày. **(2)** Tạng **Pāḷi** Thái ngữ thiếu đi.**]**

## Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên

**[1234]** Do bởi Phi Cảnh Duyên trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1235]** Do bởi Phi Bất Ly Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

**[1236]** Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ...Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong

Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

**[1237]** Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Câu Sinh Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Y Chỉ Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, do bởi Phi Vật Thực Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ưng Duyên **(1)** có tám thời kỳ.

Do bởi Phi Bất Ly Duyên, do bởi Phi Nhân Duyên v.v. do bởi Phi Y Chỉ Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên v.v. do bởi Phi Ly Khứ Duyên trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ **(2).**

**[(1) – (2):** Không trình bày Phi Cận Y Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên cùng một lúc, thế nhưng chia ra trình bày theo cùng một Phần như nhau với điều **(1233). (2)** Tạng **Pāḷi** Thái ngữ thiếu đi.**]**

Việc tính số lượng thời kỳ trong Phần Nghịch – Thuận Duyên của Tam Đề Thiện được tính theo phương pháp xiển thuật như thế nào thì Tam Đề Thọ này cũng nên tính như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Thọ Thứ Hai**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ THỌ PHÁT THÚ

**1077 – 1237]** Những thể loại Pháp sau đây, đó là ba Thọ, một Sắc, một Níp Bàn thường không có ở trong Tam Đề Thọ, vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **"ekaṃ khandhaṃ paṭicca dve khandhā"** (hai Uẩn liên quan một Uẩn) v.v. Lời nói rằng **trong sát na Tái Sinh (hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng) với Lạc Thọ (Paṭisandhikkhaṇe sukhāya vedanāya)** (ở điều 1077) được thuyết giáo với mãnh lực Tái Sinh Hữu Nhân **(Sahetukapaṭisandhi).** Còn Khổ Thọ thường không có ở trong Thời Tái Sinh. Vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới không có lập ý nêu đến việc Tái Sinh **(Paṭisandhi)** ở trong thời kỳ thứ hai (ở điều 1078). Lời nói rằng **trong sát na Tái Sinh (Paṭisandhik khaṇe)** ở trong thời kỳ thứ ba (ở điều 1079) được thuyết giáo với mãnh lực Tái Sinh Hữu Nhân **(Sahetukapaṭisandhi).** Còn các từ ngữ còn lại trong quan niệm này ở trong các Duyên khác từ đây trở đi thường hiện bày theo chính thị Chánh Tạng **Pāḷi,** trong tất cả thảy được thuyết giáo cả ba thời kỳ, vì lẽ ấy, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ (Hetuyā tīṇi v.v. Avigate tīṇi).**

Cũng trong việc tỷ giảo Duyên đã có thuyết giáo rằng **trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ (Vipāke dve)** ở trong Phần Nhân Căn Nguyên, bởi vì không có Khổ Thọ Dị Thục Quả Hữu Nhân. Trong việc tỷ giảo với Trưởng Duyên v.v. trong Dị Thục Quả Duyên cũng chỉ có hai lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** mà thôi. Vì lý do nào ? Vì Trưởng Duyên, Thiền Na Duyên và Đồ Đạo Duyên không có thể loại Khổ Thọ Dị Thục Quả. Cũng trong việc tỷ giảo với bất luận thể loại Duyên nào trong Dị Thục Quả Duyên chỉ có được hai thời kỳ, trong việc tỷ giảo Dị Thục Quả Duyên, ngay cả những thể loại Duyên ấy cũng có được hai thời kỳ tương tự.

Trong Phần Đối Nghịch Duyên, trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ vì không có Khổ Thọ trong Vô Sắc Địa Giới và trong Thời Kỳ Tái Sinh. Ngay cả trong Bất Tương Ưng Duyên cũng có hai thời kỳ tương tự, bởi vì không có Khổ Thọ trong Vô Sắc Địa Giới. Vả lại các Duyên có Câu Sinh Duyên v.v. bao trùm đến hết cả các Vô Sắc Pháp thường khuyết phạp trong thời kỳ Đối Nghịch Duyên này. Vì lý do nào ? Vì Pháp tương ưng với Thọ nương nhờ Pháp tương ưng với Thọ không khởi sinh lên được bằng cách loại trừ Câu Sinh Duyên v.v. thế nhưng loại trừ Hậu Sinh Duyên thì lại được khởi sinh lên. Cũng trong việc tỷ giảo Duyên, lời nói rằng **trong Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ (NaPurejāte ekaṃ)** (ở điều 1107) thuyết giáo ngụ ý đến Pháp trong thời Tái Sinh ở trong Vô Sắc Địa Giới, và Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ Vô Nhân. Lời nói rằng **trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ (NaKamme dve)** thuyết giáo với mãnh lực Tư Tâm Sở tương ưng Duy Tác Vô Nhân. Bởi vì Duy Tác Vô Nhân tương ưng các thể loại Thọ ấy thường khởi sinh lên do bởi nương nhờ các Pháp Tương Ưng Lạc Thọ và Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Ngay cả trong lời nói rằng **do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên trong Dị Thục Quả Duyên** cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ (NaVippayutte ekaṃ)** thuyết giáo với mãnh lực Tâm Khai Môn ở trong Vô Sắc Địa Giới. Trong việc tỷ giảo từng mỗi Duyên nên hiểu biết phương thức tính đếm một cách kỹ lưỡng này.

Duyên có được trong Phần Thuận – Nghịch Duyên chỉ có bấy nhiêu ấy, hiện hữu theo phương thức Phần Đối Nghịch Duyên. Câu Sinh Duyên v.v. bao trùm đến hết cả các Vô Sắc Pháp thường hiện hữu theo phương thức Thuận Tùng Duyên chỉ có bấy nhiêu ấy, không hiện hữu theo sự việc thành Đối Nghịch Duyên, thế nhưng không có Pháp Trưởng của Tâm khởi sinh Vô Nhân **(Ahetukacittuppāda),** vì lẽ ấy Trưởng Duyên mới không hiện hữu theo sự việc thành Thuận Tùng Duyên.

Cũng trong Giai Đoạn Liên Quan v.v. Hậu Sinh Duyên thường không có được, do đó mới khuyết phạp đi. Lại nữa, trong quan niệm này, bất luận Duyên nào có được ở Phần Thuận Tùng Duyên thì các Duyên ấy Ngài phối hợp luân chuyển xiển minh với các Duyên hiện hữu theo sự việc thành Đối Nghịch Duyên. Trong các Duyên ấy chỉ có số lượng ba thời kỳ là ba – hai – một, bậc tu học nên hạn định theo sự thích hợp, và nên hiểu biết các Duyên ấy trong mỗi tình trạng, còn Phần miêu thuật này như thế nào đã được trong Giai

Đoạn Liên Quan đích thị Phần miêu thuật này đã được thuyết giáo trong Giai Đoạn Câu Sinh v.v.

Còn trong Giai Đoạn Vấn Đề, lời nói rằng **làm duyên đối với các Uẩn tương ưng (Sampayuttakānaṃ khandhānaṃ)** tức là các Uẩn tương ưng với Pháp ấy, hoặc tương ưng các thể loại Nhân ấy, hoặc với Lạc Thọ v.v.

Lời nói rằng **đối với người có sự di hận (Vippaṭisāra)** (ở điều 1144) là có sự khốn khổ trong Thiện Sự có xả thí v.v. là như thế này "vì sao Ta mới tạo tác Nghiệp Lực này, tốt hơn là Ta không nên tạo tác Nghiệp Lực xấu ác này chút nào cả". Thế nhưng có sự khốn khổ vì Thiền Định đã bị táng thất, là như thế này "Thiền Định của Ta đã bị táng thất rồi, Ta là người bị táng thất to lớn nhỉ !" Lời nói rằng **si mê thường khởi sinh lên (moho uppajjati)** tức là si mê tương ưng sân hận, chỉ có bấy nhiêu. Lời nói rằng **vì tư khảo si mê (mohaṃ ārabbha)** tức là si mê tương ưng sân hận, tương tự.

Lời nói rằng **Tâm Hữu Phần Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ (Sukkhāya Vedanāya Sampayuttaṃ Bhavaṅgaṃ Adukkhamasukhāya Vedanāya Sampayuttassa Bhavaṅgassa)** (ở điều 1158) có nghĩa là cái Tâm Hữu Phần phía sau, đề cập là Tâm Na Cảnh **(Tadārammaṇa)** làm duyên đối với cái Tâm Hữu Phần đầu tiên. Lời nói rằng Sinh Xuất **(Vuṭṭhānassa)** tức là Tâm Na Cảnh hoặc Tâm Hữu Phần. Quả thực, cả hai Tâm ấy Ngài gọi là Sinh Xuất, vì xuất khỏi Tâm Đồng Lực Thiện hoặc Tâm Đồng Lực Bất Thiện. Ngay cả trong lời nói rằng **Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất (Kiriyaṃ Vuṭṭhānassa)** này cũng có Phần này tương tự. Lời nói rằng **Quả làm duyên đối với Sinh Xuất (Phalaṃ Vuṭṭhānassa)** tức là Tâm Quả **(Phalacitta)** làm duyên đối với Tâm Hữu Phần. Quả thực, gọi là việc xuất khỏi Tâm Quả thường có với Tâm Hữu Phần. Ngay cả trong lời nói rằng Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** từ ngữ tiếp nối cũng có Phần này tương tự.

Lời nói rằng **các Uẩn Tương Ưng Khổ Thọ (Dukkhāya Vedanāya Sampayuttā Khandhā)** (ở điều 1160) tức là Uẩn Bất Thiện Tương Ưng Ưu Thọ **(Domanassa vedanā)**. Lời nói rằng **làm duyên đối với Sinh Xuất Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ (Adukkhamasukhāya Vedanāya Sampayuttassa Vuṭṭhānassa)** tức là Tâm Hữu Phần Khách **(Āgantukabhavaṅga)** là Tâm Na Cảnh hoặc Tâm Hữu Phần Căn Nguyên **(Mūla Bhavaṅga)** Tương Ưng Xả Thọ. Và nếu như Tâm câu hành Hỷ Thọ **(Somanassa vedanā)** là Hữu Phần Căn Nguyên thì tác nhân sẽ cho khởi sinh Tâm Na Cảnh thường không có, Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện Xả Thọ thường khởi sinh lên trong Cảnh sai biệt Cảnh của Tâm Đồng Lực. Quả thực, ngay cả Tâm Dị Thục Quả Bất Thiện ấy, Ngài gọi là Sinh Xuất bởi vì xuất khỏi Tâm Đồng Lực. Xiển minh Câu Sinh Duyên v.v. có nội dung ước lược cả thảy ấy, là cũng trong quan niệm này, không có từ ngữ nào không có khả năng để sẽ tri đắc theo Phần mà Bần Đạo đã đề cập ở phía trước, vì lẽ ấy, bậc tu học nên hạn định cho thích hợp.

Bất luận thời kỳ nào đã có trong bất luận Duyên nào, bây giờ khi sẽ giản lược trình bày Duyên và hết cả thảy các thời kỳ ấy với mãnh lực việc tính đếm, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **trong Nhân Duyên có ba thời kỳ (Hetuyā tīṇi)** v.v. Cả ba lời Đáp Vấn

**(Visajjanāvāra)** ấy trong lời nói rằng **Hetuyā tīṇi,** bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực hết cả ba câu. Chín lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** trong Cảnh Duyên chỉ có một Duyên Căn Nguyên là cực điểm. Trong Trưởng Duyên có năm lời Đáp Vấn, là ba lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** bất hỗn hòa với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên, và hai lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** là Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên, và Pháp Tương Ưng Xả Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên. Hai lời Đáp Vấn ấy, bậc tu học không nên tính đếm, thế nhưng nên tính đếm hai lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** sau đây, đó là Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ và Pháp Tương Ưng Xả Thọ làm duyên đối với Lạc Thọ, kết hợp thành năm lời Đáp Vấn với trường hợp như thế này.

Lời nói rằng **có bảy thời kỳ (Satta)** trong Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên (điều 1199 – 1200) tức là bảy lời Đáp Vấn này là: Lạc Thọ làm duyên đối với hai thể loại Pháp, Khổ Thọ làm duyên đối với hai thể loại Pháp, Xả Thọ làm duyên được đối với cả ba thể loại Pháp.

Lời nói rằng **trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ (Upanissaye nava)** (điều 1235 – 1236) tức là chín lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** này là: Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên ở cả ba thể loại, làm thành duy nhất một thể loại Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ, làm cả ba thể loại Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ, Pháp Tương Ưng Khổ Thọ; là Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ; là Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ; cả hai thể loại Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ. Pháp Tương Ưng Xả Thọ làm Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ và Lạc Thọ; làm Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ. Cũng trong quan niệm này, khi nói rằng theo sự khác biệt của Duyên thì Thường Cận Y Duyên có chín thời kỳ; Vô Gián Cận Y Duyên có bảy thời kỳ; Cảnh Cận Y Duyên có bốn thời kỳ, kết hợp thành hai mươi Cận Y Duyên. Cũng trong quan niệm này, Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên bị khuyết phạp đi, vì rằng Vô Sắc Pháp sinh trước hoặc sinh sau thường không làm duyên đối với Vô Sắc Pháp. Lời nói rằng **trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ (Kamme Aṭṭha)** tức là tám lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** này là Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm cả hai thể loại Nghiệp Lực Duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ; làm duyên theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên chỉ có một thể loại đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ và đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ; Pháp Tương Ưng Khổ Thọ làm duyên theo phương thức hai thể loại Nghiệp Lực Duyên đối với Pháp Tương Ưng Khổ Thọ; làm thành duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ không có; làm thành duyên đối với Xả Thọ theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên chỉ có một thể loại; Pháp Tương Ưng Xả Thọ làm duyên theo phương thức cả hai thể loại Nghiệp Lực Duyên đối với Pháp Tương Ưng Xả Thọ; ngoài ra làm thành Dị Thời Nghiệp Lực Duyên

chỉ có một thể loại đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ và Khổ Thọ. Cũng trong quan niệm này, rằng theo sự khác biệt của Duyên, Dị Thời Nghiệp Lực Duyên có tám, Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên có ba, kết hợp thành mười một thể loại Nghiệp Lực Duyên. Và trong Phần xiển minh Nghiệp Lực Duyên này, Bất Tương Ưng Duyên thường khuyết phạp đi tương tự Tiền Sinh Duyên và Hậu Sinh Duyên, vì rằng các Vô Sắc Pháp thường không làm Bất Tương Ưng Duyên đối với Vô Sắc Pháp.

Bảy thời kỳ trong Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên. Trong quan niệm này có việc hạn định phương pháp tính năm thể loại, đó là 3 – 5 – 7 – 8 – 9 lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** với trường hợp như thế này. Trong việc kết hợp Duyên với mãnh lực việc hạn định phương pháp tính đếm ấy, bậc tu học nên đem Duyên ở chỗ nhiều hơn và không được bỏ đi. Trong việc kết hợp với Duyên, một khi có phương pháp tính đếm được ít hơn, rồi tiếp đến là hiểu biết phương pháp tính đếm thì trong việc kết hợp với Nhân Duyên thường không được Cảnh Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên v.v.

Lời nói rằng **trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ (Adhipatiyā dve)** tức là hai lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** còn lại, loại trừ Câu liên quan với Khổ Thọ. Quả thực, gọi là Nhân tương ưng Khổ Thọ không có làm Trưởng được, vì lý do ấy, Ngài mới đem bỏ đi, ngay cả trong hai thời kỳ còn lại cũng có Phần này tương tự.

Trong Phần Nhân Căn Nguyên chỉ có việc hạn định phương pháp tính đếm hai thời kỳ, đó là 2 – 3 với trường hợp như thế này. Đức Thế Tôn thuyết giáo sáu Hiệp Lực với mãnh lực việc hạn định phương pháp tính đếm ấy. Tất cả sáu Hiệp Lực ấy, Hiệp Lực thứ nhất được thuyết giáo với mãnh lực Pháp không có Pháp Trưởng, bất tương ưng Trí ở phần Hữu Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ hai được thuyết giáo với mãnh lực chính thị Pháp ấy ở phần Hữu Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ ba và Hiệp Lực thứ tư được thuyết giáo với mãnh lực Pháp ấy nữa, thế nhưng lại tương ưng Trí. Hiệp Lực thứ năm được thuyết giáo với mãnh lực Vô Si ở phần Trưởng và Vô Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ sáu được thuyết giáo với mãnh lực Vô Si ở phần Trưởng và Hữu Dị Thục Quả.

Hơn nữa, Hiệp Lực thứ nhất được thuyết giáo với mãnh lực tất cả Nhân. Hiệp Lực thứ hai được thuyết giáo với mãnh lực tất cả Nhân Hữu Dị Thục Quả **(Vipākahetu).** Hiệp Lực thứ ba được thuyết giáo với mãnh lực tất cả Nhân Vô Si **(Amohahetu).** Hiệp Lực thứ tư được thuyết giáo với mãnh lực Nhân Vô Si ở tất cả phần Hữu Dị Thục Quả. Hiệp Lực thứ năm được thuyết giáo với mãnh lực Vô Si ở tất cả phần Hữu Trưởng. Hiệp Lực thứ sáu được thuyết giáo với mãnh lực Vô Si ở phần Hữu Dị Thục Quả và có tất cả Hữu Trưởng.

Trong Phần Cảnh Căn Nguyên, lời nói rằng **trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ (Adhipatiyā Cattāri)** (điều 1195) có nghĩa là trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ Hiệp Lực này là: Lạc làm duyên đối với Lạc, đối với Xả với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên; Xả làm duyên đối với Xả, đối với Lạc với mãnh lực Cảnh Trưởng Duyên. Ngay cả trong Cận Y Duyên, Đức Thế Tôn cũng thuyết giáo bốn thời kỳ với mãnh lực Cảnh Cận Y Duyên. Vả lại trong Cận Y Duyên chỉ có một Hiệp Lực thôi. Ngay cả trong Phần có Trưởng Duyên v.v.

bất luận Hiệp Lực nào có được và không được, theo Phần đã đề cập ở phía sau, bậc tu học hạn định tất cả Hiệp Lực ấy rồi nên hiểu biết số lượng Hiệp Lực tỷ giảo với nhau.

Đức Thế Tôn lập ý nêu các Duyên lên theo Phần Thuận Tùng Duyên thuyết giáo để trong Tam Đề Thiện trong Phần Đối Nghịch Duyên, rồi lập ý trình bày chín thời kỳ trong tất cả các Duyên rằng **trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ (NaHetuyā Nava)** (điều 1228) v.v. với mãnh lực việc tính đếm theo Phần Đối Nghịch Duyên liên quan với thời kỳ có được ở trong các Duyên ấy. Các thời kỳ ấy, bậc tu học nên rút lấy Phần **Pāḷi** ngữ lên trình bày như vầy "người cúng dường xả thí với Tâm Tương Ưng Lạc Thọ, Pháp Tương Ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Tương Ưng Lạc Thọ theo phương thức Phi Nhân Duyên" v.v. với mãnh lực chín lời Đáp Vấn **(Visajjanāvāra)** mà có một Duyên làm Căn Nguyên và có một Duyên làm chỗ cuối cùng.

Vả lại trong việc kết hợp Duyên trong quan niệm này, lời nói rằng **do bởi Phi Nhân Duyên v.v. trong Phi Cận Y Duyên có tám thời kỳ (NaHetupaccayā v.v. NaUpanissaye Aṭṭha)** (điều 1229) bậc tu học nên hiểu biết thời kỳ với mãnh lực Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Quả thực, Nghiệp Lực có năng lực suy bại thường không làm Cận Y Duyên, thế nhưng chỉ duy nhất làm duyên theo phương thức Dị Thời Nghiệp Lực Duyên ấy mà thôi. Còn các Hiệp Lực còn lại trong Phần Thuận – Nghịch Duyên và Nghịch – Thuận Duyên ở trong quan niệm này, bậc tu học có khả năng tính đếm theo Phần mà Bần Đạo đã đề cập ở phía trước, với mãnh lực thời kỳ đã có được trong việc phối hợp từng các Duyên ấy, vì lẽ ấy mới không giải thích một cách quảng nghĩa vậy.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Thọ Phát Thú**

----------00000----------

## 3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1238] 1.** Pháp Dị Thục Quả **(Vipākā Dhammā)** nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả **(Nevavipākanavipākadhammā Dhammā)** nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1239] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả **(Vipākadhammā Dhammā)** nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1240] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**8.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1241] 10.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**11.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại

Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**12.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1242] 13.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1243] 1.** Pháp Dị Thục Quả Duyên nương nhờ Pháp Dị Thục Quả Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1244] 2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1245] 3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**4.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1246] 5.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1247] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả có ba **(*)** thời kỳ.

**[(*):** Đó là: thời kỳ 4 – 5 – 6 (đã giản lược để không trình bày) thời kỳ tiếp nối mới thành thời kỳ thứ bảy.**]**

**[1248] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1249] 8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1250] 9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1251] 10.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên…do bởi Đẳng Vô Gián Duyên…tương tự với Cảnh Duyên.

Do bởi Câu Sinh Duyên v.v. tất cả thảy Câu Sinh Duyên tương tự với Nhân Duyên (tức là có 13 thời kỳ).

**[1252] 11.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc ngoại bộ **(Bāhirarūpa)**...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. đây là điều khác biệt trong Câu Sinh Duyên.

## HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1253] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương

nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1254] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1255] 5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển…khởi sinh lên, Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**6.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1256] 7.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1257]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Do bởi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Do bởi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.

## TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1258] 1.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1259] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng

Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1260]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ v.v.

## DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

**[1261]** **4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**5.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**6.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1262]** **7.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên v.v.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên v.v.

**9.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên.

## VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

**[1263]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên v.v. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1264]** Trong Nhân Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1265]** Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên tính đếm tương tự với việc tính đếm trong Tam Đề Thiện.

## PHẦN TRÙNG DỤNG CĂN NGUYÊN (ĀSEVANAMŪLAKANAYA)

**[1266]** Do bởi Trùng Dụng Duyên trong Nhân Duyên có hai thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## PHẦN DỊ THỤC QUẢ CĂN NGUYÊN (VIPĀKAMŪLAKANAYA)

**[1267]** Do bởi Dị Thục Quả Duyên trong Nhân Duyên có chín thời kỳ...Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có

chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

### Kết Thúc Việc Tính Đếm Thời Kỳ Trong Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1268] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1269] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**[1270] 5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại

Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**6.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyê tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**7.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1271] 8.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1272] 1.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**[1273] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**[1274] 3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh

lên; Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1275]** **4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1276]** **5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1277]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên giản lược tương tự với Câu Sinh Duyên ở Phần Thuận Tùng Duyên.

## PHI VÔ GIÁN DUYÊN – PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN – PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA – NASAMANANTARAPACCAYA – NAAÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1278]** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên…Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên…Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Đây là sự khác biệt đối với Pháp khởi sinh lên do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên.

## PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1279]** **1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn khởi sinh lên v.v.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1280] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**[1281] 6.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**8.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1282] 9.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**10.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**11.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1283] 12.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI HẬU SINH DUYÊN – PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA – NAĀSEVANAPACCAYA)

Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên v.v. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

## PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**1.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**[1284] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1285] 1.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do

bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1286]** **4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1287]** **5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[1288]** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

**[1289]** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[1290]** **1.** Pháp Dị Thục Quả Duyên nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức **(Pañcaviññāṇa)** khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1291] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v.

## PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1292] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên có ba thời kỳ **(1).**

**[(1):** Tạng **Pāḷi** chỉ trình bày có một thời kỳ, hai thời kỳ kia đã giản lược, vì lẽ ấy, trong điều (1293) mới thành điều bốn**].**

**[1293] 4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên có ba thời kỳ **(2).**

**[(2):** giản lược để cùng một Phần với điều (1292)**].**

**[1294] 7.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. có ba thời kỳ.

**[1295] 1.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

**7.** Nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên có một thời kỳ.

## PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1296] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1297] 2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1298] 3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất

Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ..

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1299]** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên...Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên...

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1300]** Trong Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

## PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN
## (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1301]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

**[1302]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có

ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Phi Nhân Căn Nguyên**

Ngay cả trong Tam Đề Dị Thục Quả này nên tính đếm thời kỳ tương tự với việc tính đếm theo phương pháp xiển thuật trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1303]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

**[1304]** Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

**[1305]** Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

**[1306]** Do bởi Nhân Duyên, do bởi Cảnh Duyên, do bởi Trưởng Duyên, do bởi Vô Gián Duyên (bắt đầu hiểu ngầm từ ngữ) do bởi Tiền Sinh Duyên trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v. Nên tính đếm tương tự với Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1307]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

**[1308]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**[1309]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên, do bởi Phi Trưởng Duyên, do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v. Nên tính đếm tương tự với Phần Phi Nhân Căn Nguyên trong Tam Đề Thiện. Nên phân tích Tam Đề Dị Thục Quả cho quảng nghĩa tương tự với việc phân tích Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

## GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)

**[1310]** Pháp Dị Thục Quả câu sinh với Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn câu sinh

với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn câu sinh với hai Uẩn khởi sinh lên v.v. Trong Nhân Duyên có 13 thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

Trong Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

### Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1311]** **1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1312] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1313] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Các Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**8.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**11.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1314] 12.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn

nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**13.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**14.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1315] 15.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**16.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**17.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1316] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1317]** **2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1318]** **3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**4.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên, Nhĩ Thức nương nhờ Nhĩ Xứ khởi sinh lên, Tỷ Thức nương nhờ Tỷ Xứ khởi sinh lên, Thiệt Thức nương nhờ Thiệt Xứ khởi sinh lên, Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1319]** **6.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Nhãn Xứ khởi sinh lên, Nhĩ Xứ...Tỷ Xứ...Thiệt Xứ...Thân Xứ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1320]** **7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1321]** **1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên có ba thời kỳ.

Trưởng Duyên không có trong sát na Tái Sinh. Nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả do bởi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.

**[1322]** **7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi

Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1323] 8.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**11.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1324] 12.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**13.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**14.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1325] 15.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**16.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả

khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**17.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN - 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA – SAMANANTARAPACCAYA)

**[1326]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên...Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên...tương tự với Cảnh Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN – 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA – AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1327] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên...Do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1328] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1329] 5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ.. Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ... Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên,

Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**6.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1330] 8.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Nhãn Xứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Nhĩ Xứ... Tỷ Xứ...Thiệt Xứ...Thân Xứ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1331] 9.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1332]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên tương tự với Câu Sinh Duyên.

## 9. CẬN Y DUYÊN - 10. TIỀN SINH DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA – PUREJĀTAPACCAYA)

Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cận Y Duyên...tương tự với Vô Gián Duyên v.v.

Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên. Tương tự với Vô Gián Duyên v.v.

## 11. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1333] 1.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1334] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1335] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1336]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Tương tự với Câu Sinh Duyên (là có 17 thời kỳ).

## 13. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1337] 1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Cả hai Dị Thục Quả và Pháp (nương nhờ) có ba thời kỳ. Nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên có ba thời kỳ.

## 14. VẬT THỰC DUYÊN đến 23. BẤT LY DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA – AVIGATAPACCAYA)

(Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên) do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1338]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1339]** Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ...v.v...Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

Trong Tam Đề Thiện tính đếm như thế nào thì nên tính đếm như thế ấy.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1340]** **1.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên. Có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên.

**6.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**8.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**9.** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên v.v.

**10.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả..khởi sinh lên v.v.

**11.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên.

**12.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử với Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên v.v.

Nên phân tích cho quảng nghĩa từng mỗi câu.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1341]** Trong Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.

Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

## PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN
## (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1342]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm tương tự với việc tính đếm trong Phần Đối Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

**[1343]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm tương tự với việc tính đếm trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

## Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

**[1344]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có 12 thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ...Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm tương tự với việc tính đến trong Phần Nghịch – Thuận của Tam Đề Thiện.

## Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
## Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

## GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1345]** Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG GIAI ĐOẠN Y CHỈ

**[1346]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ...Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có 12 thời kỳ.

### Kết Thúc Giai Đoạn Y Chỉ

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1347]** Pháp Dị Thục Quả hỗn hòa với Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Dị Thục Quả v.v. Từng mỗi Câu nên phân tích cho quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1348]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nên tính đếm thời kỳ tương tự với việc tính đếm trong Tam Đề Thiện.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

**[1349]** Pháp Dị Thục Quả Duyên hỗn hòa với Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Nên phân tích từng mỗi Câu.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1350]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm tương tự trong Phần Đối Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

**[1351]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm tương tự trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

**[1352]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm tương tự trong Phần Nghịch – Thuận Duyên của Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

## GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1353]** Pháp Dị Thục Quả phối hợp với Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn phối hợp với một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG

Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v.

### Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1354]** **1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[1355]** **4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương

thức Nhân Duyên tức là Nhân Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1356] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1357] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn Dị Thục Quả ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học tư khảo lại Quả, kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn Dị Thục Quả ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên, với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dị Thục Quả. Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả, kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dị Thục Quả. Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1358] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Uẩn ấy, tư khảo lại Thiện Sự đã từng tích lũy trong thời gian trước, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy. Bậc Hữu Học tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh. Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy. Bậc Hữu Học tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên, với Tha

Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả.

Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Uẩn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy, tư khảo lại Thiện Pháp đã từng tích lũy trong thời gian trước. Bậc Vô Sinh tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước, kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1359] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; kiến giải minh lượng Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên.

Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ, Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học và Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Bậc Hữu Học và Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoán thần di mãnh liệt. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1360] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên,** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên,** tức là Bậc Hữu Học thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Uẩn Dị Thục Quả cho thành Cảnh một

cách kiên định, khi thực hiện Uẩn Dị Thục Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**4.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên,** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1361] 5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, xuất khỏi Thiền Định rồi thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Bậc Hữu Học thực hiện Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt. Vì thực hiện Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng

Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1362] 8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

**10.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Nhãn ấy cho thành cảnh một cách kiên định, tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhĩ v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1363] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Ngũ Thức làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1364] 3.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị

Thục Quả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả. Thuận Tùng Bậc Hữu Học làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1365] 5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**6.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Bậc Vô Sinh làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Vô Sinh xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANANTARAPACCAYA)

**[1366]** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. có ba thời kỳ.

**[1367]** **4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. Sắc Đại Hiển...Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1368]** **8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1369]** **9.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v.

**10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1370]** **11.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1371]** **1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[1372]** **4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

**6.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[1373] 7.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Giai Đoạn Vấn Đề có bảy thời kỳ.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1374] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn thức theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả.

**[1375] 10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn câu hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ v.v. và Thân Xứ v.v. một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ v.v.

**11.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**12.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ v.v.

**13.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1376] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Việc Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Thân Thọ Lạc, xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Nương vào Thân Thọ Khổ, xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Bậc Vô Sinh nương vào Thân Thọ Lạc thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, nương vào Thân Thọ Khổ thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định.

**[1377] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, xả thí v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc

phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết v.v. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín, Giới v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo, Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo, Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Hữu Học nương vào Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định Thiện chưa từng sinh cho khởi sinh lên v.v. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải của Bậc Hữu Học v.v. đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ và Phi Xứ theo phương thức Cận Y Duyên.

Sát mạng hữu tình làm duyên đối với sát mạng hữu tình v.v. đối với tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tà kiến làm duyên đối với tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Ý cừu hận làm duyên đối với Ý cừu hận theo phương thức Cận Y Duyên, nghiệp lực sát tử mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. đối với chuẩn xác tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên, chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến, đối với nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết theo phương thức Cận Y Duyên v.v.

**[1378] 5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tín rồi tự lảm cho bản thân phải khốn khổ, cho tiêu táo bất an, thọ lãnh khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân v.v. Nương vào sự dục vọng rồi tự làm cho bản thân phải khốn khổ, cho tiêu táo bất an v.v. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Nghiệp Quả Dị Thục **(Kammavipāka)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Bậc Vô Sinh nương vào Đạo thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** đối với Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** đối với Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** đối với Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisam bhidā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1379] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Bậc Vô Sinh nương vào Quý Tiết **(Utu)** v.v. Ẩm Thực **(Bhojana)** v.v. Trú Xứ **(Senāsana)** thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Quý Tiết rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Nương vào Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1380] 1.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân, Xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả

thường khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn v.v. vì tư khảo lại Nhãn ấy thường làm cho tham ái v.v. ưu thọ khởi sinh lên, kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ v.v. khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1381] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1382] 2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1383] 1.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh khởi trước trước làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh khởi sau sau theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1384] 2.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là sinh trước trước v.v. làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1385] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sơ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả v.v.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, (Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên).

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1386] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân

cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**8.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1387] 9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1388] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng có ba thời kỳ. Ngay cả trong sát na Tái Sinh cũng nên phân tích cho được ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.

**[1389] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối

với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[1390] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong sát na Tái Sinh cũng nên phân tích với.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.

**[1391] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền Lực v.v.

**[1392] 9.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền Lực và Thân Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

**[1393] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

## 18. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

**[1394] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1395] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1396] 2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên.

**3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1397] 1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1398] 2.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1399]** **3.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**4.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ câu sinh với nhau làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ sinh trước làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**5.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1400]** **1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Sinh.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v.

Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1401] 4.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[1402] 7.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn, Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu

Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**8.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di. Vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên v.v. kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**9.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn, Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1403] 10.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.** Tức là một Uẩn câu hành Nhãn Thức câu sinh với nhau và Nhãn Xứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. một Uẩn câu hành Thân Thức v.v. một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**11.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh.

**[1404] 12.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**13.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v.
Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.
Bất Ly Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1405]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

**[1406]** Do bởi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Thuận Tùng Duyên của Giai Đoạn Vấn Đề trong Tam Đề Thiện mà Ngài đã tính đếm như thế nào thì nên tính đếm như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1407]** **1.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**2.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**3.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**4.** Pháp Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1408]** **5.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**6.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**7.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**8.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**9.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1409] 10.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**11.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**12.** Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1410] 13.** Pháp Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Dị Thục Quả, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh (Câu Sinh + Tiền Sinh).**

**14.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực** (tức là **Hậu Sinh Vật Thực – Pacchājātāhāra** và **Hậu Sinh Quyền Lực – Pacchājātindriya).**

**[1411] 15.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

**16.** Pháp Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực** (tức là **Hậu Sinh Vật Thực** và **Hậu Sinh Quyền Lực**).

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1412]** Trong Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong

Phi Hỗ Tương Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

**[1413]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 16 thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ. Nên tính đếm cho quảng nghĩa tương tự với việc tính đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1414]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

**[1415]** Năm Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Nên tính đếm cho quảng nghĩa tương tự với tính đếm số lượng thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện. Bậc hữu trí nên phân tích phương pháp xiển thuật thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1416]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

**[1417]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nến tính đếm cho quảng nghĩa tương tự với việc tính đếm số lượng thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Dị Thục Quả Thứ Ba**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ PHÁT THÚ

**1238 – 1417]** Tiếp theo nên hiểu biết thẩm định trong Tam Đề Dị Thục Quả. Mười ba thời kỳ nào mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo trong Nhân Duyên rằng **Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên (Vipākaṃ dhammaṃ paṭicca vipāko dhammo uppajjati Hetupaccayā)** (điều 1238) Khi sẽ trình bày giản lược những thời kỳ ấy với việc tính đếm, Đức Thế Tôn mới thuyết giáo rằng **trong Nhân Duyên có mười ba thời kỳ (Hetuyā terasa)** (điều 1214). Ngay cả trong lời nói rằng **trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ (Ārammaṇa pañca)** v.v. cũng có Phần này tương tự. Trong quan niệm này có việc hạn định phương pháp tính đếm sáu thể loại, đó là 13 – 5 – 9 – 7 – 3 – 2 với trường hợp như thế này. Trong việc kết hợp Duyên với mãnh lực phương pháp tính đếm thể loại ấy, bậc tu học nên hiểu biết phương pháp tính đếm theo Phần mà Bần Đạo đã đề cập ở phía trước.

Quả thực, trong Phần Đối Nghịch Duyên, Đức Thế Tôn khi sẽ trình bày giản lược mười thời kỳ, Ngài đã thuyết giáo trong Phi Nhân Duyên rằng **Pháp Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên (Vipākaṃ dhammaṃ paṭicca dhammo uppajjati NaHetupaccayā)** (điều 1268) theo việc tính đếm mới thuyết giáo rằng **trong Phi Nhân Duyên có mười thời kỳ (NaHetuyā dasa)** (điều 1300). Ngay cả trong lời

nói rằng **trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ (NaĀrammaṇe pañca)** v.v. cũng có Phần này tương tự. Trong quan niệm này có việc hạn định phương pháp tính đếm tám thể loại, đó là 10 – 5 – 13 – 12 – 2 – 1 – 9 – 3 với trường hợp như thế này. Trong việc kết hợp Duyên với mãnh lực việc hạn định phương pháp tính đếm thể loại ấy, bậc tu học nên hiểu biết việc tính đếm một cách quảng nghĩa theo Phần mà Bần Đạo đã đề cập ở phía trước. Còn **Pāḷi** Đức Thế Tôn lập ý giản lược, và bậc tu học nên tỷ giảo với mãnh lực việc hạn định tính đếm những thể loại Duyên này, rồi nên hiểu biết Phần Thuận – Nghịch Duyên và Phần Nghịch – Thuận Duyên.

Giai Đoạn Câu Sinh chỉ có duy nhất một chuẩn tắc với Giai Đoạn Liên Quan này. Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Hòa và Giai Đoạn Tương Ưng thì việc hạn định đã theo Phần **Pāḷi** ấy thôi.

Tiếp theo, nên hiểu biết thẩm định trong Giai Đoạn Vấn Đề. Hai lời nói rằng **khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất (Kusalākusale niruddhe)** (điều 1357) có nghĩa là khi Tâm Thiện đang hiện hành với mãnh lực Minh Sát Tuệ **(Vipassanā)** và khi Tâm Bất Thiện đang hiện hành với mãnh lực sự hạn định này v.v. đã diệt mất rồi. Lời nói rằng **Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên (Vipāko tadārammaṇatā uppajjati)** có nghĩa là Tâm Dị Thục Quả Dục Giới **(Kāmāvacaravipāka)** thường khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Còn Bậc Giáo Thọ nào đề cập rằng trong chỗ cuối cùng Đồng Lực Minh Sát Tuệ **(Vipassanājavana)** và Tâm tương ưng hoài nghi **(Vicikicchā sampayuttacitta),** Tâm tương ưng trạo cử **(Uddhaccasampayuttacitta)** không có Na Cảnh, Bậc Giáo Thọ ấy cần phải phản đối với Tạng **Pāḷi** này. Lời nói rằng **Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên (Ākāsānañcāyanakusalaṃ Viññāṇañcāyatanakiriyassa Ārammaṇapacca yena paccayo)** (điều 1358) này, Ngài đã đề cập với mãnh lực của Bậc đã chứng đắc Bậc Vô Sinh rồi việc Nhập Thiền Quả chưa từng nhập một cách đảo chuyển **(Paṭiloma).** Trong các lời Đáp Vấn **(Visajjanā)** bậc tu học thẩm định **Pāḷi** cho tốt đẹp, rồi nên hiểu biết nội dung một cách kỹ lưỡng này.

Ngay cả trong lời nói rằng **trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ, trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ, trong Trưởng Duyên có mười thời kỳ (Hetuyā satta Ārammaṇe nava Adhipatiyā dasa)** (điều 1405) v.v. bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực Câu Sinh Trưởng Duyên, Cảnh Trưởng Duyên, Câu Sinh Y Duyên, Tiền Sinh Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên, Cảnh Cận Y Duyên, Thường Cận Y Duyên, Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên và Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên, vì lẽ ấy, trong bất luận Duyên nào có số lượng lời Đáp Vấn **(Visajjanā)** bao nhiêu, theo bất luận trường hợp nào, bậc tu học nên hạn định tất cả những lời Đáp Vấn **(Visajjanā)** ấy trong các Duyên ấy, theo các trường hợp ấy. Lại nữa, tất cả các phương pháp là việc nêu thời kỳ với mãnh lực Thuận Tùng trong Phần Đối Nghịch v.v. việc tính đếm là việc kết hợp Duyên có được thời kỳ theo Phần Thuận Tùng, theo Phần Đối Nghịch; việc có được, việc không có được Duyên có thời kỳ và không có được việc tính đếm trong Phần Nhân Căn Nguyên Phần Thuần Tịnh v.v. trong Phần Thuận – Nghịch Duyên

và Phần Nghịch – Thuận Duyên, và hiện hành với mãnh lực việc kết hợp (Duyên) bậc tu học nên hiểu biết với mãnh lực của Phần mà Bần Đạo đã đề cập ở phía trước.

Và ngay cả trong Tam Đề và Nhị Đề ngoài ra đây, cũng nên hiểu biết tương tự trong quan niệm này. Quả thực, Bộ Kinh Tạng **Pāḷi** Phát Thú có số lượng không cùng tận, ngay cả người cao niên trường thọ, tiến hành với sự nghĩ suy rằng sẽ miêu thuật nội dung Bộ Phát Thú ấy theo thuận tự các Câu thì thường không có đủ tuổi thọ. Và khi Ngài miêu thuật một phần của Bộ Phát Thú rồi trình bày phần còn lại đi theo Phần (ấy) bậc tu học không thể không có khả năng hiểu biết được nội dung, vì lẽ ấy, từ đây trở về sau Bần Đạo không đề cập như thế này nữa. Trong Tam Đề và Nhị Đề còn lại, sẽ đề cập chỉ riêng phần từ ngữ tất yếu đề cập, vì từ ngữ vẫn chưa có được đề cập. Còn từ ngữ mà Bần Đạo bỏ đi, không được đề cập đến, bậc tu học nên hiểu biết theo Phần ở Cháh Tạng **Pāḷi** ấy vậy.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Dị Thục Quả Phát Thú**

----------00000----------

## 4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1418] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ **(Upādinnupādāniyā Dhammā)** nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ **(Anupādinnupādāniyā Dhammā)** nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1419] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1420] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ **(Anupādinnaanupādāniyā Dhammā)** nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1421] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1422] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1423] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**3.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1424] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Ba Uẩn...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**2.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ có ba thời kỳ.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1425] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn...nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**5.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có ba thời kỳ.

**8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1426] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Các

Uẩn nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. khởi sinh lên.

**2.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

**3.** Nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)
## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1427]** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ v.v. Do bởi Cận Y Duyên có ba thời kỳ.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1428]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.

## 11. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1429] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

## 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1430]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên, có chín thời kỳ tương tự với Nhân Duyên.

## 13. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1431]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, có chín thời kỳ.

## 14. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1432]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên v.v. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

Nên tính đếm cho quảng nghĩa tương tự với Giai Đoạn Liên Quan của Tam Đề Thiện, rồi cho quảng nghĩa theo phương pháp xiển thuật.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1433]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba

thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Nên tính đếm tương tự với việc tính đếm trong Giai Đoạn Liên Quan của Tam Đề Thiện, rồi tính đếm theo phương pháp xiển thuật.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1434] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1435] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**[1436] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1437] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh

lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1438] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên.

Nên thực hiện Tái Sinh cho hoàn bị. Có ba thời kỳ.

**4.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có một thời kỳ.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v. 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1439]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1440] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1441] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1442] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là các Phạm Thiên Hữu

Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên, có một thời kỳ.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[1443] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

**[1444] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1445] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[1446] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1447]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. có năm thời kỳ.

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1448]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Tương tự với Phi Cảnh Duyên. (Là có sáu thời kỳ).

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1449] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà

Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc ngoại bộ.. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[1450 ]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên v.v. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên. Nên tính đếm tương tự với Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện, rồi thực hiện cho quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1451]** Trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ v.v. trong Phi Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Nên tính đếm số lượng thời kỳ tương tự trong Tam Đề Thiện.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1452]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ v.v. trong Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Nên tính đếm số lượng thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên tương tự trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1453]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm số lượng thời kỳ trong Phần Nghịch – Thuận Duyên tương tự trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

## GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

**[1454]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ câu sinh với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên.

Giai Đoạn Liên Quan hoặc là Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với nhau.

**Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh**

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1455]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi

sinh lên, Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên có một thời kỳ.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. Có ba thời kỳ.

**9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**11.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1456] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên, Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1457] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn

Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1458] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ do bởi Trưởng Duyên có một thời kỳ.

**4.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Có ba thời kỳ.

**7.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên.

**8.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên.

**9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1459]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Hai mươi bốn Duyên nên cho quảng nghĩa v.v. do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1460]** Trong Nhân Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 11 thời kỳ.

**[1461]** Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v. trong Bất Ly Duyên có 11 thời kỳ. Nên tính đếm số lượng thời kỳ tương tự trong Tam Đề Thiện.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1462]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. khởi sinh lên.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ khởi sinh lên v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ khởi sinh lên. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành

Cảnh Thủ khởi sinh lên, Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc ngoại bộ.. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại Hiển nương nhờ ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)
## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NADHIPATIPACCAYA)

**[1463] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương

nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v.

**5.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có một thời kỳ.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**[1464] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[1465]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành

Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên...Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. (*)

[(*): Xem số lượng việc tính đếm thời kỳ trong điều 1469]

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1466] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên.

**5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác

thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1467] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**4.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. khởi sinh lên, có một thời kỳ.

**5.** v.v. nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. khởi sinh lên, có ba thời kỳ.

**8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v.

**9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên.

**10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác

thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[1468]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên...Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1469]** Trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Nên tính đếm một cách quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Nên tính đếm một cách quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ.

**Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh**

## GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)

**[1470]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, nương nhờ ba Uẩn v.v.

### Kết Thúc Giai Đoạn Y Chỉ

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1471]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ hỗn hòa với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, một Uẩn hỗn hòa với ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ hỗn hòa với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ hỗn hòa với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1472]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v.

Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Trong Tam Đề Thiện đã tính đếm như thế nào, nên tính đếm như thế ấy.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

**[1473]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ hỗn hòa với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ hỗn hòa với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử hỗn hòa với Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ v.v.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1474]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa

## GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

**[1475]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tương ưng với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ..
v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Giai Đoạn Hỗn Hòa hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với nhau.

**Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng**

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1476]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[1477]** **2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1478]** **3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1479]** **4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1480]** **5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp

Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1481] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1482] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1483] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học và Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ và các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Nhãn Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức, Khí Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Vị Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thúc theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1484] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng

Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ và các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Người khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ. Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1485] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Sự ấy, tư khảo lại Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc Pháp phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước, kiến giải minh lượng sắc, thinh, khí, vị, xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, thinh văn với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ.

Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1486]** **4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...thinh, khí, vị, xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1487]** **5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1488]** **6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Các Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ. Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1489]** **1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc Pháp

Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Sắc Tâm Cơ và Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

**2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, rồi tư khảo lại. Thực hiện Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Các Bậc Hữu Học thực hiện Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện sắc, thinh, khí, vị, xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Cảnh một cách kiên định, khi thực hiện Sắc ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1490] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1491] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi

tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1492] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1493] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Ngũ Thức làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1494] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn. Ý Thức Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1495] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1496] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1497] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả.

Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1498] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1499] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1500] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tái Sinh. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển làm

duyên đối với ba Sắc Đại Hiển, ba Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển, hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển. Các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1501]** **2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1502]** **3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1503]** **4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1504]** **5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1505]** **6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1506]** **7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1507] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1508] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1509] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1510] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1511] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1512] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1513] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1514] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1515] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1516] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ có một thời kỳ. Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 6 – 7 – 8).

**[1517] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1518] 10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1519] 11.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1520] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ. Quý Tiết làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ. Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1521] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến

nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, Minh Sát Tuệ chưa từng sinh cho khởi sinh, Thắng Trí chưa từng sinh cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

Cứ nương vào Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực làm duyên đối với Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1522] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Thân Thọ Lạc, Đạo chưa từng sinh cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Quả. Người nương vào Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Đạo chưa từng sinh cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Quả. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực làm duyên đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1523] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, Minh Sát Tuệ chưa từng sinh cho khởi sinh, Thắng Trí chưa từng sinh cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

Người nương vào Giới Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ rồi xả thí, việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, sát tử hữu tình, thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, đối với Giới, Văn,

Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v.Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** làm duyên đối với sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến.

**[1524] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ rồi tự làm cho bản thân phải khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân. Người nương vào Giới Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. nương vào Trú Xứ rồi tự làm cho bản thân phải khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân. Tín Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1525] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Nhị Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo. Chuẩn Bị Tam Đạo làm duyên đối với Tam Đạo. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1526] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo, Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1527] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là việc Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1528] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo, tác hành Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định rồi tư khảo Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của các Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Attha paṭisambhidā),** đối với Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** đối với Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** đối với Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhi dā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1529] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức, Khí Xứ...Vị Xứ...Xúc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1530] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Bậc Hữu Học và Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1531] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1532] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí.

**[1533] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp

Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất rồi Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1534] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** kết hợp với **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1535] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** kết hợp với **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1536] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với

sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1537] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1538] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1539] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1540] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1541] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1542] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực

phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1543] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1544] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1545] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1546] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1547] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp

Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1548] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1549] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1550] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1551] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Thiện Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn

Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1552] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1553] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1554] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1555] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1556] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả

Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1557] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1558] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1559] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[1560] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Vật Thực Duyên.

Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1561] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1562] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1563] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1564] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1565] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1566] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp

Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1567] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1568] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1569] 10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1570] 11.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1571] 12.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh

Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[1572] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1573] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1574] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1575] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1576] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1577] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1578] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

**[1579] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1580] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1581] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1582] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1583] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1584] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[1585] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

## 18. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

**[1586] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1587] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

**[1588] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

**[1589] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

**[1590] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

**[1591] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

**[1592] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1593] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1594] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

**[1595] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1596] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ sinh trước làm duyên đối với Nhãn thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ sinh trước làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1597] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1598] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn

Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1599] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1600] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1601] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1602] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1603] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1604] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1605] 10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1606] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh trước làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tái

Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn sinh trước thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức, Khí Xứ v.v. Vị Xứ v.v. Xúc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thân Thức. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1607] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn sinh trước thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1608] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là T**iền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1609] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh

Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1610] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển, Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại hiển v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh trước thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy, v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1611] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Tiền Sinh, Hậu Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh trước thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã,

thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo lại Sắc ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện đã diệt mất, Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1612] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Hậu Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1613] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1614] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực

phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1615] 10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1616] 11.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** với **Hậu Sinh** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1617] 12.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh,** và **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến

nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1618] 13.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1619] 14.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1620] 15.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với mãnh lực Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1621] 16.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu**

**Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1622] 17.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1623] 18.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh** kết với **Vật Thực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1624] 19.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1625] 20.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Tiền Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Nhãn Vật làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Xúc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, và Thân Vật làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1626] 21.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Xúc Xứ Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến

nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1627] 22.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1628] 23.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** và **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh phía sau và Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1629]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Hữu Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1630]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 12 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 23 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 23 thời kỳ.

**[1631]** Do bởi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Việc đã tính đếm Tam Đề theo phương pháp xiển thuật như thế nào thì nên tính đếm như thế ấy. Việc tính đếm thời kỳ trong Tam Đề Y Luyến Thủ sâu sắc và thâm khắc hơn việc tính đếm thời kỳ trong Tam Đề Thiện, bậc hữu trí nên tính đếm theo cách thức như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA) TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1632] 1.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1633] 2.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến

nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1634] 3.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1635] 4.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1636] 5.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1637] 6.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1638] 7.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1639] 8.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[1640] 9.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1641] 10.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1642] 11.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1643] 12.** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh.**

**[1644]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh.**

**[1645]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1646]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Hậu Sinh.**

**[1647]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực.**

**[1648]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

**[1649]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực.**

**[1650]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực.**

**[1651]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực.**

**[1652]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có ba thể loại đó là **Tiền Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và kết hợp với **Quyền Lực.**

**[1653]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực.**

**[1654]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, chỉ có một thể loại đó là **Vật Thực.**

**[1655]** Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có một thể loại đó là **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** kết hợp với **Quyền Lực** (tức là **Hậu Sinh + Vật Thực + Quyền Lực**)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1656]** Trong Phi Nhân Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 24 thời kỳ. Trong

Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 23 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 23 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

**[1657]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 24 thời kỳ v.v. Việc tính đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện đã cho được quảng nghĩa như thế nào thì nên cho quảng nghĩa như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1658]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Năm Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên đã được phân tích trong Tam Đề Thiện như thế nào thì nên tính đếm như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1659]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có sáu thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 12 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 23 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 23 thời kỳ v.v.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Nghịch – Thuận Duyên đã được phân tích trong Tam Đề Thiện như thế nào thì nên tính đếm như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Y Luyến Thủ Thứ Tư**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ PHÁT THÚ

Trong Giai Đoạn Vấn Đề của Tam Đề Y Luyến Thủ, Đức Thế Tôn thuyết giáo có ý đề cập đến Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** chỉ là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên mà thôi, thế nhưng trong Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** Sắc Tâm Cơ ấy không có làm Tiền Sinh Duyên. Trong lời nói như thế này "Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên" (phần cuối điều 1560) có nghĩa là "gọi là Đoàn Thực Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tức là Bổ Phẩm **(Ojā)** ở nội bộ Sắc Pháp có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ. Lời nói thứ hai rằng **"đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ (Upādinnupādāniyassa kāyassa)** có nghĩa là "làm duyên đối với sắc thân, đích thị chính là Sắc Pháp có Nghiệp Lực làm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên".

Vật Thực làm Năng Duyên với mãnh lực việc phủ dưỡng và phù thực đối với Sắc Tái Sinh tương tự với Sắc Mạng Quyền Lực, không có được làm Năng Duyên với mãnh lực việc dẫn đến Sắc Pháp cho khởi sinh lên.

Còn lời nói nào mà một vài nhóm Giáo Thọ đề cập rằng Bổ Phẩm **(Ojā)** trong thân con ếch v.v. vẫn tồn tại làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên đối với thân con rắn

nuốt ăn con ếch vào v.v. lời nói ấy không nên giữ lấy, bởi vì Bổ Phẩm **(Ojā)** trong sắc thân hữu tình mà vẫn tồn tại thường không cho thành tựu việc tác thành Vật Thực Duyên đối với sắc thân tha nhân. Cũng trong lời nói này rằng là **"đối với sắc thân Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ (Anupādinnupādāniyassa kāyassa)** thường có được việc tác thành Năng Duyên với mãnh lực việc cho khởi sinh lên. Trong lời nói này rằng là **(đối với sắc thân) Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ (Upādinnupādāniyassa ca Anupādinnupādāniyassa ca)** Đức Thế Tôn thuyết giáo Vật Thực Duyên một là với mãnh lực tác thành Pháp phù thực đối với sắc thân, hai là với mãnh lực làm cho khởi sinh đối với sắc thân; hoặc chỉ với mãnh lực tác thành Pháp phù thực đối với sắc thân ở cả hai Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ mà thôi. Và cả hai Vật Thực khi cùng làm Duyên với nhau thường tác thành Mãnh Lực Bang Trợ **(Upatthambhakasatti)** tức là chỉ có phù thực mà thôi, không có tác thành Mãnh Lực Xuất Sinh **(Janakasatti)** tức là làm cho khởi sinh. Lời nói còn lại trong quan niệm này, bậc tu học nên tra nghiệm phần **Pāḷi** cho thật tốt rồi sẽ thấu hiểu thôi.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Y Luyến Thủ Phát Thú**

----------00000----------

## 5. TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1660] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não **(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesa Dhammā)** nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não **(Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesa Dhammā)** nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên.

**3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1661] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1662] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não **(Asaṅkiliṭṭhaasaṅkilesa Dhammā)** nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên.

**7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[1663] 8.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm

trầm và bất tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[1664] 9.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1665]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Trong Tam Đề Thiện Ngài đã phân tích như thế nào thì nên phân tích như thế ấy.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

**[1666]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**[1667]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não nương nhờ Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Trong Tam Đề Thiện Ngài đã phân tích như thế nào thì nên phân tích như thế ấy.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN v.v.

Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ v.v. Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ v.v. Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v.

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Hòa và hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng nên cho quảng nghĩa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1668] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1669] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1670] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1671] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[1672] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1673] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1674] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1675] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là:

1. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái; vì tư khảo lại tham ái ấy, tham ái, tà kiến, hoài nghi, trạo cử, ưu thọ thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt về tà kiến v.v. vì tư khảo lại hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ v.v. Trong Tam Đề Thiện Ngài đã phân tích như thế nào thì nên phân tích như thế ấy.

**[1676] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là:

1. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã được đoạn tận.

2. Tư khảo lại phiền não đã được ức chế.

3. Tri đắc phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước.

4. Kiến giải minh lượng Nhãn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

5. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não.

6. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khi Tâm Thiện đã diệt mất rồi Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

7. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Bất Thiện đã diệt mất rồi Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

8. Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1677] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là

1. Người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** rồi tư khảo lại Thiện ấy

2. Người tư khảo lại Thiện đã từng tích lũy trong thời gian trước.

3. Người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định.

4. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh.

5. Kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ và Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

6. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

7. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não.

8. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ.

9. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên.

10. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên.

11. Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1678] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là

1. Người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Thiện Nghiệp Lực ấy; khi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy tham ái, tà kiến, ưu thọ thường khởi sinh lên.

2. Người thường hỷ duyệt Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước.

3. Xuất khỏi Thiền Định, hỷ duyệt Thiền Định, hỷ duyệt Nhãn v.v. hỷ duyệt Xúc v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não, vì tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy v.v. tham ái, ưu thọ thường khởi sinh lên.

**[1679] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1680] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên tức là:

1. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn.

2. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

3. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não.

4. Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1681] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là:

1. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt, vì tác hành tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi tác hành tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì tác hành tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi tác hành tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1682] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1683] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu**

**Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1684] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là

1. Người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** rồi tác hành Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2. Tác hành Thiện Nghiệp Lực đã tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

3. Xuất khỏi Thiền Định rồi tác hành Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

4. Bậc Hữu Học tác hành Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, tác hành Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1685] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là:

1. Người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)**, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì tác hành Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi tác hành Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

2. Người tác hành Thiện Nghiệp Lực đã tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt.

3. Người xuất khỏi Thiền Định, tác hành Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt.

4. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì tác hành Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt. Vì tác hành Xúc v.v. Sắc Tâm Cơ và các Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi tác hành Pháp ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1686] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm

trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1687] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là:

1. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, tác hành Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, tác hành Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, tác hành Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

2. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1688] 8.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1689] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1690] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi

phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1691] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1692] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1693] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1694] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1695] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v. 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1696] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác

thành Cảnh phiền não theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ v.v. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên có tám thời kỳ (xem điều 1748 ở phía trước), có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào tham ái thường sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết; nương vào sân hận thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết; tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** làm duyên đối với sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1697] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tham Ái rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến Thiền Định, Minh Sát Tuệ, Thắng Trí, cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định; nương vào sự dục vọng rồi xả thí v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Người đã sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định, Minh Sát Tuệ, Thắng Trí và việc Nhập Thiền Định. Khi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực **(Pāpakamma)** ấy v.v. Người đã thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** khi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy. Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1698] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là:

1. Người nương vào tham ái rồi dẫn đến Đạo cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Quả; nương vào sân hận v.v. sự dục vọng dẫn đến Đạo cho khởi sinh, việc Nhập Thiền Quả.

2. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1699] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm

trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là:

1. Người nương vào Tín rồi xả thí, dẫn đến cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định; nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ thường xả thí v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định.

2. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín và đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

3. Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

4. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

**[1700] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là:

1. Người nương vào Tín rồi phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến; nương vào Giới v.v. Trú Xứ, sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết.

2. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1701] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Nhị Đạo v.v. Tam Đạo v.v. Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1702] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là:

1. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo.

2. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo.

3. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo.

4. Đạo (*) làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[(*):** Tạng **Pāḷi** là **"Catuttho maggo"**, bỏ qua lời nói rằng **"Catuttho"**, trong chỗ này mới chỉ có phiên dịch lời nói rằng **"Maggo – Đạo"]**

**[1703] 8.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm

trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là:

1. Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo dẫn đến việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, kiến giải minh lượng Pháp Hành (Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên.

3. Việc Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1704] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là:

1. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã.

2. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là:

1. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

2. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1705] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người thưởng hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhĩ v.v. Xúc, Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo lại Nhĩ ấy v.v. tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1706] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1707] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1708] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1709] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1710] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1711] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn sinh

trước trước v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1712] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1713] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1714] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1715] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1716] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1717] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1718] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1719] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1720] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Sinh theo

phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1721] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

**[1722] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1723] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[1724] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.

**[1725] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. (xem điều 1671) Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên v.v.

**[1726] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[1727] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.

**4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não có ba thời kỳ.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)
## 18. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1728] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Thiền Na Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1729] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1730] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm

trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v.Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1731] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1732] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1733] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1734] 1.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[1735] 2.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1736] 3.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v.

**[1737] 4.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Thân, Sắc v.v. Xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức.

Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1738] 5.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo lại Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên; thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1739] 6.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1740] 7.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[1741] 8.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1742] 9.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn

âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[1743] 10.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** và kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1744] 11.** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[1745] 12.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v.

**[1746] 13.** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)

**[1747]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ, tương tự với Vô Gián Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ, tương tự với Vô Gián Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ, tương tự với Hiện Hữu Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1748]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

## NHÂN TẤU HỢP (HETUSABHĀGA)

**[1749]** Do bởi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy

thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

## NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ)

**[1750]** Năm Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Sáu Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Sáu Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Bảy Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Bảy Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Trong Tam Đề Thiện đã cho quảng nghĩa như thế nào thì nên cho quảng nghĩa như thế ấy.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1751]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1752]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng

tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1753]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1754]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1755]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1756]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1757]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1758]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1759]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1760]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1761]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và kết hợp với **Quyền Lực.**

**[1762]** Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh phiền não, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

**[1763]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

**[1764]** Pháp dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não và Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não làm duyên đối với Pháp dẫn khởi phiền não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh phiền não, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1765]** Trong Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ v.v.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện như thế nào thì trong Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm cũng nên tính đếm như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

**[1766]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên, trong Phi Tiền Sinh Duyên, trong Phi Hậu Sinh Duyên, trong Phi Trùng Dụng Duyên, trong Phi Nghiệp Lực Duyên, trong Phi Dị Thục Quả Duyên, trong Phi Vật Thực Duyên, trong Phi Quyền Lực Duyên, trong Phi Thiền Na Duyên (từng mỗi Duyên) có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Do bởi năm Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Việc tính đếm trong Phần Thuận – Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện đã được phân tích như thế nào thì trong Tam Đề này cũng nên phân tích như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

**[1767]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có sáu thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Việc tính đếm trong Phần Nghịch – Thuận Duyên của Tam Đề Thiện đã được phân tích như thế nào thì trong chỗ này cũng nên phân tích như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm Thứ Năm**
**Kết Thúc Phần Đầu Tiên Thuận Tùng Tam Đề Phát Thú**
**(Kết Thúc Chánh Tạng Pāḷi Quyển 40 Chỉ Đến Tam Đề Thứ Năm)**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM PHÁT THÚ

Tất cả từ ngữ trong Tam Đề dẫn khởi phiền não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh phiền não **(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesa Tika),** bậc tu học nên hiểu biết theo đường lối của Phần đã đề cập trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm Phát Thú**

----------00000----------

## 6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)
**(Chánh Tạng Pāḷi Quyển Thứ 41)**

## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ **(Savitakkasavicārā Dhammā)** nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ **(Avitakkavicāramattā Dhammā)** nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ **(Avitakkaavicārā Dhammā)** nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**[2] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn

Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tầm **(Vitakka)** và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm và Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[3] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn, Tầm và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[4] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**10.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tứ **(Vicāra)** và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**[5] 11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên; hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn, Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên; hai Uẩn, Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên

**[6] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[7] 16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[8] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[9] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**21.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**22.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[10] 23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[11] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[12] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**28.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**29.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[13] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**31.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[14] 32.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứvà tầm khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên.

**33.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên.

**[15] 34.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên.

**[16] 35.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**36.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[17] 37.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên; một Uẩn nương nhờ ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên; hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên; Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[18] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[19] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[20] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[21] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[22] 8.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[23] 11.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**12.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[24] 13.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**14.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[25] 15.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[26] 16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô

Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[27] 19.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[28] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên; hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Hai Duyên đã phân tích theo phương pháp xiển thuật, hai mươi Duyên còn lại nên phân tích theo phương pháp ấy.

## BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[29] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[30] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[31] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên; hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên; các Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[32] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**10.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[33] 11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên; hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[34] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[35] 16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[36] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[37] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**21.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**22.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[38] 23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. nương nhở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[39] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[40] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**28.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**29.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ

khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[41] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**31.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và Tứ khởi sinh lện do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[42] 32.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**33.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[43] 34.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[44] 35.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**36.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[45] 37.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[46]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên v.v. Do bởi Vô Hữu Duyên v.v. Do bởi Ly Khứ Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[47]** Trong Nhân Duyên có 37 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 23 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 37 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 28 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 37 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 37 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 37 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên từng mỗi Duyên có 37 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 37 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 37 thời kỳ.

Do bởi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ v.v.

Trong Tam Đề Thiện, Ngài đã tính đếm như thế nào thì trong Tam Đề này cũng tính đếm như thế ấy.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[48] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân **(*)** v.v.

**[(*):** Nội dung tiếp theo đây thiếu đi, nội dung đầy đủ là **trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn Vô Nhân nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên** (xem nội dung đầy đủ cách thức này từ điều 62)**].** Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[49] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[50] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[51] 8.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Tầm câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử khởi sinh lên.

**9.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**[52] 10.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**[53] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**12.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**13.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[54] 14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp

Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[55] 15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lê do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[56] 17.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[57] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**19.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**20.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[58] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**22.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Tầm nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[59] 24.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu

Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[60] 25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**26.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên; trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[61] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[62] 28.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và Tầm khởi sinh lên.

**29.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[63] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[64] 31.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**32.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[65] 33.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[66] 1.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**[67] 2.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**[68] 3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, Sắc Tái Sinh nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc ngoại bộ.. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng (ba Sắc Đại Hiển) nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**[69] 4.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

**[70] 5.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ v.v.

**[71] 6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[72] 7.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh v.v.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[73] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. có bảy thời kỳ.

**[74] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**10.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**[75] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, ba Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên.

**14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ có bảy thời kỳ.

**[76] 16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên.

**17.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v.

**18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ v.v. khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 7. PHI CẬN Y DUYÊN (NAUPANISSAYAPACCAYA)

**[77]** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên v.v. tương tự với Phi Cảnh Duyên.

## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[78] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.

**[79] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v.

**9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**10.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tái Sinh nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[80] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[81] 16.** nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. có bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 16 – 22).

**23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh, trong chỗ có Phi Tiền Sinh Duyên làm Căn Nguyên ở phần Thuần Tịnh Vô Sắc Giới Địa Giới **(Suddhika Arūpabhūmi)** thực hiện như thế nào, các Vô Sắc Địa Giới nên thực hiện như thế ấy. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (là tương tự) do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[82]** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v.

**[83]** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[84] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**[85] 2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**[86] 4.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô

Tầm Vô Tứ khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên.

**[87] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên.

**[88] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.
## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

**[89] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lê do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. Do bởi Phi Vật Thực Duyên v.v. tức là Sắc ngoại bộ… Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên v.v. tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên v.v. tức là v.v. nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (trong nhóm Phi Trùng Dụng Duyên làm Căn Nguyên nên làm cho tương tự với Phi Tiền Sinh Duyên bằng cách phối hợp Pháp Vô Tầm Hữu Tứ vào với Dị Thục Quả. Một trường hợp khác nữa, nên trình bày Dị Thục Quả bằng cách phối hợp Pháp Vô Tầm Hữu Tứ với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ). Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên v.v.

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[90] 1.** v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên v.v. tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tầm nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[91] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên.

**6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

**[92] 8.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên.

**[93] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên.

**[94] 11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[95]** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[96]** Trong Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 20 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Nên tính đếm số lượng thời kỳ tương tự với cách thức tính đếm trong Phần Đối Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[97]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v. Nên tính đếm tương tự với cách thức tính đếm trong Phần Thuận - Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[98]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 14 thời kỳ v.v. Nên tính đếm tương tự với cách thức tính đếm trong Phần Nghịch – Thuận Duyên của Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Ngay cả Giai Đoạn Câu Sinh cũng nên phân tích tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[99]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên v.v. có bảy thời kỳ. v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, có năm thời kỳ tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

**[100]** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô

Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[101]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[102]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên tức là trong sát na Tái Sinh đã hiện hành trong lệ chứng đầu tiên, nên thực hiện cho được bảy thời kỳ.

**[103]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh

Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh có bốn thời kỳ tương tự như thế này.

**[104]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn v.v. Trong Phần Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** cả hai Duyên còn lại nên phân tích Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** cho quảng nghĩa.

## Kết Thúc Nhân Duyên

Bậc liễu giải Nhân Duyên nên phân tích Giai Đoạn Duyên Sinh cho quảng nghĩa. Nên tính đếm số lượng thời kỳ tương tự với cách thức tính đếm thời kỳ trong Giai Đoạn Liên Quan. Trong Trưởng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên và trong Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Đây là sự sai biệt nhau trong Giai Đoạn Duyên Sinh này.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

**[105]** Trong Phần Đối Nghịch Duyên, trong Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ, cả bảy si mê trong cả bảy vị trí **(Ṭhāna)** nên được nêu lên trình bày. Đặc biệt với Câu làm Căn Nguyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ nên nêu Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ lên trình bày. Cả bảy thời kỳ có Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm Căn Nguyên nên phân chia với Phi Trưởng Duyên.

**[106]** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Nên thực hiện cho đủ năm thời kỳ tương tự trong Phần Liên Quan.

**[107]** Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên, ba

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ Dị Thục Quả khởi sinh lên.

Trong sát na Tái Sinh, Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Uẩn Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ Dị Thục Quả khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Hiệp Lực thứ nhất này nên phân chia cho đầy đủ thành bảy thời kỳ.

**[108]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên. Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Nên phân chia cả năm Giai Đoạn Vấn Đề.

Pháp Vô Tầm Hữu Tứ thường đi đến trong chỗ nào thì nên phân chia Dị Thục Quả ở trong chỗ ấy. Trong Phi Trưởng Duyên làm Căn Nguyên nên phân chia cả 37 thời kỳ.

## PHI ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (NASAMANANTARAPACCAYA) v.v.

Trong Phi Vô Gián Duyên hoặc là trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, hoặc là trong Phi Hỗ Tương Duyên, hoặc là trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ, chỉ nên có ngần ấy mẫu câu thôi.

Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 37 thời kỳ tương tự với Phần Đối Nghịch Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 37 thời kỳ, ngay cả trong Phi Trùng Dụng Duyên cũng tương tự với nhau. Ngay cả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ đi đến trong chỗ nào nên phân chia Dị Thục Quả ở trong chỗ ấy.

## PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[109]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. nương nhờ Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. nên phân chia cho đầy đủ. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên, Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[110]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên, Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên.

**[111]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ nương nhờ Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[112]** Trong Phi Dị Thục Quả Duyên nên phân chia Giai Đoạn Vấn Đề có 37 thời kỳ. Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiền Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Tương Ưng Duyên, Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Vô Hữu Duyên, Phi Ly Khứ Duyên nên phân chia cho quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN v.v.

**[113]** Trong Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Tiền Sinh Duyên, trong Phi Hậu Sinh Duyên, trong Phi Trùng Dụng Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 37 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 33 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

### Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

Ngay cả Giai Đoạn Y Chỉ cũng không khác biệt nhau (trình bày tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh).

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

**[114] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tầm hỗn hòa với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. tức là ba Uẩn và Tầm hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[115] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Trong sát na Tái Sinh, Tứ hỗn hòa với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v.

**7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. tức là ba Uẩn và Tứ hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**8.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Tứ. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn hỗn hòa với Tứ.

**10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ hỗn hòa với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Bậc liễu giải Nhân Duyên nên phân tích các Duyên cho quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[116]** Trong Nhân Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên, trong Trưởng Duyên, trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Câu Sinh Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, trong Y Chỉ Duyên, trong Cận Y Duyên, trong Tiền Sinh Duyên, trong Trùng Dụng Duyên, trong Nghiệp Lực Duyên, trong Dị Thục Quả Duyên, trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, trong Tương Ưng Duyên, trong Bất Tương Ưng Duyên, trong Hiện Hữu Duyên, trong Vô Hữu Duyên, trong Ly Khứ Duyên, trong Bất Ly Duyên, trong mỗi Duyên (đã đề cập đến đây) từng mỗi Duyên có 11 thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

Bậc hữu trí nên phân chia Phần Đối Nghịch Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[117]** Trong Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

Ngay cả hai thời kỳ ngoài ra đây (Phần Thuận – Nghịch Duyên và Phần Nghịch – Thuận Duyên) cũng nên phân chia cho quảng nghĩa.

Ngay cả Giai Đoạn Tương Ưng cũng nên phân chia cho quảng nghĩa.

**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[118] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[119] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[120] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[121] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[122] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[123] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyê đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nhân Duyên v.v. Trong sát na Tái

Sinh, Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nhân Duyên.

**[124] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[125] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[126] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[127] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

**[128] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Nhân Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[129] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực này, người tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy trong thời gian trước.

Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước, kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên; vì tư khảo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên.

**[130] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy; vì tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy, Tầm thường khởi sinh lên; tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy trong thời gian trước v.v. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy, Tầm thường khởi sinh lên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước; kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, Tầm thường khởi sinh lên; vì tư khảo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm thường khởi sinh lên.

**[131] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ thường khởi sinh lên.

**[132] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy; vì tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên; tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy trong thời gian trước; xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiện Nghiệp Lực ấy, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước; kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[133] 5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiền Định ấy v.v. Tầm thường khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, Tầm thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm, Tầm thường khởi sinh lên.

**[134] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất

khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiền Định ấy v.v. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên; kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên v.v.

**[135] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ thường khởi sinh lên.

**[136] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiền Định ấy v.v. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[137] 9.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên.

Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Vô Tầm Vô Tứ. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ thường khởi sinh lên.

**[138] 10.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên. Các Bậc Thánh Nhân thường tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, đối với Quả, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên v.v.

**[139] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiền Định ấy v.v. Tầm thường khởi sinh lên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên.

Người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. Tầm thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ, Tầm thường khởi sinh lên.

**[140] 12.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên.

**[141] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thường tư khảo lại Quả; vì tư khảo Thiền Định ấy v.v. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh và Tầm v.v. đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, đối với Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; vì tư khảo Nhãn ấy, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Xúc, Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[142] 14.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên.

**[143] 15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ, Tầm thường khởi sinh lên.

**[144] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm

duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Tri theo phương thức Cảnh Duyên vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ thường khởi sinh lên.

**[145] 17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[146] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên.

**[147] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, Tầm thường khởi sinh lên.

**[148] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ thường khởi sinh lên.

**[149] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[150] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả ấy cho thành một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[151] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi đã thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, Tầm thường khởi sinh lên.

Người thực hiện Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy thiện hảo trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi đã thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Trưởng Duyên.

**[152] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[153] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[154] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[155] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người thực hiện Thiện Nghiệp Lực mà mình đã tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực

hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên.

**[156] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[157] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn và Tầm ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[158] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[159] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[160] 11.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[161] 12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[162] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[163] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên. Các Bậc Thánh Nhân thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[164] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn rồi thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên

định. Khi thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Tầm thường khởi sinh lên.

**[165] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[166] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Khi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn rồi thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh và đối với Tầm, đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm, đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Trưởng Duyên.

Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Khi thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

**[167] 18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định.

**[168] 19.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Tầm khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định.

**[169] 20.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định.

**[170] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ thường khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định.

**[171] 22.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Tầm khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định.

**[172] 23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ với mãnh lực Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm khởi sinh lên vì thực hiện Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[173] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với việc việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[174] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm.

Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[175] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ.

Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền v.v. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng

Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí, Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí v.v.

Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[176] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[177] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc và đối với Tầm. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh và đối với Tầm. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[178] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[179] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[180] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[181] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[182] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử **(Cuticitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần **(Bhavaṅgacitta)** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[183] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ. Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[184] 12.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[185] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[186] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[187] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[188] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[189] 17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[190] 18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Tấm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[191] 19.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[192] 20.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[193] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[194] 22.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[195] 23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn và Tầm làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên.

Tâm Tử Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

Chuẩn Bị Nhị Thiền và Tầm làm duyên đối với Nhị Thiền và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền và Tầm v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền và Tầm v.v. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí và Tầm v.v.

Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[196] 24.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ. Thuận

Tùng và Tầm làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[197] 25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc và đối với Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh và đối với Tầm. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[198] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên.

Vô Gián Duyên hoặc là Đẳng Vô Gián Duyên tương tự.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[199] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn.

**[200] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[201] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[202] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v.

hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[203] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[204] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[205] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, đối với Tầm và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[206] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[207] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[208] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[209] 11.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh Tầm v.v.

**[210] 12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[211] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối

với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sin Xứ. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tái Sinh v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Sinh, Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn, Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển là duyên đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[212] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[213] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[214] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tái Sinh. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[215] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[216] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ với mãnh lực Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[217] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[218] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh.

**[219] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[220] 22.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[221] 23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[222] 24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh. Trong sát na Tái Sinh, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[223] 25.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ với mãnh lực Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Ba Uẩn và Tứ làm duyên đối với một Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô

Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[224] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[225] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[226] 28.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[227] 29.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[228] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[229] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[230] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[231] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[232] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[233] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[234] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[235] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, đối với Tầm và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, đối với Tầm và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[236] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[237] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Tầm làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[238] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[239] 11.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm làm

duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[240] 12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ với mãnh lực Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, đối với Tứ và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[241] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[242] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[243] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[244] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[245] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[246] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[247] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[248] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm dueyón đối với ba Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[249] 21.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[250] 22.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[251] 23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[252] 24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[253] 25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và

Tầm làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[254] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[255] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[256] 28.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[257] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. có bảy thời kỳ.

**8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. có năm thời kỳ.

**[258] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[259] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ v.v.

**[260] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương

thức Y Chỉ Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ v.v.

**[261] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ v.v.

**[262] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ v.v.

**[263] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v.

Nên trình bày Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** hoặc là Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)**.

**[264] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[265] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[266] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[267] 22.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[268] 23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[269] 24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Cả các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm

Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Các sát na Tái Sinh có bốn Phần v.v.

**[270] 25.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

**[271] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v.

**27.** v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v.

**28.** v.v. làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. có ba thời kỳ.

**[272] 29.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v.

**30.** v.v. làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên, cả hai thời kỳ nên cho quảng nghĩa.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[273] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** dẫn đến Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ cho khởi sinh lên, dẫn đến Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, thường phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến v.v. sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định v.v. sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, Tà Kiến v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[274] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định v.v. nương vào Giới Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Người cứ nương vào sự dục vọng rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định v.v. Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[275] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. nương vào sự dục vọng rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tứ; đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[276] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[277] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. đối với sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[278] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ v.v. Tầm rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm

Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[279] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ v.v. Tầm rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo, dẫn đến việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[280] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ v.v. Tầm rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ; đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[281] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[282] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, đối với sự dục vọng và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[283] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ rồi dẫn đến Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ cho khởi sinh lên, dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến Thắng Trí v.v. dẫn đến Thiền Định cho khởi sinh lên. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ, Tứ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Vô Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ, Tứ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ, Tứ; đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[284] 12.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Văn, Thí, Tuệ, Tứ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với Giới v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[285] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Trú Xứ rồi dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến

cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[286] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[287] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, đối với sự dục vọng và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[288] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tứ làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[289] 17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. và Tứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[290] 18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[291] 19.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[292] 20.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ, Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến; đối với sự dục vọng và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[293] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ, Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến, Sự Dục Vọng và đối với Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ; đối với Giới v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[294] 22.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới v.v. sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

**[295] 23.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Vô Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ; đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[296] 24.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ v.v. sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín Pháp Vô Tầm Hữu Tứ; đối với Giới, Văn, Thí, Tuệ và đối với Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[297] 25.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. Giới, Văn, Thí, Tuệ, Tham Ái, Sân Hận, Si Mê, Ngã Mạn, Tà Kiến, Sự Dục Vọng và Tầm làm

duyên đối với Tín Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. đối với sự dục vọng và đối với Tầm theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[298] 1.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[299] 2.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Kiến giải minh lượng Xúc v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt, vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[300] 3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, Tầm thường khởi sinh lên v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Sắc Tâm Cơ ấy, Tầm thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[301] 4.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[302] 5.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v., các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[303] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[304] 2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[305] 3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[306] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[307] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[308] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[309] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[310] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền làm duyên đối với Tam Thiền. Chuẩn Bị Tứ Thiền làm duyên đối với Tứ Thiền. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Vô Sở Hữu Xứ. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí làm duyên đối với Thiên Nhãn Trí. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí làm duyên đối với Thiên Nhĩ Giới Trí. Chuẩn Bị Thần Túc Trí v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí làm duyên đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[311] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[312] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc và đối với Tầm. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh và đối với Tầm. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Dũ Tịnh làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[313] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[314] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[315] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[316] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[317] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[318] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[319] 12.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[320] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[321] 14.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[322] 15.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[323] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[324] 17.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu

Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[325] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[326] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Nhị Thiền và Tầm làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí và Tầm làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[327] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[328] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh sau sau và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc và đối với Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh và đối với Tầm. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[329] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[330] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[331] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[332] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[333] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[334] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[335] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tầm và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tầm và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, đối với Tầm và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[336] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[337] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[338] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, đối với Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[339] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[340] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[341] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v

Hết cả bảy thời kỳ hoàn toàn có Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm Căn Nguyên.

**[342] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v.

Nên phân chia thời kỳ Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm Căn Nguyên cho được năm thời kỳ và nên quy định là thành Dị Thục Quả.

**[343] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[344] 14.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[345] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[346] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[347] 17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[348] 18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tái Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[349] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[350] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[351] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[352] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[353] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Với nguyên nhân này nên phân chia thời kỳ Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm Căn Nguyên cho được bảy thời kỳ

**[354] 3.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[355] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[356] 5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[357] 6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[358] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[359] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Với nguyên nhân này, Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên nên phân chia thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 - 7).

**[360] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[361] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[362] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[363] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

**[364] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Với nguyên nhân này, Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên nên phân chia thành bảy thời kỳ.

**[365] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v

Với nguyên nhân này, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên nên phân chia thành năm thời kỳ.

**[366] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên, Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Thiền Na Duyên, Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[367] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[368] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[369] 16.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[370] 17.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[371] 18.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Chi Thiền Na Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Thiền Na Duyên.

**[372] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[373] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[374] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là các Chi Thiền Na Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 18. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

**[375] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Với nguyên nhân này, Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên nên phân chia thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 - 7).

**[376] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Với nguyên nhân này, Pháp Pháp Vô Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên nên phân chia thành năm thời kỳ (thời kỳ thứ 8 - 12).

**[377] 13.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[378] 14.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[379] 15.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[380] 16.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là các Chi Đồ Đạo Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[381] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với

ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[382] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[383] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[384] 4.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[385] 5.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Tầm làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[386] 6.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[387] 7.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tứ. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[388] 8.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[389] 9.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[390] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[391] 11.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[392] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[393] 2.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[394] 3.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[395] 4.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[396] 5.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[397] 6.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[398] 7.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[399] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[400] 9.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[401] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[402] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[403] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên

Trong Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên, chủ đề Duyên còn lại tương tự với Câu Sinh Duyên **(*).**

**[(*):** Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ, trong chỗ này trình bày giản lược chỉ có ba thời kỳ**].**

**[404] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[405] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là Tầm làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[406] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Pháp Vô Tầm Hữu Tứ Căn Nguyên có năm (*) thời kỳ, còn lại tương tự với Câu Sinh Duyên.

**[(*):** xin xem điều 206 đến điều 210**].**

**[407] 11.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Vô Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[408] 12.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[409] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, Tầm thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. Tầm thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[410] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Tứ câu sinh với nhau làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tứ làm duyên đối với Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[411] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[412] 18.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[413] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[414] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[415] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[416] 22.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[417] 23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[418] 28.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh, Hậu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tầm câu sinh với nhau và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ

và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau, Tầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ sinh phía sau, Tầm và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[419] 25.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh,** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ v.v. Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v

**[420] 26.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[421] 27.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[422] 28.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[423] 29.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh,** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[424] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực,** và **(Hậu Sinh)** kết hợp với **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ câu sinh với nhau, Tầm và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau, Tầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** kết hợp với **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ sinh phía sau, Tầm và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)
## 23. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

**[425]** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Vô Hữu Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên.

Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

Bất Ly Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[426]** Trong Nhân Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 23 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 30 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 28 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 30 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 25 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu

Duyên có 30 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 25 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 25 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 30 thời kỳ.

Hiệp Lực tương tự với Tâm Đề Thiện ấy thôi. Việc tính đếm Giai Đoạn Vấn Đề, bậc hữu trí nên thực hiện như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[427] 1.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[428] 2.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[429] 3.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[430] 4.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[431] 5.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[432] 6.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[433] 7.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[434] 8.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[435] 9.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[436] 10.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[437] 11.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[438] 12.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[439] 13.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[440] 14.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[441] 15.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[442] 16.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[443] 17.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[444] 18.** Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[445] 19.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. có hai thể loại đó là Câu Sinh và Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh.

**[446] 20.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. có hai thể loại đó là Câu Sinh và Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh.

**[447] 21.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. có ba thể loại đó là Câu Sinh, Hậu Sinh và Vật Thực, và Hậu Sinh và Quyền Lực.

**[448] 22.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ v.v. có hai thể loại đó là Câu Sinh và Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh.

**[449] 23.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[450] 24.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[451] 25.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[452] 26.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[453] 27.** Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[454] 28.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[455] 29.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[456] 30.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[457] 31.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[458] 32.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[459] 33.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Hữu Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ và đối với Pháp Vô Tầm Hữu Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[460] 34.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ v.v. có hai thể loại đó là Câu Sinh và Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh.

**[461] 35.** Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Pháp Vô Tầm Hữu Tứ và Pháp Vô Tầm Vô Tứ làm duyên đối với Pháp Vô Tầm Vô Tứ v.v. có ba thể loại đó là Câu Sinh, Hậu Sinh kết hợp với Vật Thực, và Hậu Sinh kết hợp với Quyền Lực.

## Kết Thúc Mẫu Đề Đối Nghịch (Paccanīyamātikā)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[462]** Trong Phi Nhân Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 29 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 29 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 29 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 34 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 29 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 27 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 27 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 35 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 27 thời kỳ.

Bậc hữu trí khi sẽ tính đếm Phần Đối Nghịch Duyên nên tính đếm theo bài này.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[463]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 11 thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ.

Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ.

Việc tính đếm thời kỳ trong Phần Thuận – Nghịch Duyên nên tính đếm theo sự việc này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[464]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 23 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 30 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 28 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 30 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 25 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 30 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 25 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 25 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 30 thời kỳ.

Phần Nghịch – Thuận Duyên nên phân chia theo bài này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Tầm Thứ Sáu**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ TẦM PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Tầm, lời nói rằng **Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí (Yathākammū pagañāṇassa parikammaṃ)** (ở điều 175) đích thị chính là Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí làm Chuẩn Bị để cho Tùy Nghiệp Thú Trí ấy khởi sinh lên. Cũng lời nói này thuyết giáo có ý định lấy Chuẩn Bị trong thời gian sử dụng Trí đã khởi sinh lên. Lời nói còn lại trong quan niệm này đích thị tiến hành đi theo Chánh Tạng **Pāḷi.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Tầm Phát Thú**

----------00000----------

## 7. TAM ĐỀ HỶ (PĪTITIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)

**[465] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ **(Pītisahaggatā Dhammā)** nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Câu Hành Lạc **(Sukhasahaggatā Dhammā)** nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**3.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[466] 4.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn **(*)**. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[(*):** Chi Pháp của Pháp Câu Hành Lạc tức là 63 Tâm Câu Hành Lạc, 46 Tâm Sở (trừ Thọ Uẩn – **Vedanākhandha**), vì lý do ấy mới trình bày chỉ có ba Danh Uẩn nương nhờ lẫn nhau]

**5.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**6.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[467] 7.** Pháp Câu Hành Xả **(Upekkhāsahaggatā Dhammā)** nương nhờ Pháp Câu Hành Xả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Xả, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[468] 8.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**9.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**10.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

## Kết Thúc Nhân Duyên

**[469]** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên **(*).** Do bởi Trưởng Duyên (không có trong sát na Tái Sinh). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (Trong Tiền Sinh Duyên không có trong sát na Tái Sinh). Do bởi Trùng Dụng Duyên (Trong Trùng Dụng Duyên không có Dị Thục Quả). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

**[(*):** Kể từ Cảnh Duyên đến Bất Ly Duyên, từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ]

## Kết Thúc Mẫu Đề (Mātikā)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[470]** Trong Nhân Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 10

thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 10 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ (Từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ).

Việc tính đếm Phần Thuận Tùng Duyên nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[471] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**3.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[472] 4.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**5.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**6.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[473] 7.** Pháp Câu Hành Xả nương nhờ Pháp Câu Hành Xả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Xả, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Câu Hành Xả, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[474] 8.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**9.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**10.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[475] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (Phi Trưởng Duyên trong sát na Tái Sinh nên bổ túc cho hoàn bị). Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (Nên quy định với lời nói rằng "trong Vô Sắc Địa Giới và lời nói rằng trong sát na Tái Sinh"). v.v. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

## PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**1.** Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ.

**2.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ. Cả 10 thời kỳ nên cho quảng nghĩa theo sự việc này. Pháp Câu Hành Hỷ nương nhờ Pháp Câu Hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. đã hoàn bị. Tái Sinh không có.

## PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[476] 1.** Pháp Câu Hành Lạc nương nhờ Pháp Câu Hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Câu Hành với Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[477] 2.** Pháp Câu Hành Xả nương nhờ Pháp Câu Hành Xả khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Câu Hành Nhãn Thức, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tương tự với Do bởi Phi Nhân Duyên, si mê mới không có. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên đã hoàn bị, mới chỉ có Vấn Đề Vô Sắc Địa Giới).

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[478]** Trong Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.

Phần Đối Nghịch Duyên nên thực hiện cho hoàn bị.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[479]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.

Phần Thuận - Nghịch Duyên nên tính đếm cho quảng nghĩa.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[480]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 10 thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 10 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh, hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ, hoặc là Giai Đoạn Hỗn Hòa, hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[481] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[482] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[483] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[484] 4.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**5.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**6.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc v.v.

Trong Lạc Căn Nguyên có ba Phần.

**[485] 7.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[486] 8.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**9.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**10.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[487] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực

**(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não Câu Hành Hỷ đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Hỷ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ, các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ thường khởi sinh lên.

**[488] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp câu hành Hỷ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não Câu Hành Hỷ đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Lạc, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Hỷ, các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên.

**[489] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não Câu Hành Hỷ đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ, các Uẩn Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên.

**[490] 4.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh

nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Lạc rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não Câu Hành Hỷ đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Hỷ Câu Hành Lạc và Pháp Lạc Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ, các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên.

**[491] 5.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên.

**6.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**7.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả v.v.

**8.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc, các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên.

**[492] 9.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Xả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Xả v.v. xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não câu hành Xả đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Xả thể thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Xả, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Xả, các Uẩn Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên.

**[493] 10.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**11.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**12.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Xả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Xả, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Pháp phiền não Câu Hành Xả đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Xả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ, các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc thường khởi sinh lên.

**[494] 13.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**14.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**15.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã với Tâm Pháp Câu Hành Xả, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư khảo các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, các Uẩn Pháp Câu Hành Xả thường khởi sinh lên.

**[495] 16.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[496] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại.

Người xuất khỏi Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi thực hiện Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt. Vì tư khảo Uẩn ấy cho thành cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Câu Hành Hỷ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[497] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên.

**[498] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ v.v. rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm Pháp Câu Hành Xả v.v.

**[499] 4.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên.

**[500] 5.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí với Tâm Pháp Câu Hành Lạc v.v. Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[501] 6.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng** v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[502] 7.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

**[503] 8.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng** v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên.

**[504] 9.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng** v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[505] 10.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

**11.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

**[506] 12.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

**[507] 13.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[508] 14.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng** v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên.

**[509] 15.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trưởng, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

**[510] 16.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[511] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc theo phương thức Vô Gián Duyên. Nên trình bày làm duyên đối với tất cả Câu theo sự việc này.

Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[512] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên, Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Lạc v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[513] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Thiện Tâm Bất Thiện Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Câu Hành Xả. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[514] 4.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[515] 5.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Chuyển Tộc Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[516] 6.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh sau sau v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[517] 7.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Thiện Tâm Bất Thiện Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Câu Hành Xả, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[518] 8.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[519] 9.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Xả sinh sau sau v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Xả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[520] 10.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Câu Hành Hỷ. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Hỷ. Tâm Thiện Tâm Bất Thiện Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Câu Hành Hỷ. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[521] 11.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**12.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. Nên quy định nắm lấy nội dung theo Chánh Tạng **Pāḷī** ở phía trên làm thành lời giải thích trong chỗ này.

**[522] 13.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**14.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**15.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Câu Hành Xả. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn. Ý Thức Giới Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác. Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Xả. Tâm Thiện và Tâm Bất Thiện Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Câu Hành Xả. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[523] 16.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh sau sau v.v. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[524] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[525] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

Tương tự với Giai Đoạn Liên Quan. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)
## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[526] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

Nên thực hiện cho thành 10 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[527] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ, giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ cho khởi sinh lên, dẫn đến Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Quả cho khởi sinh lên, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người cứ nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người cứ nương vào tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ, dẫn đến việc Nhập Thiền Định với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người thường thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho, vọng ngữ, ly gián ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tín, Giới, Thí, Văn, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[528] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.** v.v.

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người thường thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tín Pháp Câu Hành Lạc, đối với sự dục vọng, đối với Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[529] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí v.v. dẫn đến Thắng Trí cho khởi sinh lên, dẫn đến việc Nhập Thiền Định v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[530] 4.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ v.v. rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[531] 5.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và đối với Thân Thức theo phương thức Cận Y Duyên.

**[532] 6.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[533] 7.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Giới Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. dẫn đến Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[534] 8.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu

Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và Thân Thức Pháp Câu hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[535] 9.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. dẫn đến Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[536] 10.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. thực hiện sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[537] 11.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và đối với Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[538] 12.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[539] 13.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[540] 14.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng Pháp Câu Hành Lạc và đối với Thân Thức Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[541] 15.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. dẫn đến Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Người cứ nương vào Giới v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân với Tâm Pháp Câu Hành Xả. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[542] 16.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc, dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người cứ nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, tham ái, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Đạo v.v. dẫn đến việc Nhập Thiền Định với Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Người thường thâu đạo vật phẩm mà chủ nhân không cho, vọng ngữ, ly gián ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chặn nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ tha nhân, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân với

Tâm Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc. Tín v.v. sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tín v.v. đối với sự dục vọng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[543] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc Pháp Câu Hành Hỷ. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[544] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên, Thuận Tùng Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên, Chuyển Tộc Pháp Câu hành Hỷ làm duyên đối với Đạo Pháp Câu Hành Lạc, Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Đạo Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[545] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Đạo Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[546] 4.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**5.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**6.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Nên xem Phần Hỷ rồi thực hiện đi theo như thế.

**[547] 1.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Xả sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Đạo Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[548] 8.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v.

**9.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v.

**10.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh

trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Dũ Tịnh Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Đạo Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[549] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[550] 2.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc với mãnh lực Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[551] 3.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[552] 4.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[553] 5.** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc v.v. Nên xem rồi tiếp theo là thực hiện việc tính đếm cả bốn thời kỳ.

**[554] 6.** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

**10.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ với mãnh lực Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Xả v.v.

**11.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Xả v.v.

**12.** v.v. làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Câu Hành Xả v.v.

**13.** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ v.v. Nên thực hiện thành bốn thời kỳ (kết hợp lại thành 16 thời kỳ).

Bậc hữu trí nên phân chia Pháp Câu Hành Hỷ.

## 12. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[555] 1.** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Nên thực hiện cả 10 thời kỳ Dị Thục Quả Duyên cho quảng nghĩa tương tự với Nhân Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan.

## 13. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 17. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[556]** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nên thực hiện 10 thời kỳ của mỗi Duyên cho quảng nghĩa.

## 18. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)
## 19. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Vô Hữu Duyên hoặc là Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

## 20. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[557]** Trong Nhân Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 16 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

Bậc hữu trí nên tính đếm theo Phần Thuận Tùng Duyên của Tam Đề Thiện.

### Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[558]** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[559]** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[560]** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[561]** Pháp Câu Hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[562]** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[563]** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[564]** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[565]** Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[566]** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[567]** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[568]** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[569]** Pháp Câu Hành Xả làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[570]** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo Nghiệp Lực Duyên.

**[571]** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[572]** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[573]** Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Pháp Câu Hành Hỷ và Pháp Câu Hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[574]** Trong Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 16 thời kỳ.

Bậc hữu trí nên tính đếm Phần Đối Nghịch Duyên.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[575]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 10 thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 10 thời kỳ.

Bậc hữu trí nên tính đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[576]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 16 thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có 16 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có

16 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 16 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 16 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Hỷ Thứ Bảy**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ HỶ PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Hỷ, lời nói rằng **Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Câu Hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên (Sukhasahagataṃ Bhavaṅgaṃ Upekkhāsahagatassa Bhavaṅgassa Anantarapacca yena )** (Ở điều 517) Đức Thế Tôn thuyết giáo với mãnh lực Tâm Na Cảnh, Tâm Hữu Phần và Tâm Hữu Phần Căn Nguyên **(Mūla Bhavaṅga).** Các lời nói còn lại trong quan niệm này, nên thấu hiểu với mãnh lực ở Chánh Tạng **Pāḷī.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Hỷ Phát Thú**

----------00000----------

## 8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[577] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ **(Dassanena Pahātabba Dhammā)** nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ **(Nevadassanena Nabhāvanāya Pahātabba Dhammā)** nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn.

**[578] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ **(Bhāvanā Pahātabba Dhammā)** nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn.

**[579] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[580] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**[581] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[582] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[583] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[584] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh,

ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[585] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6).

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[586]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên.

Duyên này tương tự với Cảnh Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[587] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tu Tập v.v. có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải v.v. tức là v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ... Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển ...v.v.

**8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[588] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên, có một thời kỳ.

**2.** nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ...có một thời kỳ.

**3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.
## 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[589]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. Duyên này tương tự với Nhân Duyên.

Do bởi Cận Y Duyên có ba thời kỳ.

Do bởi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Tái Sinh không có.

Do bởi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Dị Thục Quả Tái Sinh không có.

Do bởi Nghiệp Lực Duyên, có đầy đủ Sắc nội bộ **(Ajjhattikarūpa)** và Sắc Đại Hiển của các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

## 13. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[590]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả v.v. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 14. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[591]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên, có đầy đủ Sắc nội bộ **(Ajjhattikarūpa),** Sắc Đại Hiển và Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ.

## 15. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Do bởi Quyền Lực Duyên, Duyên này tương tự với Nghiệp Lực Duyên.

Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên, Duyên này tương tự với Nhân Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên, Duyên này tương tự với Cảnh Duyên.

Do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Duyên này tương tự với Bất Tương Ưng Duyên trong Tam Đề Thiện. Do bởi Hiện Hữu Duyên, Duyên này tương tự với Câu Sinh Duyên.

Do bởi Vô Hữu Duyên v.v. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[592]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

(Bậc hữu trí nên tính đếm những Câu này trong Phần Thuận Tùng Duyên).

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[593] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[594] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử.

**[595] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[596] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**[597] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**[598] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn...một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển...

**[599] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**[600] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

**[601]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ do bởi Phi Trưởng Duyên. Duyên này đã hoàn bị rồi, tương tự với Nhân Duyên.

**4.** Do bởi Phi Vô Gián Duyên.

**5.** Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên.

**6.** Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên.

**7.** Do bởi Phi Cận Y Duyên...

## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[602] 1.** v.v. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[603] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**[604] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[605] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên.

Duyên này tương tự với Phi Trưởng Duyên, Tái Sinh không có.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[606] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển..

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

**[607] 1**…nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…Một Sắc Đại Hiển..v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[608] 1**…nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức, hai Uẩn v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển…

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[609] 1**...nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên...nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ...Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, một Sắc Đại Hiển...Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển...

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

**[610] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên.

Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên (có năm thời kỳ).

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[611] 1**...nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v.

**2**...nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

**3**....Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới (ba Uẩn) nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ..Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NAVIGATAPACCAYA)

**[612] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[613]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.

Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Rỏ rồi, nên tính đếm.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[614]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Bậc hữu trí nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[615]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên

có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bậc hữu trí nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

## GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[616]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ câu sinh với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. câu sinh với hai Uẩn v.v. Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

**Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh**

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[617] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 3)

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6)

**[618] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển, các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[619] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**[620] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v...nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v.

**16.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[621] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[622] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

**[623] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[624] 6.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.

**[625] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[626]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên. Duyên này đã hoàn bị, Tái Sinh không có.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Duyên này tương tự với Cảnh Duyên.

## 5. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[627] 1.** v.v. Do bởi Câu Sinh Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. có ba thời kỳ.

**4.** v.v. nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...v.v. nương nhờ các Sắc Đại Hiển...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên. Duyên còn lại tương tự với Nhân Duyên (có 17 thời kỳ).

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v. 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[628]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên, Tái Sinh không có. Do bởi Trùng Dụng Duyên, Tái Sinh và Dị Thục Quả không có. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[629]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[630] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[631] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử.

**[632] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[633] 4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ.

**[634] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[635] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**[636] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**[637] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[638] 4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**[639] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.
## 7. PHI CẬN Y DUYÊN (NAUPANISSAYAPACCAYA)

**[640]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Duyên này tương tự với Câu Sinh Duyên. Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[641] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**[642] 3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

**4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tái

Sinh nương nhờ các Uẩn, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên v.v.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[643] 1.** v.v. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ.

**2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ.

**3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[644] 6.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ.

**7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[645]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Duyên này đã hoàn bị rồi, Tái Sinh không có.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Tương Ưng Duyên v.v.

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. Trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi

Tu Tập Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ.. Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

### 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
### 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[646]** Trong Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[647]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[648]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có sáu thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Nên đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

Giai Đoạn Y Chỉ nên thực hiện tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[649] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. hai Uẩn hỗn hòa với một Uẩn.

**[650] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

**[651] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

**[652] 4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên.

Mỗi Câu nên phân chia cho quảng nghĩa, mỗi Duyên có ba thời kỳ.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[653]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[654] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[655] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành trạo cử.

**[656] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.
### 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[657]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. ở phần Vô Nhân v.v.

Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[658]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[659]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ...Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[660]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

## GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA) PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

**[661]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ phối hợp với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[662] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[663] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[664] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[665] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[666] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là các Nhân Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[667] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là các Nhân Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[668] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là các Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và cá Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[669] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ; vì tư khảo tham ái ấy, tham ái Pháp Kiến Giải

Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tà kiến; vì tư khảo tà kiến ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo hoài nghi, hoài nghi thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên; vì tư khảo ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên.

**[670] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ đã đoạn tận, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ. Các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[671] 3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ; vì tư khảo tham ái ấy, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo trạo cử, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên; vì tư khảo ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên.

**[672] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ; vì tư khảo tham ái ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo trạo cử, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Vì tư khảo ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên.

**[673] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Tu Tập Đoạn Trừ đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tu Tập Đoạn Trừ. Các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với

Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[674] 6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thường tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy, thường tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả, đối với Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người kiến giải minh lượng Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc...Sắc Tâm Cơ, kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ.

Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[675] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Thiện Nghiệp Lực ấy; vì tư khảo Thiện Nghiệp Lực ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Người thường tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực ấy đã từng tích lũy trong thời gian trước. Người xuất khỏi Thiền Định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Thiền Định; vì tư khảo Thiền Định ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. Khi Thiền Định đã bị táng thất rồi ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên đối với người có sự tiêu táo bất an. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt Nhãn v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhĩ...Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc...Sắc Tâm Cơ...Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. thường khởi sinh lên.

**[676] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh

liệt về Thiện Nghiệp Lực ấy; vì tư khảo Thiện Nghiệp Lực ấy, tham ái thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ, về các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[677] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Người thực hiện tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[678] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[679] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[680] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[681] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[682] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

**[683] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

**[684] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại. Thực hiện Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại, thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[685] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định; tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi v.v...thực hiện Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm

khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Sắc Tâm Cơ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[686] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Thiện Nghiệp Lực ấy; vì thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Thực hiện Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. người thực hiện các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[687] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[688] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ...tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[689] 3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[690] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[691] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[692] 6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[693] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[694]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[695] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

**[696] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ...có ba thời kỳ.

**[697] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...

**[698] 8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

**[699] 9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Tu tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[700] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v.

**[701] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**[702] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[703] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ v.v.

**[704] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[705] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên, hai Uẩn v.v.

**[706] 11.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

**[707] 12.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp

Tu Tập Đoạn Trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên, hai Uẩn v.v.

**[708] 13.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[709] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y** v.v.

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)**, thâu đạo vật phẩm v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào sân hận... si mê... tà kiến... sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ rồi sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tham ái, sân hận, si mê, tà kiến, sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với tà kiến, đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[710] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y** v.v.

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào sân hận v.v. Sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Tham ái v.v. sân hận, si mê, tà kiến v.v. sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[711] 3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y** v.v.

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với ngã mạn, đối với sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[712] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Tu Tập Đoạn Trừ rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào sân hận...si mê...ngã mạn...sự dục vọng Pháp Tu Tập

Đoạn Trừ rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với tà kiến, đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái **(Chandarāga parabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm trân ái)** của mình làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[713] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Tín v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[714] 6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y** v.v.

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới, Văn, Thí, Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực…Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Tín, Giới, Văn, Thí, Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực…Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[715] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín v.v. chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín…Trú Xứ làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với tà kiến, đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[716] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín rồi phát khởi ngã mạn. Người cứ nương vào Giới v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực...Trú Xứ rồi phát khởi ngã mạn. Tín v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với ngã mạn, đối với sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[717] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ, Thiệt, Thân, Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Sắc Tâm Cơ v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[718] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên v.v. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo Sắc Tâm Cơ ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[719] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhĩ v.v. Thân, sắc v.v.

xúc…Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[720] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[721] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[722] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[723] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[724] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[725] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[726] 4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[727] 5.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[728] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[729] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[730] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Doạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[731] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[732] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[733] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[734] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đây là việc trình bày một cách giản lược, tức là Đoàn Thực. Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

...làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực và Sắc Mạng Quyền Lực v.v. có bảy thời kỳ.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

...làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên, làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên, làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[735] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Ngay cả Câu này cũng tương tự với Kiến Giải **(Dassanena)** tức là "Thất Lai Đạo" – **Sotāpatti Magga.**

**[736] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi

Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[737] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[738] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[739] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v.

**[740] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Tu Tập câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[741] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, hai Uẩn v.v.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6). Nên thực hiện tương tự với Kiến Giải **(Dassanena)** tức là "Thất Lai Đạo" – **Sotāpatti Magga.**

**[742] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Thân, Sắc v.v. Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh.

**[743] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt về Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[744] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhĩ v.v. về Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[745] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v.

**[746] 11.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và **(Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ câu sinh với nhau và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[747] 12.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v.

Nên thực hiện thành hai thời kỳ (thời kỳ thứ 12 - 13).

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[748]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[749]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có tám thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[750] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[751] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[752] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[753] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[754] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[755] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[756] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[757] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[758] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[759] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[760] 11.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ v.v. chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[761] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và **(Hậu Sinh** kết hợp với**) Quyền Lực.**

**[762] 13.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ v.v. chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[763] 14.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và **(Hậu Sinh** kết hợp với**) Quyền Lực.**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[764]** Trong Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[765]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy

thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[766]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có tám thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Thứ Tám**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, trong các lời nói có sự khởi điểm rằng **tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ thường khởi sinh lên (Dassanena pahātabbo rāgo uppajjati)** (điều 669) bậc tu học nên hiểu biết như thế này "Pháp khởi sinh lên đối với các Bậc hạ tầng Thánh Nhân thường không khởi sinh lên đối với các Bậc thượng tầng Thánh Nhân", tức là tham ái cần phải đoạn tận với Kiến Giải **(Dassanā)** (Bậc Thất Lai Đạo) thường khởi sinh đối với Phàm Phu, tham ái cần phải đoạn tận với Tu Tập **(Bhāvanā)** (ba Bậc thượng tầng Đạo) thường khởi sinh ngay cả đối với Bậc Thất Lai cũng được. Pháp cần phải đoạn tận với Kiến Giải thường không làm duyên đối với Pháp cần phải đoạn tận với Tu Tập, chỉ duy nhứt thể theo phương thức Duyên Hệ. Các lời nói còn lại trong quan niệm này, bậc tu học nên đi

theo Chánh Tạng **Pāḷi** rồi hiểu biết với mãnh lực của trạng thái đã đề cập trong Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Phát Thú**

----------00000----------

## 9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBAHETUKATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[767] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân **(Dassanena Pahātabbahetukā Dhammā)** [Pháp có tác nhân cần phải đoạn trừ với Thất Lai Đạo **(Sotāpattimagga)**] nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân **(Nevadassanena Nabhāvanāya Pahātabbahetuka Dhammā)** [Pháp có tác nhân không cần phải đoạn trừ với Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo] nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[768] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân **(Bhāvanā Pahātabbahetukā Dhammā)** [Pháp có tác nhân cần phải đoạn trừ với ba thượng tầng Đạo] nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

**5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân.

**6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

**[769] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[770] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê v.v.

**[771] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

**16.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là Sắc

Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và si mê.

**17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là ba Uẩn và sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[772] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi v.v. hai Uẩn và si mê nương nhờ hai Uẩn.

**[773] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có ba thời kỳ. Nên phân tích tương tự với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[774] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[775] 8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**[776] 9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[777] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

**[778] 11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh

Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[779] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Nhân Duyên (thời kỳ thứ 1 – 3).

**4**...nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Nhân Duyên (thời kỳ thứ 4 – 6). Trong Trưởng Duyên, si mê không có.

**[780] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. ba Sắc Đại Hiển nương nhờ Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[781] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển.

**[782] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Duyên này tương tự với Cảnh Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[783] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi v.v.

**[784] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên túc là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử.

**6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử v.v.

**[785] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ… Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên. Đây là việc trình bày một cách giản lược, nên thực hiện tương tự với Nhân Duyên (có 17 thời kỳ).

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v. 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[786]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na

Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[787]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[788] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[789] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử.

**[790] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[791] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[792] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân câu hành hoài nghi v.v.

**[793] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. một Sắc Đại Hiển. Đây là việc trình bày một cách giản lược. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[794] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê.

**[795] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và si mê.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[796]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự với Câu Sinh Duyên, có 17 thời kỳ).

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 7. PHI CẬN Y DUYÊN (NAUPANISSAYAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. (Mỗi Duyên có năm thời kỳ).

## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[797] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân...tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**4.** nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Duyên này tương tự với Kiến Giải (Bậc Thất Lai Đạo), có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6).

**[798] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử. Trong sát na Tái Sinh v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[799] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v.

**11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê.

**[800] 12.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. (Ngay cả những Duyên này nên thực hiện thành hai thời kỳ, kết hợp lại có 13 thời kỳ).

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[801] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[802] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[803] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[804] 6.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê.

**[805] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và si mê.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[806]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Tái Sinh không có.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[807]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ..v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ... Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển...

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức...v.v.
(Nên thực hiện các Sắc Đại Hiển).

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên.

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[808] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi v.v. hai Uẩn v.v.

**[809] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...Tu Tập (ba thượng tầng Đạo) v.v. có ba thời kỳ.

**[810] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập

Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[811] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. nương nhờ hai Uẩn.

**[812] 11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v. hai Uẩn v.v.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

...do bởi Phi Vô Hữu Duyên...do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[813]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[814]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[815]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[816] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan (thời kỳ thứ 1 – 3).

**4**....nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan (thời kỳ thứ 4 – 6).

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có một thời kỳ. Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[817] 8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[818] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạnn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm

Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v.

**[819] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (kết hợp lại có 17 thời kỳ).

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[820] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan (thời kỳ thứ 1 – 3).

**4.** Tu Tập v.v. có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[821] 8.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[822] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và si mê v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên

do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v.

**[823] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v. hai Uẩn v.v.

**16.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

**17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn và v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[824] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân .. có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[825] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn và v.v.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tác Nhân Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn và v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển.

**[826[ 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. có ba thời kỳ (Duyên này tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo) mới kết hợp lại thành 17 thời kỳ).

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên v.v.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[827] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân. Si mê câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh

Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. ba Uẩn và si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi v.v. hai Uẩn v.v.

**4.** nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân (Đây là việc trình bày một cách giản lược) có ba thời kỳ. [Duyên này tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo)].

**[828] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi. Các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Các Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành trạo cử. Các Uẩn câu hành trạo cử và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[829] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn

Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê. Si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn v.v. ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn và si mê nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ.

**[830] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.
## 18. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[831]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên...

## 19. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[832] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương

Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**[833] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, có ba thời kỳ. Duyên này tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo) (thời kỳ thứ 3 – 6).

**[834] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển v.v. nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các

Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành hoài nghi. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v. tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo).

**[835] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và si mê khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi, Sắc Tâm Cơ và si mê v.v. nương nhờ hai Uẩn và v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn và si mê khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ v.v. và nương nhờ hai Uẩn v.v. nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

**15.** v.v. nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ [tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo)].

## 20. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[836]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[837] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[838] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử.

**[839] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. nên thực hiện cho đầy đủ. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[840] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và Sắc Tâm Cơ.

**[841] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[842] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[843] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[844] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[845] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành Hoài Nghi và Si Mê.

**[846] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn câu hành Trạo Cử và Si Mê.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[847] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiế Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Duyên này tương tự với Câu Sinh Duyên (là có 17 thời kỳ).

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v. 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tương tự với Phần Đối Nghịch Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có 13 thời kỳ, không có khác biệt nhau.

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[848] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[849] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[850] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyê tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ si mê câu hành hoài nghi.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Tư Tâm Sơ tương ưng nương nhờ si mê câu hành trạo cử.

**[851] 6.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi

Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ. Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê.

**[852] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ. Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ các Uẩn câu hành trạo cử và si mê.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[853]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân nương nhờ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. (Nên thực hiện cho hoàn bị. Tái Sinh không có. Có 17 thời kỳ).

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v..v Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân v.v.

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)
## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

v.v. do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tương tự với Phi Bất Tương Ưng Duyên trong Phần Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Liên Quan, không có khác biệt nhau, có 11 thời kỳ.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPATIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[854]** Trong Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[855]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có

năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

### PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[856]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có năm thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có năm thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có năm thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh**

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[857] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn.

**[858] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn.

**[859] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn tương ưng hỗn hòa với si mê câu hành hoài nghi.

**5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn tương ưng hỗn hòa với si mê câu hành trạo cử.

**[860] 6.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn v.v.

**[861] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn câu hành trạo cử và Si mê v.v. hai Uẩn v.v.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[862] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi.

**3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê hỗn hòa với một Uẩn câu hành hoài nghi v.v. hai Uẩn v.v

**4.** v.v. hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ.

**[863] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn tương ưng hỗn hòa với si mê câu hành hoài nghi

**9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn tương ưng hỗn hòa với si mê câu hành trạo cử.

**[864] 10.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn và si mê.

**[865] 11.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn câu hành trạo cử và si mê v.v. hai Uẩn v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[866] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** v.v. hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có một thời kỳ.

**3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[867]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[868]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 11 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[869]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi.

**[870]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành trạo cử.

**[871]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân hỗn hòa với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

**[872]** v.v. hỗn hòa với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. Do bởi Phi Trưởng Duyên (tương tự với Câu Sinh Duyên)..

Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.

Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[873]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong

Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[874]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[875]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**

## GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[876] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên v.v.

**[877] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[878] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**4.** (Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân có ba thời kỳ, thời kỳ thứ 4 – 6).

**7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên v.v. có một thời kỳ.

**[879] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[880] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[881] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[882] 11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành trạo cử làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[883] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân; vì tư khảo tham ái

ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tà kiến; vì tư khảo tà kiến ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo hoài nghi, hoài nghi thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên.

**[884] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân đã đoạn tận v.v. phiền não đã ức chế v.v. phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước v.v. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân. Các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên.

**[885] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

**[886] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân; vì tư khảo tham ái ấy, tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo trạo cử, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên.

**[887] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân; vì tư khảo tham ái ấy, tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo trạo cử, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Vì tư khảo ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên.

**[888] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân đã đoạn tận v.v. phiền não đã ức chế...phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước...Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân. Các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên.

**[889] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

**[890] 8.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, các Uẩn câu hành trạo cử và si mê thường khởi sinh lên.

**[891] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí v.v. nên cho quảng nghĩa tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ.

v.v. làm duyên đối với Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên.

**[892] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí v.v. (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ).

**[893] 11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí v.v. (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ).

**[894] 12.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Nhãn, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên. Vì tư khảo Nhĩ...Sắc Tâm Cơ v.v. vì tư khảo các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

**[895] 13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. vì tư khảo các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, các Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê thường khởi sinh lên.

**[896] 14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê, các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên.

**[897] 15.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê, các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và si mê thường khởi sinh lên.

**[898] 16.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

**[899] 17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành trạo cử và si mê, các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên.

**[900] 18.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành trạo cử và si mê, các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên.

**[901] 19.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành trạo cử và si mê, các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và si mê thường khởi sinh lên.

**[902] 20.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành trạo cử và si mê, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

**[903] 21.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư khảo các Uẩn câu hành trạo cử và si mê, các Uẩn câu hành trạo cử và si mê thường khởi sinh lên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[904]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Trưởng Duyên (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ, có 10 thời kỳ).

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[905] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[906] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[907] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[908] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh trước trước làm duyên đối vối các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[909] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[910] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[911] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[912] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[913] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[914] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[915] 11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là si mê câu hành trạo cử sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[916] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài hghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[917] 13.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[918] 14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[919] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vô Gián Duyên, có ba thời kỳ [có nội dung tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo)].

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v. 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[920] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự Vô Gián Duyên).

Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (v.v. tương tự với Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (v.v. tương tự Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (v.v. tương tự với Giai Đoạn Y Chỉ trong Giai Đoạn Duyên Sinh, Hiệp Lực không có khác biệt nhau).

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[921] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào sân hận…si mê…tà kiến…sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tham ái, sân hận, si mê, tà kiến, sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với tham ái…đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[922] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào sân hận…si mê…tà kiến…sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Tham ái…sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[923] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái, sân hận, si mê, tà kiến…sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[924] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn...sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với ngã mạn, đối với sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[925] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tham ái...sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với tham ái, đối với sân hận, đối với si mê, đối với tà kiến, đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái **(Chandarāga parabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm trân ái)** của mình làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[926] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào sân hận, si mê, ngã mạn, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân rồi xả thí v.v. thực hiện việc Nhập Thiền Định. Tham ái, sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[927] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái...sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[928] 8.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái...sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[929] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín rồi v.v. Người cứ nương vào Giới v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ v.v. si mê rồi xả thí v.v. Tín v.v. si mê làm duyên đối với Tín v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[930] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín v.v. chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ v.v. si mê rồi sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín v.v. Trú Xứ v.v. và si mê làm duyên đối với tham ái...đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[931] 11.** Pháp Phi Kiến Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín v.v. phát khởi ngã mạn. v.v. Người cứ nương vào si mê v.v. phát khởi ngã mạn. Tín v.v. Trú Xứ...và si mê làm duyên đối với tham ái...đối với sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[932] 12.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ v.v. và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[933] 13.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Tín v.v. Trú Xứ v.v. và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[934] 14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê làm duyên đối với tham ái...đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[935] 15.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[936] 16.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[937] 17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê làm duyên đối với tham ái...đối với sự dục vọng Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[938] 18.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê làm duyên đối với tham ái...đối với sự dục vọng Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[939] 19.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê làm duyên đối với Tín v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[940] 20.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là

**Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

**[941] 21.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[942] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với si mê theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[943] 2.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái, tà kiến, hoài nghi Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[944] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, trạo cử thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[945] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là vì tư khảo về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[946] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là vì tư khảo về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ, các Uẩn câu hành trạo cử và si mê thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Cận Y Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[947] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[948] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[949] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[950] 4.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[951] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn câu hành trạo cử và si mê sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[952] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[953] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. tức là các Uẩn câu hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[954] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn câu hành hoài nghi sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi sinh sau sau và đối với si mê theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[955] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân (giản lược) có ba thời kỳ. Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. (Trong Trùng Dụng Căn Nguyên, Sinh Xuất hoặc là Khai Môn nên loại bỏ. Có 17 thời kỳ nên bổ túc cho hoàn bị tương tự với Vô Gián Duyên).

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[956] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[957] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[958] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[959] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[960] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[961] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng, đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[962] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[963] 1.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[964] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[965] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân tức là các Vật Thực Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[966] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các

Uẩn tương ưng, đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ [tương tự với Kiến Giải (Thất Lai Đạo)].

**[967] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[968]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên, có ba thời kỳ (Duyên này tương tự với Vật Thực Duyên, si mê cần phải tính đếm vào).

Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ.

**[969]** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)
## 18. ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Các thể loại Duyên này nên thực hiện cho thành Pháp Hữu Nhân. (Có bảy thời kỳ).

## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên (tương tự Giai Đoạn Tương Ưng (*) trong Giai Đoạn Liên Quan) (có 11 thời kỳ).

**[(*):** Có lẽ là Tương Ưng Duyên**].**

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[970] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh** (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ).

**[971] 2.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh** (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ).

**[972] 3.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh** (tương tự với Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ).

v.v. Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân sinh phía sau và si mê làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước.

**[973] 4.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[974] 5.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân.

**[975] 6.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[976] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[977] 8.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi (câu sinh với nhau) và si mê làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi (câu sinh với nhau) và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[978] 9.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử (câu sinh với nhau) và si mê làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn câu hành trạo cử (sinh phía sau) và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[979] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**[980] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi (câu sinh với nhau) làm duyên đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[981] 3.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. một Uẩn câu hành hoài nghi làm duyên đối với ba Uẩn, đối với si mê và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân v.v. có ba thời kỳ.

**[982] 7.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân (sinh phía sau) và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh.

**[983] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là si mê câu hành hoài nghi làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn v.v. về Sắc Tâm Cơ; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi thường khởi sinh lên, ưu thọ Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[984] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là si mê câu hành trạo cử câu sinh với nhau làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[985] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là si mê câu hành hoài nghi câu sinh với nhau làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là vì tư khảo Nhãn, các Uẩn câu hành hoài nghi và si mê thường khởi sinh lên v.v. vì tư khảo Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành hoài nghi và đối với si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[986] 11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là si mê câu hành trạo cử làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là vì tư khảo về Nhãn, các Uẩn câu hành trạo cử và si mê thường khởi sinh lên v.v. vì tư khảo Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn câu hành trạo cử và đối với si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[987] 12.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **(Câu Sinh** kết hợp với) **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh** (kết hợp với **Tiền Sinh**) tức là một Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. một Uẩn câu hành hoài nghi và si mê làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[988] 13.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh, Hậu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân câu sinh với nhau và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi câu sinh với nhau và si mê làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi (câu sinh với nhau) và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn câu hành hoài nghi (sinh phía sau) và si mê làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác

Nhân (sinh phía sau) và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[989] 14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn câu hành hoài nghi câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

(Về phần **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh**) tức là một Uẩn câu hành hoài nghi câu sinh với nhau và si mê làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và si mê v.v.

**[990] 15.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân (giản lược) nên chia thành ba thời kỳ theo Phần của Kiến Giải (Thất Lai Đạo) nên quyết định lấy trạo cử.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Theo phương thức Ly Khứ Duyên. Theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[991]** Trong Nhân Duyên có 11 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[992]** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[993] 1.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên với mãnh lực Cận Y Duyên. Làm duyên theo Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[994] 2.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[995] 3.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[996] 4.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[997] 5.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[998] 6.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[999] 7.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1000] 8.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1001] 9.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức

Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1002] 10.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo Tiền Sinh Duyên.

**[1003] 11.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1004] 12.** Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1005] 13.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Trong điều này, Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên hiện hữu xen lẫn nhau, nên thực hiện theo trong Chánh Tạng **Pāḷi** trong việc tính đếm và nên thâm tư nhiệt lự rồi mới tính đếm.

**[1006] 14.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, có năm thể loại đó là Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực. Ngay cả trong điều này, vì Cảnh Duyên, vì Cận Y Duyên dù cũng hiện hữu, thế nhưng trong Chánh Tạng **Pāḷi** lại bất hiện hữu trong việc tính đếm, cho nên thâm tư nhiệt lự rồi mới tính đếm.

**[1007] 15.** Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Trong điều này, Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên có chủ đề Duyên xen lẫn nhau với bất luận Duyên nào hiện hữu, Duyên ấy cũng không nên thực hiện theo trong Chánh Tạng **Pāḷi.**

**[1008] 16.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1009] 17.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận

Y Duyên. Ngay cả trong điều này, Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên cũng có thời kỳ xen lẫn nhau hiện hữu.

**[1010] 18.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.** Ngay trong điều này, Cảnh Duyên, Cận Y Duyên cũng có.

**[1011] 19.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1012] 20.** Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân và đối với Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

Ngay cả trong điều này cũng có Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, bất luận thời kỳ nào mà không được viết ra, những loại thời kỳ ấy khi tính đếm trong Chánh Tạng **Pāḷi** thường không ứng hợp với hình thái **(Byañjana),** những loại thời kỳ ấy không được viết ra trong Chánh Tạng **Pāḷi** đã có số lượng hiện bày rồi, nếu như phát sinh sự nghi ngờ nên thâm tư nhiệt lự ở Hiện Hữu Duyên trong Phần Thuận Tùng Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1013]** Trong Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1014]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 11 thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1015]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có 21 thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân Thứ Chín

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG
## TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, bậc học giả nên hiểu biết việc phân chia Pháp có Tác Nhân cần phải đoạn trừ với Kiến Giải theo Phần mà Ngài đã đề cập trong Bộ Chú Giải (trong Tạng **Pāḷi** Pháp Tụ - **Dhammasaṅgaṇī**). Si mê câu hành hoài nghi và trạo cử được liệt kê vào trong nhóm thứ ba vì không có Tác Nhân. Trong quan niệm này, những loại Pháp nào có Tác Nhân cần đoạn trừ với Kiến Giải và Tu Tập, như đã đề cập, những loại Pháp ấy gọi là "có Tác Nhân cần đoạn trừ". Những loại Pháp nào không có Tác Nhân, những loại Pháp ấy gọi là "không có Tác Nhân cần phải đoạn trừ với Kiến Giải và Tu Tập". Bậc tu học nên hiểu biết Phân Loại **(Vibhāga)** của Pháp Đoạn Trừ Tác Nhân và Pháp Phi Đoạn Trừ Tác Nhân như thế này rồi nên hiểu biết lời nói còn lại theo đường lối đặc tính đã trình bày trong Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ và Tam Đề Thiện.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân Phát Thú**

----------00000----------

## 10. TAM ĐỀ TẠO THÀNH TÍCH LŨY (ĀCAYAGĀMITIKA)
## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1016] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy **(Ācayagāmino Dhammā)** (Pháp dẫn đến sự tích lũy phiền não) nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu **(Nevācayagāmi nāpacayagāmino Dhammā)** (Pháp cũng chẳng phải dẫn đến sự tích lũy phiền não cũng chẳng phải không dẫn đến sự tích lũy phiền não) nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn.

**[1017] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu **(Apacayagāmino Dhammā)** (Pháp không dẫn đến sự tích lũy phiền não) nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Giảm Thiểu.

**6.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ.

**[1018] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1019] 8.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1020] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn v.v.

**[1021] 2.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v.

**[1022] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1023] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ 1 - 3).

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ 4 – 6).

**7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có một thời kỳ (Tái Sinh không có) tức là ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**8.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

**9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1024]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển. Do bởi Hỗ Tương Duyên, không có Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ hoặc là Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh.

Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1025]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong

Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1026] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1027] 2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1028] 1.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**[1029] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ... Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[1030] 4.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**[1031] 5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi

sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1032] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1033] 4.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1034]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ tương tự với Tam Đề Thiện. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (có chín thời kỳ).

## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1035] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 3)

**4.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (có một thời kỳ nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển).

**[1036] 6.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1037] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thánh Tích Lũy nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**2.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. một Sắc Đại Hiển v.v.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[1038] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị. Tái Sinh không có).

Do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Từng mỗi Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1039]** Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.

Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1040]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1041]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ.

Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1042] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu có ba thời kỳ

**[1043] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**9.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**10.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên

do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1044] 12.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**15.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. có ba thời kỳ (kết hợp thành 17 thời kỳ).

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1045] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**2.** v.v. nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu có một thời kỳ.

**[1046] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1047] 6.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1048] 7.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1049] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ v.v. nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. tức là một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên.

Ngay cả trong điều này, Hiệp Lực cũng tương tự với Nhân Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1050] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu có ba thời kỳ.

**7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ v.v. nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên v.v. Nên bổ túc tất cả Hiệp Lực.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1051]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1052]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên (từng mỗi Duyên) có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1053] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1054] 4.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1055] 1.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên (giản lược) tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1056] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ v.v. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**6.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**7.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1057] 9.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên

tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**10.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. Hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**[1058] 12.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Sắc Tâm Cơ.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tương tự với Giai Đoạn Liên Quan, có bảy thời kỳ. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (Nên bổ túc cho hoàn bị, có bảy thời kỳ tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1059] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có ba thời kỳ.

**4.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ Nhãn Xứ v.v. nương nhờ Thân Xứ v.v. các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**6.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**7.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1060] 8.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**10.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và các Sắc Đại Hiển.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1061] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**2.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu.

**3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Tư Tâm Sở Pháp Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1062] 6.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ.

**[1063] 7.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Sắc Tâm Cơ.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1064] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy nương nhờ Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Nên thực hiện cho hoàn bị (17 thời kỳ). Sát na Tái Sinh không có.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v. 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1065] 1.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu nương nhờ Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[1066]**…Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1067]**…Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ v.v.

**[1068]**…Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu ở phần Vô Nhân v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. nương nhờ Thân Xứ. Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu ở phần Vô Nhân nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v.

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

...Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1069]** Trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

**[1070]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1071]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bốn thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Hoàn Mãn Giai Đoạn Duyên Sinh

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1072]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy hỗn hòa với Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn.

**[1073]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu hỗn hòa với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa một Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn hỗn hòa với hai Uẩn.

**[1074]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu hỗn hòa với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1075]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy hỗn hòa với Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô

Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1076]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1077]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy hỗn hòa với Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1078]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu hỗn hòa với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.
### 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1079] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy hỗn hòa với Pháp Tạo Thành Tích Lũy khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên.

Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. hai Uẩn v.v.

**[1080] 2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu hỗn hòa với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1081]** Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1082]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1083]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên. Trong Đẳng Vô Gián Duyên. Trong Câu Sinh Duyên. Trong Hỗ Tương Duyên. Trong Y Chỉ Duyên. Trong Cận Y Duyên. Trong Tiền Sinh Duyên. Trong Trùng Dụng Duyên. Trong Nghiệp Lực Duyên, trong mỗi Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có hai thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên. Trong Hiện Hữu Duyên. Trong Vô Hữu Duyên. Trong Ly Khứ Duyên. Trong Bất Ly Duyên, từng mỗi Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1084] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1085] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1086] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1087] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6).

**[1088] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1089] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Người tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định.

Các Bậc Hữu Học tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tạo Thành Tích Lũy. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1090] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước.

Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tạo Thành Tích Lũy. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khi Tâm Thiện đã diệt mất rồi Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên. Người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt về các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên. Khi Tâm Bất Thiện đã diệt mất rồi Tâm Na Cảnh Dị Thục Quả thường khởi sinh lên.

Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1091] 3.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo rồi thường tư khảo lại Đạo. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tạo Thành

Giảm Thiểu. Các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1092] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu. Các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí và đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1093] 5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn; Níp Bàn làm duyên đối với Quả, đối với Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Thường khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu. Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1094] 6.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Hữu Học tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn.

Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên.

Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi v.v. trạo hối **(Uddhaccakukkucca)** v.v. ưu thọ v.v. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu. Các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với

Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1095] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1096] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người xuất khỏi Thiền Định rồi thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy cho thành Cảnh một cách kiên định, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1097] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1098] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1099] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** đó là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1100] 5.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1101] 6.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1102] 7.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1103] 8.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1104] 9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Hữu Học thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên. Người thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt v.v. Người thực hiện Sắc Tâm Cơ v.v. thực hiện các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1105] 10.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên v.v. làm duyên v.v.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1106] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1107] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1108] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Bậc Hữu Học làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1109] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1110] 5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau. Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Tâm Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna),** Thuận Tùng Bậc Vô Sinh làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả, Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1111] 6.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1112] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự với Vô Gián Duyên tức là sáu thời kỳ).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ tương tự với Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ tương tự với Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

Trong Y Chỉ Duyên tương tự với Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Duyên Sinh. Ngay cả bốn Duyên không có Hiệp Lực khác biệt nhau, có 13 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1113] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Tạo Thành Tích Lũy rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. cho việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. Văn, Thí, Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến v.v. sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Minh Sát Tuệ, Thắng Trí, cho việc Nhập Thiền Định v.v. sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín, Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Tín, đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cận Y Duyên.

Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1114] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo v.v. theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1115] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Tạo Thành Tích Lũy rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân. Người cứ nương vào Giới v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng

Pháp Tạo Thành Tích Lũy rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân. Tín v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực và Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1116] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1117] 5.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Bậc Hữu Học cứ nương vào Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định Thiện chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** đối với Pháp Vô Ngại Giải **(Dhamma paṭisambhidā),** đối với Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** đối với Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1118] 6.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Bậc Vô Sinh cứ nương Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định v.v. làm duyên đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1119] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Thân Thọ Lạc rồi rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ đau có sự tầm cầu làm khởi nhân. Người cứ nương vào Thân Thọ Khổ…Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ rồi tự làm cho bản thân khốn khổ, cho tiêu táo bất an. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ.. Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Vô Sinh cứ nương vào Thân Thọ Lạc rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên v.v. thường kiến giải minh lượng v.v. cứ nương vào Thân Thọ Khổ…Quý Tiết.. Ẩm Thực…Trú Xứ…thường kiến giải minh lượng v.v.

**[1120] 8.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Tạo Thành Tích Lũy, đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1121] 9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Thân Thọ Lạc rồi thực hiện cho khởi sinh Đạo. Cứ nương vào Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi thực hiện cho khởi sinh Đạo. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1122] 1.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1123] 2.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1124] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Chủ Yếu Giảm Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1125] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1126] 2.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1127] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1128] 1.** Pháp tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1129] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1130] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1131] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1132] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1133] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1134] 4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1135] 5.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1136] 6.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1137] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1138] 1.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1139]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1140] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy câu sinh với nhau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1141] 2.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1142] 3.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ sinh trước làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ sinh trước làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước.

**[1143] 4.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1144] 5.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1145] 1.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**[1146] 2.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1147] 3.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu u theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**4.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu…có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 5 – 6) nên thực hiện theo Phần của Pháp Tạo Thành Tích Lũy.

**[1148] 7.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyê v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ…Còn các Phạm Thiên Xuất Sinh Xứ v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí…thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh.

**[1149] 8.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1150] 9.** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1151] 10.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[1152] 11.** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1153] 12.** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nên thực hiện thành hai thời kỳ theo Phần đã được trình bày rồi.

Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1154]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1155]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1156]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1157]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1158]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1159]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1160]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1161]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1162]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1163]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1164]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1165]** Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1166]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Tích Lũy v.v. chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[1167]** Pháp Tạo Thành Tích Lũy và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

**[1168]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

**[1169]** Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu và Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu làm duyên đối với Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu v.v. có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1170]** Trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên, trong Phi Trưởng Duyên, trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, từng mỗi Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên, trong Phi Nghiệp Lực Duyên, trong Phi Dị Thục Quả Duyên, trong Phi Vật Thực Duyên, trong Phi Quyền Lực Duyên, trong Phi Thiền Na Duyên, trong Phi Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
## (HETUDUKANAYA)

**[1171]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên, trong Phi Hậu Sinh Duyên, trong Phi Trùng

Dụng Duyên, trong Phi Nghiệp Lực Duyên, trong Phi Dị Thục Quả Duyên, trong Phi Vật Thực Duyên, trong Phi Quyền Lực Duyên, trong Phi Thiền Na Duyên, trong Phi Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

### PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

**[1172]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Tạo Thành Tích Lũy Thứ Mười**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ TẠO THÀNH TÍCH LŨY PHÁT THÚ

Phần Thuận Tùng Phát Thú trong Giai Đoạn Liên Quan và Giai Đoạn Hỗn Hòa trong Tam Đề Tạo Thành Tích Lũy tương tự với Tam Đề Thiện. Từ ngữ còn lại Ngài đã giải thích theo Chánh Tạng **Pāḷi** cả về Phần Đáp Vấn **(Visajjanā)** và việc tính đếm.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Tạo Thành Tích Lũy Phát Thú**

**----------00000----------**

## 11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA)
## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1173] 1.** Pháp Bậc Hữu Học **(Sekkhā Dhammā)** (Pháp Bậc Thánh Nhân còn tu học) nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học **(Nevasekkhānāsekkhā Dhammā)** (Pháp cũng chẳng phải Bậc Thánh Nhân còn tu học cũng chẳng phải Bậc Thánh Nhân không cần phải tu học) nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**3.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1174] 4.** Pháp Bậc Vô Học **(Asekkhā Dhammā)** (Pháp Bậc Thánh Nhân không cần phải tu học) nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Vô Học v.v.

**5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Vô Học.

**6.** Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Vô Học v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1175] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Vô Học, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1176] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

**[1177] 9.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Vô Học và các Sắc Đại Hiển.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

## 11. VẬT THỰC DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1178] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (Tái Sinh không có). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển.

Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1179] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)
## 13. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học v.v. hai Uẩn v.v. (có ba thời kỳ, nên bổ túc cho hoàn bị). (ba thời kỳ tương tự điều 1173).

**[1180] 4.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Vô Học...có ba thời kỳ (tương tự điều 1174).

**[1181] 5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1182] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

**[1183] 9.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Vô Học và các Sắc Đại Hiển.

## 14. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1184]** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên.

Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1185]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1186] 1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v.

Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nương nhờ một Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1187] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**[1188] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Vô Học.

**[1189] 3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[1190] 4.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

**[1191] 5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Vô Học và các Sắc Đại Hiển.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1192] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Vô Học.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (Nên bổ túc cho hoàn bị. Tái Sinh hoặc là các Sắc Đại Hiển, nên thực hiện tất cả).

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên (cả bốn Duyên có năm thời kỳ).

Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ tương tự với Tam Đề Thiện.

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên v.v. (có chín thời kỳ).

## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1193] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**3.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bất Hữu Học Phi Bất Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học v.v. hai Uẩn v.v.

**4.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 5 – 6).

**7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. nên bổ túc cho hoàn bị.

**8**....nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên (Hiệp Lực nên bổ túc cho hoàn bị cả hai thời kỳ, hợp lại thành chín thời kỳ).

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1194] 1**...Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ các Uẩn Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ. Một Sắc Đại Hiển v.v.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1195] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**3.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**[1196] 4.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị, Tái Sinh không có).

**[1197] 5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1198]** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. (Mỗi Duyên có một thời kỳ).

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

**1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên v.v. (Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên, có năm thời kỳ).

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1199] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v.

**2.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, một Uẩn Pháp Bậc Vô Học v.v.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học. Sắc ngoại bộ ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên (có năm thời kỳ).

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1200]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên, từng mỗi Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.

Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1201]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên (từng mỗi Duyên có năm thời kỳ). Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1202]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Câu Sinh Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, trong Y Chỉ Duyên, trong Cận Y Duyên, trong Tiền Sinh Duyên, trong Trùng Dụng Duyên, trong Nghiệp Lực Duyên, trong Dị Thục Quả Duyên, trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, trong Tương Ưng Duyên, trong Bất Tương Ưng Duyên, trong Hiện Hữu Duyên, trong Vô Hữu Duyên, trong Ly Khứ Duyên, trong Bất Ly Duyên (từng mỗi Duyên có một thời kỳ).

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1203] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

**4.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

**[1204] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị). Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển, các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**9.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**10.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Hữu Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1205] 12.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và (nương nhờ) Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hữu Học và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển.

**15.** v.v. nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học, có ba thời kỳ (tương tự với Pháp Bậc Hữu Học) (thời kỳ thứ 15 – 16 – 17).

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1206] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có một thời kỳ.

**2.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có một thời kỳ.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có một thời kỳ tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1207] 6.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**[1208] 7.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Vô Học và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.
## 11. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1209] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v.

**[1210] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v.

**[1211] 4.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học cà Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

## 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1212] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học v.v. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1213]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1214] 1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v.

Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên v.v.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1215] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Vô Học.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị). Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.Nhãn Xứ v.v. Pháp Trưởng Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên.

**5.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1216] 6.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và Sắc Tâm Cơ.

**7.** Pháp Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Vô Học và Sắc Tâm Cơ.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v. 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1217]** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, có bảy thời kỳ. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên …

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1218] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Tư Tâm Sở Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và Sắc Tâm Cơ.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1219] 1.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên trong Căn Nguyên Bậc Hữu Học **(Sekkhamūlaka)** có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 3).

**4.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (trong Căn Nguyên Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học có ba thời kỳ) (thời kỳ thứ 4 – 6).

**7.** Pháp Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (trong Hiệp Lực Bậc Hữu Học - **Sekkhaghaṭanā)** có ba thời kỳ (kết hợp Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ).

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[1220]** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1221]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.

Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1222]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên, từng mỗi Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1223]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Câu Sinh Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, từng mỗi Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh**

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1224] 1.** Pháp Bậc Hữu Học hỗn hòa với Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học v.v. hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Bậc Vô Học hỗn hòa với Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học hỗn hòa với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
### 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1225]** Pháp Bậc Hữu Học hỗn hòa với Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên v.v. khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên (mỗi Duyên có ba thời kỳ). Do bởi Trùng Dụng Duyên (nên thực hiện thành hai thời kỳ) v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1226]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, trong Y Chỉ Duyên, trong Cận Y Duyên, trong Tiền Sinh Duyên, từng mỗi Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1227]** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học hỗn hòa với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1228] 1.** Pháp Bậc Hữu Học hỗn hòa với Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học hỗn hòa với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học.

**2.** Pháp Bậc Vô Học hỗn hòa với Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học hỗn hòa với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học.

**3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học hỗn hòa với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị một thời kỳ).

## 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1229]** Pháp Bậc Hữu Học hỗn hòa với Pháp Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên, nên thực hiện hai thời kỳ.

Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên nên thực hiện hai thời kỳ.

Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (hai Duyên này có một thời kỳ). Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (có ba thời kỳ).

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1230]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1231]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1232]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Câu Sinh Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, trong Y Chỉ Duyên, trong Cận Y Duyên, trong Tiền Sinh Duyên, trong Trùng Dụng Duyên, trong Nghiệp Lực Duyên, trong Dị Thục Quả Duyên, trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, trong Tương Ưng Duyên, trong Bất Tương Ưng Duyên, trong Hiện Hữu Duyên, trong Vô Hữu Duyên, trong Ly Khứ Duyên, trong Bất Ly Duyên, từng mỗi Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1233] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1234] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1235] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1236] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học khởi sinh lên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 5 – 6).

**7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi

Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1237] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả Pháp Bậc Hữu Học. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Bậc Hữu Học. Các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1238] 2.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả Pháp Bậc Vô Học. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Bậc Vô Học. Các Uẩn Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1239] 3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực ấy đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v.

Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học.

Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Thân Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1241] 5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyê đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1242] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1243] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Quả Pháp Bậc Hữu Học cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1244] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1245] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1246] 5.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Vô Sinh thực hiện Quả Pháp Bậc Vô Học cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1247] 6.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1248] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Các Bậc Thánh Nhân thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Người thực hiện Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên. Người thực hiện Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ...các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1249] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1250] 9.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1251] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên, Đạo làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Hữu Học. Quả Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1252] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1253] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1254] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1255] 5.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1256] 6.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh sau sau. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1257] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Hữu Học.

Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1258] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1259]** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. (tương tự với Vô Gián Duyên, có tám thời kỳ).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)
## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1260]** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (tương tự với Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có chín thời kỳ). Trong Hỗ Tương Duyên tương tự với Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

Trong Y Chỉ Duyên tương tự với Y Chỉ Duyên trong Tam Đề Thiện có 13 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1261] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1262] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1263] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân cứ nương vào Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường...Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisam bhidā),** đối với Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** đối với Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** đối với Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhi dā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1264] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vô Gián Cận Y Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học sinh sau sau v.v. Quả Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1265] 5.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1266] 6.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực

**(Uposathakamma)** v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định, Minh Sát Tuệ, Thắng Trí (cứ nương vào) cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. Tuệ, tham ái, si mê, Thân Thọ Lạc, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1267] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1268] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết, Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1269] 1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1270] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1271] 3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1272] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1273] 2.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Bậc Vô Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1274] 3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1275] 1.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1276] 2.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1277] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1278] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1279] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1280] 4.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1281] 5.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1282] 6.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1283] 7.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1284] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1285] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (trong Căn Nguyên Bậc Hữu Học **(Sekkhamūlaka)** có ba thời kỳ).

**[1286] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (trong Căn Nguyên Bậc Vô Học **(Asekkhamūlaka)** có ba thời kỳ).

**[1287] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1288]** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1289] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1290] 2.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh** (tương tự với Pháp Bậc Hữu Học).

**[1291] 3.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo

phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1292] 4.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1293] 5.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1294] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**[1295] 2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên

**[1296] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[1297] 4.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thời kỳ (tương tự với Pháp Bậc Hữu Học).

**[1298] 7.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1299] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1300] 9.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1301] 10.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Bậc Hữu Học câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[1302] 11.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Bậc Hữu Học và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Bậc Hữu Học sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1303] 12.** Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (nên thực hiện hai thời kỳ tương tự với Pháp Bậc Hữu Học) (là tương tự điều 1301 – 1302 mới kết hợp thành 13 thời kỳ).

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1304]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có tám thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có tám thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA) TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1305] 1.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**2.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1306] 3.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1307] 4.** Pháp Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1308] 5.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1309] 6.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1310] 7.** Pháp Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1311] 8.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1312] 9.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1313] 10.** Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1314] 11.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học..chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[1315] 12.** Pháp Bậc Hữu Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học…có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

**[1316] 13.** Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học…chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[1317] 14.** Pháp Bậc Vô Học và Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Phi Bậc Hữu Học Phi Bậc Vô Học…có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1318]** Trong Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Cận Y

Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1319]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1320]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có tám thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có tám thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có tám thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có

hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Bậc Hữu Học Thứ Mười Một**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Bậc Hữu Học, Pháp Bậc Vô Học thường không làm duyên đối với Pháp Bậc Hữu Học theo bất luận phương thức Duyên nào, chỉ có Pháp Bậc Hữu Học thuộc Vô Gián Cận Y Duyên và Thường Cận Y Duyên làm duyên đối với Pháp Bậc Vô Học. Lời nói còn lại trong quan niệm này, được giải thích theo Chánh Tạng **Pāḷi.**

Trong Tam Đề Hy Thiểu **(Parittatika)** cũng tương tự.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Bậc Hữu Học Phát Thú**

----------00000----------

## 12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1321] 1.** Pháp Hy Thiểu **(Parittā Dhammā)** nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**2.** Pháp Đáo Đại **(Mahaggatā Dhammā)** nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1322] 4.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**6.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v.

**[1323] 7.** Pháp Vô Lượng **(Appamāṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn v.v.

**8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**9.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn v.v.

**[1324] 10.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1325] 11.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**12.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1326] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1327] 3.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1328] 4.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn v.v.

**[1329] 5.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1330] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu. v.v. hai Uẩn v.v. ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1331] 2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**4.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v.

**[1332] 5.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn v.v.

**6.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**7.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn v.v.

**[1333] 8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1334] 9.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1335]** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên (nên thực hiện ngay đến tất cả Sắc Đại Hiển).

### 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.
### 11. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (nên thực hiện ba thời kỳ). Do bởi Trùng Dụng Duyên (nên thực hiện ba thời kỳ).

### 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.
### 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên nên thực hiện 13 thời kỳ. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1336]** Trong Nhân Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1337] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ, nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ.. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1338] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Hy Thiểu. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Hy Thiểu, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1339] 2.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**[1340] 3.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**[1341] 4.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1342] 5.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1343] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1344] 4.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**6.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1345] 7.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**[1346] 8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

**9.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**10.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 7. PHI CẬN Y DUYÊN (NAUPANISSAYAPACCAYA)

**[1347] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1348] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Hy Thiểu. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. (Nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển cho quảng nghĩa. Trong Căn Nguyên Hy Thiểu **(Parittamūlaka)** có ba thời kỳ).

**[1349] 4.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**5.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**6.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v.

**[1350] 7.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v.

**8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**[1351] 9.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1352] 10.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**11.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v.

**12.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1353] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1354] 2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1355] 4.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**5.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**6.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**[1356] 7.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Lượng v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng.

**9.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Lượng v.v.

**[1357] 10.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1358] 11.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

**12.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1359] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hy Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Hy Thiểu. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1360] 2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**[1361] 3.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Lượng.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1362] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ... Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. một Sắc Đại Hiển v.v.

**[1363] 2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**4.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1364] 5.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng.

**6.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**7.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1365] 8.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1366] 9.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[1367] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (nên cho quảng nghĩa).

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

**1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**1.** v.v. Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ...v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. (nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển).

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**1.** v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. (nên thực hiện tất cả Sắc Đại Hiển).

## 17. PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

**1.** v.v. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên v.v. (có năm thời kỳ).

## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1368] 1.** v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**[1369] 3.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1370]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên, trong Phi Thiền Na Duyên, từng mỗi Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1371]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên, từng mỗi Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1372]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1373] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Các Uẩn Pháp Hy Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**5.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ Sắc Tâm Cơ

**[1374] 6.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**7.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**8.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**[1375] 9.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. Trong Pháp Vô Lượng có ba thời kỳ.

**[1376] 12.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**13.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ v.v.

**14.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ v.v. Hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển.

**[1377] 15.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ. Trong sát na Tái Sinh v.v. Nên thực hiện đến cả ba thời kỳ.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1378] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Hy Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ. (Sáu thời kỳ tương tự với Nhân Duyên, nên thực hiện thành bảy thời kỳ). Do bởi Trưởng Duyên, Tái Sinh không có, 17 thời kỳ nên bổ túc cho hoàn bị. Do bởi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1379]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1380] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Hy Thiểu v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Hy Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1381]** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên. Tương tự với Giai Đoạn Liên Quan, có năm thời kỳ.

### 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1382] 1.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Các Uẩn Pháp Hy Thiểu nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**2.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**3.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1383] 5.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**6.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**7.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1384] 8.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng.

**[1385] 9.** Pháp Vô Lượng nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ.

**[1386] 10.** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**11.** Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại nương nhờ các Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ. Ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**12.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại nương nhờ Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và Sắc Đại Hiển.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.
## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1387]** Pháp Hy Thiểu nương nhờ Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tương tự với Giai Đoạn Liên Quan, có 12 thời kỳ.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên nên bổ túc cho đầy đủ, nên trình bày rằng là Dị Thục Quả. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không cần phải trình bày là Dị Thục Quả.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)
## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên ngay đến Tái Sinh và Dị Thục Quả cũng không có.

## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1388]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1389]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1390]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh**

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1391] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1392] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1393] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)
### 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1394] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên, Tái Sinh không có.

### 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
### 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên, Tái Sinh không có.

### 11. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Trùng Dụng Duyên, Dị Thục Quả hoặc là Tái Sinh không có.

### 12. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.
### 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1395]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1396] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Hy Thiểu v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử hỗn hòa với các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1397] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1398] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại hỗn hòa với các Uẩn Pháp Đáo Đại, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1399] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng hỗn hòa với các Uẩn Pháp Vô Lượng.

## 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1400] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1401] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1402] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v.

## 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
## 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1403] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1404] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là v.v. hỗn hòa với một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1405] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là v.v. hỗn hòa với một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Lượng v.v.

## 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1406] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với các Uẩn Pháp Hy Thiểu.

**[1407] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư tâm Sở Pháp Đáo Đại hỗn hòa với các Uẩn Pháp Đáo Đại.

**[1408] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng hỗn hòa với các Uẩn Pháp Vô Lượng.

## 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1409] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v.

**[1410] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**[1411] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v.

## 8. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1412] 1.** Pháp Hy Thiểu hỗn hòa với Pháp Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (có một thời kỳ). Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. hỗn hòa với một Uẩn Pháp Hy Thiểu v.v.

**[1413] 2.** Pháp Đáo Đại hỗn hòa với Pháp Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. hỗn hòa với một Uẩn Pháp Đáo Đại v.v.

**[1414] 3.** Pháp Vô Lượng hỗn hòa với Pháp Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. hỗn hòa với một Uẩn Pháp Vô Lượng v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1415]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

# PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
# (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1416]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1417]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa**

Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA) PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA) 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1418] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1419] 2.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 2 – 3 – 4) nên thực hiện cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Sinh **(Paṭisandhikāla).**

**[1420] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 5 – 6 – 7).

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1421] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Hy Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng

thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1422] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyê đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Hy Thiểu. Các Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1423] 3.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ, Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Đáo Đại. Các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1424] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Sơ Thiền v.v. tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thiên Nhãn Trí, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí, tư khảo lại Tha Tâm Trí, tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí, tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên.

**[1425] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1426] 6.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1427] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Vô Lượng. Các Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1428] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một

cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Các Bậc Thánh Nhân thực hiện Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1429] 2.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1430] 3.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Sơ Thiền cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. thực hiện Thiên Nhãn Trí v.v. thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người khi đã thực hiện các Uẩn Pháp Đáo Đại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1431] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1432] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1433] 6.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư

khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1434] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1435] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1436] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Đáo Đại, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1437] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1438] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1439] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1440] 6.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1441] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn

Pháp Vô Lượng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1442] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1443] 9.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Đẳng Vô Gián Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

Tương tự với Đẳng Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1444] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[1445] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1446] 3.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1447] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1448] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1449] 6.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v.

**[1450] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1451] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1452] 9.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1453] 10.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1454] 11.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1455] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên, một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[1456] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[1457] 3.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1458] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

**[1459] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v.

**[1460] 6.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[1461] 7.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại với mãnh lực Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1462] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1463] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1464] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1465] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1466] 5.** Pháp Đáo Đạo làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1467] 6.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1468] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1469] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1470] 9.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v.

**[1471] 10.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1472] 11.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

**[1473] 12.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên.

**[1474] 13.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1475] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hy Thiểu rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Hy Thiểu v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực, Bất Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

Việc sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** làm duyên đối với việc sát tử hữu tình **(Pāṇāti pāta)** theo phương thức Cận Y Duyên v.v. (Nên thực hiện theo phần luân chuyển –

**Cakkanaya**). Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma)** làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân theo phương thức Cận Y Duyên. (Nên thực hiện theo phần luân chuyển – **Cakkanaya,** tương tự với Tam Đề Thiện).

**[1476] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hy Thiểu rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái v.v. Trú Xứ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Hy Thiểu v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Đáo Đại v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên.

Chuẩn Bị Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí v.v.

**[1477] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Hy Thiểu rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Người cứ nương vào Giới Pháp Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái, sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Tín Pháp Hy Thiểu v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Lượng v.v. đối với Tuệ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1478] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Đáo Đại rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Đáo Đại v.v. nương vào Tuệ vào thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Đáo Đại v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Đáo Đại v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1479] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Đáo Đại rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Đáo Đại v.v. nương vào Tuệ rồi xả thí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. Tín Pháp Đáo Đại v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Hy Thiểu, đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1480] 6.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Đáo Đại rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Người cứ nương vào Giới Pháp Đáo Đại v.v. nương vào Tuệ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Tín Pháp Đáo Đại v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Lượng, đối với Tuệ v.v. đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1481] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Lượng rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Vô Lượng v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Quả. Tín Pháp Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Vô Lượng v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1482] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Lượng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi xả thí v.v. tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ. Tín Pháp Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Hy Thiểu v.v. đối với Tuệ v.v. đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

Việc Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. Các Bậc Thánh Nhân cứ nương vào Đạo rồi kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** đối với Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** đối với Từ Vô

Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** đối với Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇa paṭisambhidā),** và đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1483] 9.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Vô Lượng rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Vô Lượng v.v. nương vào Thắng Trí rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Đáo Đại v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Đáo Đại v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Các Bậc Thánh Nhân cứ nương vào Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1484] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hy Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1485] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1486] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Lượng theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1487] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1488] 2.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1489] 3.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1490] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hy Thiểu sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1491] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với đích thị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1492] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1493] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1494] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hy Thiểu và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1495] 2.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1496] 3.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1497] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đáo Đại và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1498] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1499] 6.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1500] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1501] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[1502] 2.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 2 – 3 – 4) nên thực hiện cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Sinh **(Paṭisandhikāla).**

**[1503] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 5 – 6 – 7) nên thực hiện duy nhất chỉ có Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla).**

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1504] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên (từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ).

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ sinh trước làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1505] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ câu sinh với nhau làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1506] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ sinh trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Lượng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1507] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1508] 5.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1509] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Hy Thiểu câu sinh với nhau làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn

theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hy Thiểu (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1510] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là trong sát na Tái Sinh, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1511] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ (sinh trước) làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1512] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1513] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1514] 6.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1515] 7.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn v.v.

**[1516] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (câu sinh với nhau) làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1517] 9.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1518] 10.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Vô Lượng và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (sinh phía sau) và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Vô Lượng (sinh phía sau) và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1519] 11.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Vô Lượng (câu sinh với nhau) và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v.

**[1520] 12.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đáo Đại và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1521] 13.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Đáo Đại (câu sinh với nhau) và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN
## PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN
## (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[1522]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên, trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## (TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH)
## VIỆC LIỆT CỬ DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH Ở GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ

**[1523] 1.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1524] 2.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1525] 3.** Pháp Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1526] 4.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1527] 5.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1528] 6.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1529] 7.** Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên

**[1530] 8.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1531] 9.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1532] 10.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1533] 11.** Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1534] 12.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu, có ba thể loại đó là Câu Sinh, Hậu Sinh (kết hợp với) Vật Thực và (Hậu Sinh kết hợp với) Quyền Lực.

**[1535] 13.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Vô Lượng, chỉ có một thể loại đó là Câu Sinh kết hợp với Tiền Sinh.

**[1536] 14.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Hy Thiểu, có ba thể loại đó là Câu Sinh, Hậu Sinh (kết hợp với) Vật Thực và (Hậu Sinh kết hợp với) Quyền Lực.

**[1537] 15.** Pháp Hy Thiểu và Pháp Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Đáo Đại, có hai thể loại đó là Câu Sinh và (Câu Sinh kết hợp với) Tiền Sinh.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1538]** Trong Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên, trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, từng mỗi Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 14 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 15 thời kỳ v.v. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
## (HETUDUKANAYA)

**[1539]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên, trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1540]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời

kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Hy Thiểu Thứ Mười Hai**

----------00000----------

## 13. TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU (PARITTĀRAMMAṆATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1541] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu **(Parittārammaṇā Dhammā)** (Pháp có cảnh thiểu lượng) nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1542] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại **(Mahaggatārammaṇā Dhammā)** (Pháp có cảnh bàng đại) nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại v.v.

**[1543] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng **(Appamāṇārammaṇā Dhammā)** (Pháp có cảnh bất cô lượng) nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
### 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1544]** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1545]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1546] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1547] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1548] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1549] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1550] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1551] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1552] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1553] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên trong Pháp Cảnh Đáo Đại, Tái Sinh không có.

**[1554] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
### 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tương tự với do bởi Phi Trưởng Duyên.

### 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1555] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu.

**[1556] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại.

**[1557] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng.

### 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.
### 9. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1558] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (Tái Sinh không có). Do bởi Phi Thiền Na Duyên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1559] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1560] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1561] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v.

**[1562] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại v.v.

**[1563] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1564]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1565]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1566]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có

ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ hoặc là Giai Đoạn Hỗn Hòa hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1567] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1568] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1569] 3.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1570] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Cảnh Hy Thiểu đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng

thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Hy Thiểu thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu. Các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1571] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí Pháp Cảnh Hy Thiểu, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu. Các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Thân Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1572] 3.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là v.v. tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thần Túc Trí Pháp Cảnh Đáo Đại, tư khảo lại Tha Tâm Trí, tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí, tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại. Các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1573] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thâm tư nhiệt lự Sơ Thiền v.v. thâm tư nhiệt lự Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thâm tư nhiệt lự Thiên Nhãn Trí, thâm tư nhiệt lự Thiên Nhĩ Giới Trí, thâm tư nhiệt lự Thần Túc Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Tha Tâm Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Vị Lai Tiên Giác Trí.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo phiền não Pháp Cảnh Đáo Đại đã đoạn tận, tư khảo phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại. Các Uẩn

Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1574] 5.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Vô Lượng. Các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1575] 6.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Chuyển Tộc, tư khảo lại Dũ Tịnh, thâm tư nhiệt lự Đạo, thâm tư nhiệt lự Quả, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Vô Lượng thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Vô Lượng. Các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1576] 7.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Tha Tâm Trí Pháp Cảnh Vô Lượng, tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Vô Lượng. Các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1577] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1578] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện

Thiên Nhãn Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. thực hiện Thần Túc Trí Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1579] 3.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thức Vô Biên Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Thần Túc Trí Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Đáo Đại ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Đáo Đại thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1580] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện thâm tư nhiệt lự Sơ Thiền cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại v.v. thực hiện thâm tư nhiệt lự Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người thực hiện các Uẩn Hy Thiểu ở phần Pháp Cảnh Đáo Đại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Hy Thiểu thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1581] 5.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1582] 6.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Hữu Học thực hiện Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện thâm tư nhiệt lự Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện thâm tư nhiệt lực Quả cho thành Cảnh

một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện thâm tư nhiệt lự Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1583] 7.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Hữu Học thực hiện Tha Tâm Trí Pháp Cảnh Vô Lượng cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1584] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1585] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1586] 3.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên, Thuận Tùng Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1587] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1588] 5.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1589] 6.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1590] 7.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng sinh trước trước làm duyên đối

với các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1591] 8.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là thâm tư nhiệt lự Đạo làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, thâm tư nhiệt lự Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, Tha Tâm Trí Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, Túc Mạng Tùy Niệm Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1592] 9.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là thâm tư nhiệt lự Đạo làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Đáo Đại, thâm tư nhiệt lự Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Đáo Đại, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Đáo Đại, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1593]** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên, tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.
## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1594] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên, có ba thời kỳ. Nên thực hiện tương tự với Giai Đoạn Liên Quan. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Hy Thiểu, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương vào Tuệ, tham ái, sân hận, si mê, ngã mạn, tà kiến, sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Hy Thiểu, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v.

thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu, đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1595] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. nương vào Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1596] 3.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo, thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí, thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ, tham ái v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí, thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1597] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Đáo Đại rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. chấp thủ tà kiến. Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1598] 5.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Đáo Đại rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện Thiền Định Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. thực hiện Minh Sát Tuệ...thực hiện Thắng Trí...thực hiện việc Nhập Thiền Định...phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu, đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1599] 6.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Đáo Đại rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. nương vào sự dục vọng rồi thực hiện cho khởi sinh lên Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Pháp Vô Lượng v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1600] 7.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Vô Lượng rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. đối với Tuệ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1601] 8.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Vô Lượng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Hy Thiểu, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi xả thí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Hy Thiểu v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1602] 9.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Cảnh Vô Lượng rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Người cứ nương vào Giới Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. nương vào Tuệ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định Pháp Cảnh Đáo Đại, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Tín Pháp Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Pháp Cảnh Đáo Đại v.v. đối với Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1603] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Hy Thiểu sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1604] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1605] 3.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1606] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1607] 5.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Vô Lượng sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1608] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1609] 2.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1610] 3.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1611] 4.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1612] 5.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 12. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.
## 21. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1613] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1614]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## (TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH)
## VIỆC LIỆT CỬ DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1615] 1.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1616] 2.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1617] 3.** Pháp Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1618] 4.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1619] 5.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1620] 6.** Pháp Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1621] 7.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1622] 8.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1623] 9.** Pháp Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Cảnh Đáo Đại với mãnh lực Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1624]** Trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ v.v. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

### PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1625]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

### PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1626]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Cảnh Hy Thiểu Thứ Mười Ba**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU PHÁT THÚ

Lời nói rằng **Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vô Lượng (Appamāṇārammaṇācetanā)** trong Tam Đề Cảnh Hy Thiểu là Tư Tâm Sở trong Tâm Chuyển Tộc làm duyên đối với Bậc Hữu Học, sẽ đề cập đến là **Thẩm Thị Tư Tâm Sở (Paccavekkhaṇacetanā –Tư Tâm Sở Phản Cung Tự Tỉnh)** cũng được. Lời nói rằng **Pháp Cảnh Hy Thiểu ở phần Dị Thục Quả (Vipākānaṃ Parittārammaṇānaṃ)** là Dị Thục Quả có Cảnh Nghiệp Lực khởi sinh lên trong thời Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** có Sắc v.v. làm Cảnh khởi sinh lên với mãnh lực Nhãn Thức v.v. có Đổng Lực Pháp Cảnh Hy Thiểu **(Parittārammaṇa dhammajavana)** tiếp thâu Cảnh khởi sinh lên với mãnh lực Na Cảnh trong thời Chuyển Khởi **(Pavattikāla),** thế thì những vị Giáo Thọ nào đề cập rằng "Tái Sinh thường không có do bởi Tâm Chuyển Tộc làm duyên", những vị Giáo Thọ ấy đáng bị phản bác với phần kinh tạng này. Những từ ngữ còn lại trong quan niệm này nên thấu hiểu chính là theo Chánh Tạng **Pāḷi** vậy.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Cảnh Hy Thiểu Phát Thú**

----------00000----------

## 14. TAM ĐỀ TẦNG HẠ TIỆN (HĪNATIKA)

## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1627] 1.** Pháp Tầng Hạ Tiện **(Hīnā Dhammā:** Pháp tầng ty liệt, ty tiện, ty bỉ, hạ tiện = **Akusalā Dhammā:** Pháp Bát Thiện) nương nhờ Pháp Tầng Hạ Tiện khởi sinh lên do bởi

Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tầng Hạ Tiện v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**2.** Pháp Tầng Trung Đẳng **[Majjhimā Dhammā:** Pháp trung đẳng, thích trung; là Pháp Thiện **(Kusalā Dhammā)** và Pháp Vô Ký **(Abyākatā Dhammā)** vẫn còn Lậu Hoặc **(Āsava)]** nương nhờ Pháp Tầng Hạ Tiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xuất nương nhờ các Uẩn Pháp tầng hạ tiện.

**3.** Pháp Tầng Hạ Tiện và Pháp Tầng Trung Đẳng nương nhờ Pháp Tầng Hạ Tiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tầng Hạ Tiện v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1628] 4.** Pháp Tầng Trung Đẳng nương nhờ Pháp Tầng Trung Đẳng v.v. tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Tầng Trung Đẳng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1629] 5.** Pháp Tầng Tinh Lương **[Paṇītā Dhammā:** Pháp tầng tinh lương, tinh mỹ, tinh trí; là Pháp Siêu Thế **(Lokuttara Dhammā)]** nương nhờ Pháp Tầng Tinh Lương khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

**[1630] 8.** Pháp Tầng Trung Đẳng nương nhờ Pháp Tầng Trung Đẳng và Pháp Tầng Tinh Lương khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tầng Tinh Lương và các Sắc Đại Hiển.

**[1631] 9.** Pháp Tầng Trung Đẳng nương nhờ Pháp Tầng Hạ Tiện và Pháp Tầng Trung Đẳng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tầng Hạ Tiện và các Sắc Đại Hiển.

Tam Đề Hạ Tiện nên cho quảng nghĩa tương tự với Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm **(Saṅkiliṭṭha Tika),** nên bổ túc cho hoàn bị.

**Kết Thúc Tam Đề Hạ Tiện Thứ Mười Bốn**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ HẠ TIỆN PHÁT THÚ

Tam Đề Hạ Tiện Phát Thú tương tự với Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm Phát Thú.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Hạ Tiện Phát Thú**

----------00000----------

## 15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT ĐỊNH QUẢ BÁO (MICCHATTANIYATATIKA)

## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1632] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo **(Micchattaniyatā Dhammā:** Pháp phía sai lầm và cho quả báo nhất định) nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Bất Định **(Aniyatā Dhammā:** Pháp cho quả báo không nhất định) nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo.

**3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1633] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo **(Sammattaniyatā Dhammā:** Pháp phía chính xác và cho quả báo nhất định) nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (là thời kỳ thứ 4 – 5 – 6).

**[1634] 5.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ hai Sắc Đại Hiển.

**[1635] 6.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và các Sắc Đại Hiển.

**[1636] 7.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và các Sắc Đại Hiển.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1637] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Bảo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1638] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1639] 3.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Tất cả Duyên nên cho quảng nghĩa với sự việc này v.v.

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1640]** Trong Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có chín thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có chín thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1641] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1642] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo v.v.

### 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1643] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1644] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1645] 3.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA)

**[1646]** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên v.v. Tất cả các Duyên nên cho quảng nghĩa.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1647]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

# PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
# (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1648]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, trong Phi Hỗ Tương Duyên, trong Phi Cận Y Duyên, từng mỗi Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

### PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1649]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)

### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1650] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 3) v.v.

**4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6).

**[1651] 7.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Các Uẩn Pháp Bất Định nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**8.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**9.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**10.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**11.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[1652] 12.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và các Sắc Đại Hiển.

**14.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Sắc Tâm Cơ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và các Sắc Đại Hiển.

**[1653] 15.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 15 – 17) tương tự với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo. Nên tính đếm như thế này.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1654] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên v.v. (Nên phân chia tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh trong Tam Đề Thiện). Do bởi Bất Ly Duyên.

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1655]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Nghiệp Lực

Duyên có 17 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1656] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ, một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Thức nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Bất Định nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1657] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo. Nên thực hiện thành năm thời kỳ tương tự với Tam Đề Thiện.

### 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1658] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1659] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1660] 3.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Bất Định v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. nương nhờ Nhãn Xứ v.v. nương nhờ Thân Xứ. Các Uẩn Pháp Bất Định nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**4.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[1661] 6.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Sắc Tâm Cơ.

**[1662] 7.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo nương nhờ các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Sắc Tâm Cơ.

## 4. PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v. 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

**[1663] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1664]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1665]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1666]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh**

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh.

## GIAI ĐOẠN HỖN HÒA (SAṂSAṬṬHAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1667] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v.

**[1668] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v.

**[1669] 3.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1670] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1671]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1672] 1.** Pháp Bất Định nương nhờ Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Vô Nhân Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v.

## 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1673] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1674] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo.

**[1675] 3.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1676] 1.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v.

**[1677] 2.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1678]** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Nên bổ túc cho hoàn bị ba thời kỳ.

### 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1679] 1.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)
### 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1680] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên.

### 8. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)
### 9. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1681] 1.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là v.v. nương nhờ Pháp Bất Định ở phần Vô Nhân v.v.

### 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1682] 1.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo hỗn hòa với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v.

**[1683] 2.** Pháp Bất Định hỗn hòa với Pháp Bất Định khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn hỗn hòa với một Uẩn Pháp Bất Định v.v. hỗn hòa với hai Uẩn v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1684]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1685]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1686]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Hòa

Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Hỗn Hòa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1687] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1688] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1689] 3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

**[1690] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

**[1691] 5.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Bất Định làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1692] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo đã đoạn tận, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo. Các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1693] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo. Các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1694] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha**

**kamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh. đối với Quả, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Bất Định đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế v.v. các phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Bất Định thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái Pháp Bất Định thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên.

Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Bất Định. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Bất Định làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1695] 4.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cảnh Duyên tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma),** đối với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân **(Pitughāta kamma)**, đối với Nghiệp Lực Sát Tử Bậc Vô Sinh **(Arahantaghātakamma)**, đối với Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai **(Lohiruppādakamma)** theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo khởi sinh lên đối với ái phủ Sắc Tâm Cơ nào, Sắc Tâm Cơ ấy làm duyên đối với các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1696] 5.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1697] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1698] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp

Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1699] 3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1700] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1701] 5.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1702] 6.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1703] 7.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Các Bậc Thánh Nhân thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người thực hiện Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. các Uẩn Pháp Bất Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Bất Định thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Bất Định làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1704] 8.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1705] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh trước trước làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1706] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1707] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Bất Định sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bất Định sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1708] 4.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Vô Gián Duyên tức là ưu thọ Pháp Bất Định làm duyên đối với ưu thọ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Vô Gián Duyên, tà kiến Pháp Bất Định làm duyên đối với tà kiến Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1709] 5.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v. 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1710] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên, tương tự với Vô Gián Duyên.

Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên tương tự với Giai Đoạn Liên Quan, có chín thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên tương tự với Tam Đề Thiện, có 13 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1711] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma)** làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma)** theo phương thức Cận Y Duyên.

Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma)** v.v. Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân **(Pitughātakamma)** v.v. Nghiệp Lực Sát Tử Bậc Vô Sinh **(Arahantaghātakam ma)** v.v. Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai **(Lohiruppādakamma)** v.v. Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn **(Saṅghabhedakamma)** v.v. làm duyên đối với Chuẩn Xác Tà Kiến **(Niyatamicchādiṭṭhi)** theo phương thức Cận Y Duyên. (Nên thực hiện theo phần luân chuyển – **Cakkanaya**). Chuẩn Xác Tà Kiến làm duyên đối với Chuẩn Xác Tà Kiến theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Xác Tà Kiến làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân v.v. đối với Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1712] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người đã sát tử Mẫu Thân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**. Đã sát tử Phụ Thân v.v. đã sát tử Bậc Vô Sinh v.v. có Tâm hiểm ác chích thân huyết Đức Như Lai v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**.

**[1713] 3.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1714] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân cứ nương vào Đạo rồi thực hiện việc Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, thường kiến giải minh lượng Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā)** của các Bậc Thánh Nhân, đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1715] 5.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Bất Định rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Bất Định, nương vào văn, Thí, Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân

Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ rồi thường xả thí v.v. sát lược thị dân. Tín Pháp Bất Định v.v. Tuệ, tham ái v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Bất Định v.v. đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với chính Sơ Thiền ấy v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm đối với chính Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ấy v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** làm duyên đối với sát tử hữu tình theo phương thức Cận Y Duyên. (Nên thực hiện theo phần luân chuyển – **Cakkanaya**).

**[1716] 6.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào tham ái Pháp Bất Định rồi sát tử Mẫu Thân v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Người cứ nương vào sân hận Pháp Bất Định v.v. nương vào sự dục vọng v.v. nương vào Thân Thọ Lạc v.v. nương vào Trú Xứ rồi sát tử Mẫu Thân v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tham ái Pháp Bất Định v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma),** đối với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân **(Pitughātakamma),** đối với Nghiệp Lực Sát Tử Bậc Vô Sinh **(Arahantaghāta kamma),** đối với Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai **(Lohiruppādakamma),** đối với Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn **(Saṅghabhedakamma),** đối với Chuẩn Xác Tà Kiến **(Niyatamicchādiṭṭhi)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1717] 7.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1718] 1.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái Pháp Bất Định thường khởi sinh lên v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bất Định theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1719] 2.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughātakamma),** đối với Nghiệp Lực Sát Tử Phụ Thân **(Pitughātakamma),** đối với Nghiệp Lực Sát Tử Bậc Vô Sinh **(Arahantaghātakamma),** đối với Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai **(Lohi ruppādakamma)** v.v. theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1720] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1721] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1722] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1723] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Bất Định sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1724] 1.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Bất Định sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bất Định sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1725] 2.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là ưu thọ Pháp Bất Định làm duyên đối với ưu thọ Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên, Chuẩn Xác Tà Kiến làm duyên đối với Chuẩn Xác Tà Kiến theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1726] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1727] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1728] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1729] 3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1730] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1731] 5.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1732] 6.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1733] 7.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bất Định làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Bất Định làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1734] 1.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Bất Định làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v.

## 13. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[1735] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPAYUTTAPACCAYA)

**[1736] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1737] 2.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1738] 3.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bất Định câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn v.v. làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bất Định theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bất Định sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1739] 4.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[1740] 5.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1741] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1742] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo câu sinh với nhau làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1743] 3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v.

**[1744] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 4 – 6).

**[1745] 6.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Bất Định câu sinh với nhau làm duyên đối với hai Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức và Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Bất Định theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Bất Định sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1746] 8.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Nghiệp Lực Sát Tử Mẫu Thân **(Mātughāta kamma)** v.v. đối với Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai **(Lohiruppāda kamma)** theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1747] 9.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1748] 10.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** kết hợp với **Tiền Sinh** tức là một Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo câu sinh với nhau và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v.

**[1749] 11.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo câu sinh với nhau và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Về phần **Hậu Sinh** (kết hợp với) **Quyền Lực** tức là các Uẩn Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo sinh phía sau và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[1750] 12.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thời kỳ (thời kỳ thứ 12 – 13) tương tự với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo.

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1751]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1752] 1.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1753] 2.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo

phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1754] 3.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1755] 4.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1756] 5.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[1757] 6.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[1758] 7.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1759] 8.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1760] 9.** Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[1761] 10.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo…chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh** (kết hợp với) **Tiền Sinh.**

**[1762] 11.** Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định…có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

**[1763] 12.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo…có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

**[1764] 13.** Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo và Pháp Bất Định làm duyên đối với Pháp Bất Định…có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh** (kết hợp với) **Vật Thực** và (**Hậu Sinh** kết hợp với) **Quyền Lực.**

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1765]** Trong Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên, trong Phi Trưởng Duyên, trong Phi Vô Gián Duyên, trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên, từng mỗi Duyên

có 13 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên, trong Phi Dị Thục Quả Duyên, trong Phi Vật Thực Duyên, từng mỗi Duyên có 13 thời kỳ v.v. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[1766]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[1767]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có năm thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có tám thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên,

trong Đồ Đạo Duyên, từng mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Tam Đề Thố Ngộ Tất Định Quả Báo Thứ Mười Lăm**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT ĐỊNH QUẢ BÁO PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Thố Ngộ Tất Định Quả Báo Phát Thú, Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo thường không làm duyên theo bất luận phương thức Duyên nào đối với Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo, hoặc Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo thường không làm duyên theo bất luận phương thức nào đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo. Lại nữa, Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo hoặc là Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo gọi là loại trừ Câu Sinh Trưởng Duyên, thường không có. Trong Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo thường không có Cảnh Tiền Sinh Duyên **(*)** một cách nhất định (tức là Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo không làm Cảnh Tiền Sinh Duyên một cách nhất định). Trong Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo có thể có được Cảnh Tiền Sinh Duyên.

**[(*):** Từ ngữ này trong Phiên Bản Miến Điện là **Ārammaṇapurejātaṃ** (Cảnh Tiền Sinh)**]**

Chuẩn Xác Tà Kiến nên nhắc đến **Tâm Bất Định (Aniyatacitta)** được khởi sinh lên, **Tâm Tất Định (Niyatacitta)** thường không được nhắc đến Tâm Tất Định còn lại khởi sinh lên. Bất luận Pháp nào thường không thực hiện Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo dứt khoát cho khởi sinh lên. Thiện Pháp thường không làm Cận Y Duyên đối với Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo. Từ ngữ còn lại trong quan niệm này nên được thấu hiểu theo Phần mà Đức Thế Tôn đã thuyết giáo để trong Chánh Tạng **Pāḷi.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Thố Ngộ Tất Định Quả Báo Phát Thú**

**----------00000----------**

## 16. TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH (MAGGĀRAMMAṆATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1768] 1.** Pháp Đạo Cảnh **(Maggārammaṇā Dhammā:** Pháp có Đồ Đạo làm Cảnh) nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Đạo Trưởng **(Maggādhipati Dhammā:** Pháp có Đồ Đạo làm Trưởng) nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn, nương nhờ hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1769] 4.** Pháp Đạo Nhân **(Maggahetukā Dhammā:** Pháp có Đồ Đạo làm Nhân) nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**5.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**6.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1770] 7.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**8.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**9.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Nhân nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**10.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**11.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1771] 12.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**14.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1772] 15.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Nhân nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**16.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**17.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
## 22. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1773] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1774]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên, trong Trưởng Duyên, trong Vô Gián Duyên, trong Đẳng Vô Gián Duyên, trong Câu Sinh Duyên, trong Hỗ Tương Duyên, trong Y Chỉ Duyên, trong Cận Y Duyên, trong Tiền Sinh Duyên, trong Trùng Dụng Duyên, trong Nghiệp Lực Duyên, trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, trong Tương Ưng Duyên, trong Bất Tương Ưng Duyên, trong Hiện Hữu Duyên, trong Vô Hữu Duyên, trong Ly Khứ Duyên, trong Bất Ly Duyên, từng mỗi Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1775] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1776] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1777] 4.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**5.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**6.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**[1778] 7.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Trưởng. Ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**8.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**9.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Trưởng.

**10.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**11.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Trưởng.

**[1779] 12.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**13.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**14.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1780] 15.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng.

**16.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng.

**17.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng.

## 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)
## 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1781] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Cả hai Duyên này nên thực hiện cho hoàn bị (có 17 thời kỳ).

## 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

**[1782] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**2.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**3.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1783] 4.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**5.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**6.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1784] 7.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**8.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**9.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ một Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1785] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Cảnh nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Cảnh.

**2.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Cảnh.

**3.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Cảnh.

**[1786] 4.** Pháp Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Nhân nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**5.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**6.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Nhân.

**[1787] 7.** Pháp Đạo Trưởng nương nhờ Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đạo Trưởng nương nhờ các Uẩn Pháp Đạo Trưởng. Có năm thời kỳ (thời kỳ thứ 7 – 11).

**[1788] 12.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Trong Hiệp Lực đầu tiên có ba thời kỳ (thời kỳ thứ 12 – 14).

**[1789] 15.** Trong Đạo Nhân nương nhờ Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Trong Hiệp Lực thứ hai có ba thời kỳ (thời kỳ 15 – 16 – 17).

## 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1790] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên nên bổ túc cho đầy đủ (17 thời kỳ).

## 8. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1791] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Đạo Cảnh v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 9. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1792] 1.** Pháp Đạo Cảnh nương nhờ Pháp Đạo Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Nên bổ túc cho đầy đủ (17 thời kỳ) nên quy định là Vô Sắc.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1793]** Trong Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1794]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1795]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ…Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ v.v. Trong tất cả các Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ hoặc là Giai Đoạn Hỗn Hòa hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1796] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1797] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1798] 3.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Nhân Duyên v.v.

Bậc hữu trí nên thực hiện thành 17 thời kỳ với sự việc này.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1799] 1.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại, với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Đạo Nhân. Các Uẩn Pháp Đạo Nhân làm

duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1800] 2.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1801] 3.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1802] 4.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1803] 5.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, với Tha Tâm Trí thường tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Đạo Trưởng. Các Uẩn Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1804] 6.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1805] 7.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng. Các Uẩn Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1806] 8.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1807] 9.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1808] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1809] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp

Đạo Cảnh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1810] 3.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1811] 4.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1812] 5.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1813] 6.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1814] 7.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1815] 8.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1816] 9.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1817] 10.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1818] 11.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Nhân theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1819] 12.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1820] 13.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1821] 14.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1822] 15.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1823] 16.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1824] 17.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1825] 18.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Trưởng Duyê, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Nhân theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1826] 19.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1827] 20.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1828] 21.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với các Uẩn tương ưng Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1829] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1830] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1831] 3.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1832] 4.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1833] 5.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1834] 6.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1835] 7.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh

trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1836] 8.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1837] 9.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1838] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.
## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong cả ba Duyên nên thực hiện thành 17 thời kỳ.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1839] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1840] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1841] 3.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1842] 4.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với

Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1843] 5.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1844] 6.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1845] 7.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1846] 8.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1847] 9.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Sát na thẩm thị làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1848] 10.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1849] 11.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo v.v. làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1850] 12.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1851] 13.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo v.v. làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1852] 14.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1853] 15.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1854] 16.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1855] 17.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1856] 18.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1857] 19.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1858] 20.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại.

**[1859] 21.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1860] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đạo Cảnh sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[1861] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tương tự với Vô Gián Duyên, nên thực hiện thành chín thời kỳ. Không nên thực hiện Tâm Khai Môn.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

**[1862] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên, Dị Thời không có. Nên thực hiện thành 17 thời kỳ.

## VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

**1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Bảy thể loại Duyên này phân chia thành 17 thời kỳ tương tự với Nhân Duyên). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên, theo phương thức Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1863]** Trong Nhân Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên, trong Quyền Lực Duyên, trong Thiền Na Duyên, trong Đồ Đạo Duyên, trong Tương Ưng Duyên, từng mỗi Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1864] 1.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1865] 2.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1866] 3.** Pháp Đạo Cảnh làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1867] 4.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1868] 5.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1869] 6.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1870] 7.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1871] 8.** Pháp Đạo Nhân làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1872] 9.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1873] 10.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1874] 11.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1875] 12.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1876] 13.** Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1877] 14.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1878] 15.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1879] 16.** Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1880] 17.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1881] 18.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1882] 19.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1883] 20.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng làm duyên đối với Pháp Đạo Cảnh và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1884] 21.** Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng Duyên làm duyên đối với Pháp Đạo Nhân và Pháp Đạo Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1885]** Trong Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. Khi đến Cảnh Duyên rồi thường thiếu mất đi cả hai Duyên là **Thường Cảnh Duyên (Pakatārammaṇa)** hoặc là **Cảnh Cận Y Duyên (Upanissayārammaṇa).**

Trong Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1886]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 17 thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1887]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Đạo Cảnh Thứ Mười Sáu**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ QUẢ CẢNH PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Đạo Cảnh, trong Phần Thuận Tùng Duyên của Giai Đoạn Liên Quan không có Dị Thục Quả Duyên, ngay cả trong Nghiệp Lực Duyên (của Giai Đoạn Vấn Đề) trong Tam Đề này cũng không được Dị Thời Nghiệp Lực Duyên. Trong Tam Đề Khởi Sinh **(Uppannatika)** và Tam Đề Quá Khứ **(Atītatika)** cũng tương tự. Lời nói rằng **Uẩn Vô Nhân Pháp Đạo Cảnh (Ahetukaṃ Maggārammaṇaṃ)** trong Phần Đối Nghịch Duyên được thuyết giáo ý muốn nói đến Tâm Khai Môn Vô Nhân **(Ahetuka Āvajjana Citta:** là Tâm Khai Ý Môn) mà có Đồ Đạo làm Cảnh. Từ ngữ còn lại trong quan niệm này, bậc tu học nên thấu hiểu theo phương thức Chánh Tạng **Pāḷi.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Đạo Cảnh Phát Thú**

----------00000----------

## 17. TAM ĐỀ KHỞI SINH (UPPANNATIKA)

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1888] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh **(Uppannā Dhammā:** Pháp đã khởi sinh lên) làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1889] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Đã Khởi Sinh thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ Pháp đã khởi sinh v.v. Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ v.v. Các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1890] 2.** Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh **(Anuppannā Dhammā:** Pháp vẫn chưa khởi sinh lên) làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc Pháp vẫn chưa khởi sinh v.v. thinh, khí, vị, xúc...các Uẩn Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh lên làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1891] 3.** Pháp Sẽ Khởi Sinh **(Uppādino Dhammā:** Pháp sẽ khởi sinh lên) làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Sẽ Khởi Sinh v.v. Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ...các Uẩn Pháp Sẽ Khởi Sinh thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v.ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí v.v. đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

### 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1892] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Nhãn Pháp Đã Khởi Sinh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi v.v. tà kiến thường khởi sinh lên. Người thực hiện Nhĩ Pháp Đã Khởi Sinh v.v. Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên v.v.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1893] 2.** Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt vì thực hiện Sắc Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh, thinh, khí, vị, xúc v.v. các Uẩn Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh cho thành Cảnh một cách kiên định; khi thực hiện Sắc v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1894] 3.** Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Nhãn Pháp Sẽ Khởi Sinh v.v. Thân, sắc v.v. xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Sẽ Khởi Sinh cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

## 4. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[1895] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh

Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên.

## 5. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[1896] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v.

## 6. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1897] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ…Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ…Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Y Chỉ Duyên.

## 7. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1898] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Quý Tiết Pháp Đã Khởi Sinh rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Ẩm Thực Pháp đã khởi sinh v.v. nương vào Trú Xứ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. thực hiện cho khởi

sinh lên Đạo v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến.

Quý Tiết Pháp Đã Khởi Sinh v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Đã Khởi Sinh v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1899] 2.** Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người có nguyện vọng thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)** Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**. Người có nguyện vọng thành tựu hảo thinh **(Saddasampatti)** Pháp vẫn chưa khởi sinh v.v. thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti)** v.v. thành tựu hảo vị **(Rasasampatti)** v.v. thành tựu hảo xúc **(Phoṭṭhabbasampatti)** v.v. thành tựu các Uẩn Pháp vẫn chưa khởi sinh thường xả thí v.v. tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. Sự thành tựu hảo sắc Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh v.v. các Uẩn Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh làm duyên đối với Tín Đã Khởi Sinh v.v. đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo và đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1900] 3.** Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh lên theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người có nguyện vọng thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** Pháp Sẽ Khởi Sinh rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. Người có nguyện vọng thành tựu về Nhĩ **(Sotasampatti)** Pháp Sẽ Khởi Sinh v.v. thành tựu về Thân **(Kāyasampatti)** v.v. thành tựu hảo sắc, thành tựu hảo thinh, thành tựu hảo khí, thành tựu hảo vị, thành tựu hảo xúc v.v. thành tựu các Uẩn Pháp Sẽ Khởi Sinh lên rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. Sự thành tựu về Nhãn Pháp Sẽ Khởi Sinh v.v. sự thành tựu về Thân, thành tựu hảo sắc v.v. thành tựu hảo xúc, thành tựu các Uẩn Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Tín Đã Khởi Sinh v.v. đối với Tuệ v.v. đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

## 8. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1901] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường

tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 9. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1902] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 10. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1903] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 11. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1904] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tái Sinh v.v. hai Uẩn v.v. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 12. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[1905] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 13. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[1906] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 14. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.
## 17. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1907] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 18. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1908] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh (câu sinh với nhau) làm duyên đối với ba Uẩn và đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Kiến giải minh lượng Sắc

Tâm Cơ thể theo tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Đã Khởi Sinh (sinh phía sau) làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

## 19. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1909] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1910]** Trong Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1911] 1.** Pháp Đã Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[1912] 2.** Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1913] 3.** Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1914]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1915]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1916]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có một thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Khởi Sinh Thứ Mười Bảy**

----------00000----------

## 18. TAM ĐỀ QUÁ KHỨ (ATĪTATIKA)

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1917] 1.** Pháp Hiện Tại **(Pacuppannā Dhammā:** Pháp thời hiện tại) làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1918] 1.** Pháp Quá Khứ **(Atīta Dhammā:** Pháp thời quá khứ) làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. rồi tư khảo lại. Người tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế. Người kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ Pháp Quá Khứ v.v. Tỷ, Thiệt, Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhĩ ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên, hoài nghi…trạo cử…ưu thọ thường khởi sinh lên. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp quá khứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1919] 2.** Pháp Vị Lai **(Anāgata Dhammā:** Pháp thời vị lai) làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường kiến giải minh lượng Nhãn Pháp vị lai v.v. Sắc Tâm Cơ…các Uẩn Pháp Vị Lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Vị Lai làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với

Tha Tâm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1920] 3.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thường kiến giải minh lượng Nhãn Pháp hiện tại v.v. Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Hiện Tại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Các Uẩn Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1921] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật v.v. Người thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại, thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện Nhãn Pháp quá khứ v.v. Thân, sắc, thinh, khí, vị, xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1922] 2.** Pháp Vị Lai làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Nhãn Pháp vị lai v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp vị lai cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1923] 3.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Nhãn Pháp Hiện Tại v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1924] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1925] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự với Vô Gián Duyên).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.
## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1926] 1.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. Đây là việc đề cập đến một cách giản lược.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1927] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Quá Khứ rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)**, thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ…thực hiện cho khởi sinh lên Đạo…thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí…thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Quá Khứ v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ rồi thường xả thí… tuân thủ giới luật… thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, thường sát tử hữu tình **(Pāṇātipāta)** v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp quá khứ v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc… Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Pháp Hiện Tại, đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1928] 2.** Pháp Vị Lai làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người có nguyện vọng thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** Pháp Vị Lai v.v. thành tựu về Nhĩ **(Sotasampatti)**...thành tựu về Tỷ **(Ghānasampatti),** thành tựu về Thiệt **(Jivhāsampatti),** thành tựu về Thân **(Kāya sampatti)** v.v. thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti),** thành tựu hảo thinh **(Saddasam patti),** thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti),** thành tựu hảo vị **(Rasasampatti),** thành tựu hảo xúc **(Phoṭṭhabbasampatti)** v.v. thành tựu các Uẩn Pháp Vị Lai rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**... Sự thành tựu về Nhãn Pháp vị lai v.v. thành tựu hảo sắc v.v. thành tựu hảo xúc...thành tựu các Uẩn Pháp Vị Lai làm duyên đối với Tín Pháp Hiện Tại, đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1929] 3.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Quý Tiết Pháp Hiện Tại rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ v.v. Người cứ nương vào Ẩm Thực Pháp Hiện Tại v.v. Trú Xứ rồi thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định, thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Quý Tiết Pháp hiện tại v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Hiện Tại, đối với Tuệ, đối với Thân Thọ Lạc v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[1930] 1.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp hiện tại theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[1931] 1.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Hiện Tại sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1932] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[1933] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hiện Tại và các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1934] 2.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, Tư Tâm Sở Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[1935]** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Hiện Tại làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v. 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1936] 1.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Hiện Tại làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương

Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Hiện Tại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Hiện Tại sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[1937] 1.** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Hiện Hữu Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên trong Tam Đề Khởi Sinh **(Uppannatika).**

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA)
## 23. LY KHỨ DUYÊN (VIGATAPACCAYA)

**[1938] 1.** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên.

## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[1939]** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Bất Ly Duyên v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1940]** Trong Nhân Duyên có một thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[1941]** Pháp Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[1942]** Pháp Vị Lai làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1943]** Pháp Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1944]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ v.v. Trong Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm theo bài này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1945]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Phi Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1946]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có một thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ v.v. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ. Từng mỗi Duyên tiếp nối từ đây chỉ có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Quá Khứ Thứ Mười Tám**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ KHỞI SINH – TAM ĐỀ QUÁ KHỨ PHÁT THÚ

Trong Tam Đề Khởi Sinh và Tam Đề Quá Khứ, thường không có Giai Đoạn Liên Quan v.v. mà chỉ có Giai Đoạn Vấn Đề. Vì lý do nào ? Vì Giai Đoạn Liên Quan v.v. đặc biệt chỉ có Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. Lại nữa, những thể loại Tam Đề ấy có cả Pháp Quá Khứ và Vị Lai xen lẫn nhau, và các Duyên thuộc nhóm Vô Gián Duyên thường không có được trong Tam Đề Khởi Sinh. Vì lý do nào ? Vì trong Tam Đề Khởi Sinh không có Pháp Quá Khứ. Cũng trong quan niệm này, hai thể loại Pháp ấy, tức là Pháp Đã Khởi Sinh và Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh thường không làm duyên theo bất luận phương thức Duyên nào đối với hai thể loại Pháp này tức là Pháp Đã Khởi Sinh và Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh. Còn hai thể loại ấy, tức là Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh và Pháp Sẽ Khởi Sinh làm duyên đối với Pháp Đã Khởi Sinh với hai Duyên đó là Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. Lời nói còn lại trong quan niệm này, bậc tu học nên thấu hiểu đi theo phần đã có Chánh Tạng **Pāḷi.** Trong Tam Đề Quá Khứ, Pháp Hiện Tại không làm duyên bất luận Duyên đối với Pháp Quá Khứ và Vị Lai, hoặc Pháp Quá Khứ và Vị Lai thường không làm duyên theo bất luận phương thức Duyên nào đối với Pháp Quá Khứ và Vị Lai. Còn Níp Bàn thường không được làm theo phương thức Năng Duyên (và) theo phương thức Sở Duyên (Pháp đã khởi sinh bởi do nương vào Pháp Năng Duyên) trong cả hai thể loại Tam Đề này. Lời nói còn lại trong quan niệm này, đích thị nên thấu hiểu đi theo phần đã có trong Chánh Tạng **Pāḷi.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Khởi Sinh – Tam Đề Quá Khứ Phát Thú**

----------00000----------

## 19. TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ (PĪTITIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1947] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ **(Atītārammaṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn.

**[1948] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai **(Anāgatārammaṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1949] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại **(Pacuppannārammaṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
### 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[1950] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (Trong Trưởng Duyên không có Tái Sinh).

Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. (Trong Tiền Sinh Duyên hoặc là trong Trùng Dụng Duyên không có Tái Sinh).

### 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)
### 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**1.** v.v. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. (có ba thời kỳ, nên bổ túc cho hoàn bị, nên thực hiện Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhi kāla).**

### 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.
### 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**1.** v.v. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[1951]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v. (Trong các Duyên, mỗi Duyên có ba thời kỳ). Trong Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[1952] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1953] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Vị Lai v.v.nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[1954] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp cảnh hiện tại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, si mê Pháp Cảnh Hiện Tại câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

### 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

**[1955] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tương tự với Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Tùng Duyên.

### 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[1956] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[1957] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1958] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.
## 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[1959] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tương tự với Phi Trưởng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ.

**[1960] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vị Lai nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai.

**[1961] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hiện Tại nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại.

## 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

**[1962] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên không có Tái Sinh.

## 8. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[1963] 1.** Pháp cảnh hiện tại nương nhờ Pháp cảnh hiện tại khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## 9. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

**[1964] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. tương tự với Phi Nhân Duyên, có ba thời kỳ, không có si mê.

## 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[1965] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[1966] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp cảnh vị lai v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[1967]** Trong Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[1968]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[1969]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong tất cả có ba thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

Giai Đoạn Câu Sinh, hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh, hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ, hoặc là Giai Đoạn Hỗn Hòa, hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[1970] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nhân Duyên, tức là các Nhân Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1971] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nhân Duyên, tức là các Nhân Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

**[1972] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nhân Duyên, tức là các Nhân Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[1973] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Pháp Cảnh Quá Khứ, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ ở Pháp Cảnh Quá Khứ, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Cảnh Quá Khứ đã đoạn tận, phiền não đã ức chế v.v. thường tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh trong thời gian trước v.v. Kiến giải minh lượng các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ thường khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1974] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Pháp Vị lai, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thần Túc Trí Vị Lai ở Pháp Cảnh Quá Khứ, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Vị Lai thường khởi sinh lên, ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn

Vị Lai ở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1975] 3.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Cảnh Hiện Tại ở Pháp Cảnh Quá Khứ. Các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại ở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1976] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thần Túc Trí vị lai ở Pháp Cảnh Vị Lai, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Kiến giải minh lượng các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Vị Lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1977] 5.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thần Túc Trí quá khứ ở Pháp Cảnh Vị Lai, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí v.v.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Cảnh Vị Lai đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, thường tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước v.v. Kiến giải minh lượng các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Vị Lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1978] 6.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Cảnh Hiện Tại ở Pháp Cảnh Vị Lai. Các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại ở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1979] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Cảnh Hiện Tại ở Pháp Cảnh Hiện Tại. Các Uẩn Hiện Tại ở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1980] 8.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Quá Khứ, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ ở Pháp Cảnh Hiện Tại, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v.

Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Cảnh Hiện Tại đã đoạn tận, phiền não đã ức chế v.v. thường tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Hiện Tại thể theo thực tướng là Vô

Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[1981] 9.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Vị Lai, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí Vị Lai ở Pháp Cảnh Hiện Tại, tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. Kiến giải minh lượng các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Hiện Tại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Vị Lai v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[1982] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thức Vô Biên Xứ Pháp Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Thần Túc Trí Quá Khứ ở Pháp Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Tha Tâm Trí v.v. thực hiện Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. thực hiện Tùy Nghiệp Thú Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1983] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thức Vô Biên Xứ vị lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Thực hiện Thần Túc Trí Vị Lai ở Pháp Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Tha Tâm Trí v.v. Thực hiện Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Thực hiện Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Thực hiện các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp cảnh vị lai thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1984] 3.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thần Túc Trí Vị Lai ở Pháp Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Tha Tâm Trí v.v. Thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Vị Lai thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1985] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thần Túc Trí Quá Khứ ở Pháp Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Tha Tâm Trí v.v. Thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện các Uẩn Quá khứ ở Pháp Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1986] 5.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[1987] 6.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thiên Nhãn Trí Pháp Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Thiên Nhĩ Giới Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Thần Túc Trí Quá Khứ ở Pháp Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Tha Tâm Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện các Uẩn Quá Khứ ở Pháp Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Quá Khứ thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[1988] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thiên Nhãn Trí Pháp Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Thiên Nhĩ Giới Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Thần Túc Trí Vị Lai ở Pháp Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định. Thực hiện các Uẩn Vị Lai ở Pháp Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Vị Lai thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[1989] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1990] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1991] 3.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1992] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1993] 5.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thần Túc Trí Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. Tha Tâm Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1994] 6.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Hiện Tại. Tâm Hữu Phần Pháp cảnh hiện tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[1995] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Quá Khứ v.v. Các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẳNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

**[1996]** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên tương tự với Vô Gián Duyên.

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.
## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[1997] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. Ngay cả ba Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[1998] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.** v.v.

Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupas sanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā),** Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** đối với Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā),** đối với Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānu passanā)** Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[1999] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2000] 3.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2001] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2002] 5.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2003] 6.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2004] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2005] 8.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2006] 9.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[2007] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Quá Khứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[2008] 2.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Vị Lai sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[2009] 3.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[2010] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2011] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2012] 3.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2013] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2014] 5.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2015] 6.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2016] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[2017] 8.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư

Tâm Sở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2018] 9.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 12. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v. 21. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2019]** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2020]** Trong Nhân Duyên có ba thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA) TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[2021] 1.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2022] 2.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2023] 3.** Pháp Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2024] 4.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2025] 5.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2026] 6.** Pháp Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2027] 7.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2028] 8.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2029] 9.** Pháp Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Cảnh Vị Lai với mãnh lực Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2030]** Trong Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ v.v. Trong tất cả Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## PHẦN NHÂN CĂN NGUYÊN (HETUMŪLAKANAYA)

**[2031]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. (Trong tất cả Duyên có ba thời kỳ) v.v. Trong Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA) VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN PHẦN PHI NHÂN CĂN NGUYÊN (NAHETUMŪLAKANAYA)

**[2032]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có chín thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có chín thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Cảnh Quá Khứ Thứ Mười Chín**

----------00000----------

## 20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA)

## GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA) PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA) 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2033] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân (**Ajjhattā Dhammā:** Pháp nội bộ, nội biên, nội diện, lý diện) nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[2034] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân (**Bahiddhā Dhammā:** Pháp ngoại bộ, ngoại biên, ngoại diện, biểu diện) nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2035] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[2036] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[2037] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[2038] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.
## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[2039] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[2040] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2041]** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. (Trong Tiền Sinh Duyên hoặc là trong Trùng Dụng Duyên, không có Tái Sinh). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên.Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2042]** Trong Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)

## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[2043] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển. Si mê câu hành hoài nghi, câu hạnh trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[2044] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2045] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

**[2046] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh nương nhờ các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân, Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.
## 8. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[2047] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. (tương tự với Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Tùng Duyên, không có khác biệt nhau).

Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[2048] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân. Trong sát na Tái Sinh (nên bổ túc cho hoàn bị). Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 9. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.
## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**[2049] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

**[2050] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v.

## 12. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)
## 13. PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

**[2051] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Sinh). Do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[2052] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

**[2053] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

**[2054] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

**[2055] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là v.v. nương nhờ Ngũ Thức v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[2056] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là v.v. câu hành Ngũ Thức v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA) v.v.
## 18. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[2057] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (tương tự với Phi Nhân Duyên, không có si mê). Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

**[2058] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

## 19. PHI VÔ HỮU DUYÊN (NONATTHIPACCAYA)
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2059]** Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. (Đây là việc đề cập đến một cách giản lược, trong tất cả Duyên có hai thời kỳ). Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2060]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm số lượng như thế này

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2061]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có năm thời kỳ. Nên tính đếm số lượng như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMANAYA)
## 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2062]** **1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh nên bổ túc cho hoàn bị. Ba

Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[2063] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2064] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan) tức là Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**[2065] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan) tức là Nhãn Thức nương nhờ Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2066] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên (bổ túc Sắc Tâm Cơ, tương tự với Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên, trong Giai Đoạn Câu Sinh nên bổ túc cho hoàn bị v.v. nương nhờ các Sắc Đại Hiển (nên thực hiện Ngũ Xứ **(Pañcāyatana)** và Sắc Tâm Cơ sinh phía sau Sắc Đại Hiển và các Uẩn). Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2067]** Trong Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[2068] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân v.v. sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương

nhờ Sắc Tâm Cơ. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Các Uẩn Vô Nhân Pháp Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và Sắc Tâm Cơ.

**[2069] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên (nên thực hiện cả Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla),** Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** và các Sắc Đại Hiển) tức là Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. các Uẩn Vô Nhân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử và nương nhờ Sắc Tâm Cơ v.v.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
## 14. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Cảnh Duyên. Do bởi Phi Trưởng Duyên (tương tự với Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (tương tự với Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (tương tự với Bất Tương Ưng Duyên trong Phần Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2070]** Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

# PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
# (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2071]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Thuận - Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2072]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**

Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Duyên Sinh. Giai Đoạn Hỗn Hòa hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng nên cho quảng nghĩa.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2073] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[2074] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2075] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v.

Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế, tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Thân, sắc v.v. xúc, Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Nhãn ấy v.v. tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh

sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2076] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là tha nhân kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Sắc Tâm Cơ v.v. ấy, tham ái thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Nội Bộ Bản Thân. Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Ngoại Bộ Bản thân v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản thân theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2077] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là tha nhân xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v.tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước, xuất khỏi Thiền Định v.v.

Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, xuất khỏi Quả v.v. tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, phiền não đã ức chế v.v. các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Tha nhân kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2078] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Tư khảo lại Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc

Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Ngoại Bộ Bản Thân. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[2079] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Xuất khỏi Thiền Định, thực hiện Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định v.v.

Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên v.v. tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[2080] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là tha nhân thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn…Sắc Tâm Cơ Pháp Nội Bộ Bản Thân…Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi khi thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[2081] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là tha nhân xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)**, thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện các Thiện Nghiệp Lực ấy đã từng tích lũy trong thời gian trước cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường tư khảo lại. Xuất khỏi Thiền Định v.v.

Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, thực hiện Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người thực hiện Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên.

**[2082] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là các Bậc Thánh Nhân thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người thực hiện Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ, các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi v.v. thường khởi sinh lên v.v. tà kiến thường khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[2083] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[2084] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân sinh trước trước, chỉ có khác biệt từ điểm ấy và có giải thích Phần **Pāḷi** ở phía trên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v. 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[2085] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự với Vô Gián Duyên) v.v. Làm duyên theo

phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện cho khởi sinh lên Thiền Định, thực hiện cho khởi sinh lên Minh Sát Tuệ, thực hiện cho khởi sinh lên Đạo, thực hiện cho khởi sinh lên Thắng Trí, thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Quý Tiết, Ẩm Thực, Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2086] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tha nhân cứ nương vào Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân rồi xả thí v.v. phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tha nhân cứ nương vào Giới Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2087] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là tha nhân cứ nương vào Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2088] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân rồi v.v. Trú Xứ xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn

kết. Tín Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[2089] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2090] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là tha nhân kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thính với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2091] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là tha nhân kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2092] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên

đối với Nhãn Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2093] 5.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Nhãn Xứ Pháp ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và Thân Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2094] 6.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Nhãn Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Thân Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[2095] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[2096] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[2097] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[2098] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn sinh trước trước v.v. (tương tự đích thị với Pháp Nội Bộ Bản Thân).

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[2099] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Nội Bộ Bản Thân và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2100] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và đối với các Sắc Tái Sinh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[2101] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[2102] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2103] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2104] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên [nên thực hiện Thời Kỳ Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Kỳ Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)**]. Đoàn Thực Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2105] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2106] 5.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2107] 6.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vật Thực Duyên.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[2108] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Nội Bộ Bản Thân (ngay cả Sắc Mạng Quyền Lực nên cho quảng nghĩa). Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh. [**Bậc Hữu Trí nên cho quảng nghĩa các câu Mẫu Đề **(Mātikā)]**.

**[2109] 2.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.** (Đây là việc đề cập đến một cách giản lược).

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[2210] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển...(Đây là việc đề cập đến một cách giản lược).

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. tương tự với Tiền Sinh Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân (sinh phía sau) và Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân này. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh v.v.

**[2111] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Tiền Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là tha nhân kiến giải minh lượng Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2112] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.** (Pháp Ngoại Bộ Bản Thân không có chi khác biệt. Các câu Mẫu Đề nên cho quảng nghĩa).

**[2113] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Tiền Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Nhãn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2114] 5.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Tiền Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và Nhãn Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và Thân Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Nội Bộ Bản Thân v.v. Xúc Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân

và Sắc Tâm Cơ Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2115] 6.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Tiền Sinh** và **Vật Thực.**

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Nhãn Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Nhãn Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Thân Xứ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thân Thức Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân và Sắc Tâm Cơ Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Về phần **Vật Thực Hiện Hữu Duyên** tức là Đoàn Thực Pháp Nội Bộ Bản Thân và Đòn Thực Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với sắc thân Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

## 22. VÔ HỮU DUYÊN (NATTHIPACCAYA) v.v.
## 24. BẤT LY DUYÊN DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2116]** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2117]** Trong Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có sáu thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu

Duyên có sáu thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có sáu thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này

**Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên**

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[2118] 1.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[2119] 2.** Pháp Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2120] 3.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[2121] 4.** Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2122] 5.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Nội Bộ Bản Thân…có hai thể loại đó là Tiền Sinh và Vật Thực.

**[2123] 6.** Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Ngoại Bộ Bản Thân…có hai thể loại đó là Tiền Sinh và Vật Thực.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2124]** Trong Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ. (Đây là việc đề cập đến một cách giản lược, trong tất cả các Duyên nên thực hiện thành sáu thời kỳ). Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ. Nên tính đếm theo bài này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2125]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ…Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. (Đây là việc đề cập đến một cách giản lược, trong tất cả các Duyên có hai thời kỳ). Trong Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2126]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ…Trong Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. (Nên thực hiện việc tính đếm câu trong Thuận Tùng Duyên, trong Bất Ly Duyên có sáu thời kỳ). Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Nội Bộ Thứ Hai Mươi**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ NỘI BỘ PHÁT THÚ

Câu Nội Bộ Bản Thân **(Ajjhatatapada)** và câu Ngoại Bộ Bản Thân **(Bahiddhā pada)** không lập ý lấy trong Tam Đề Nội Bộ. Quả thực, cả hai nhóm Pháp, là Pháp Nội Bộ Bản Thân và Pháp Ngoại Bộ Bản Thân thường không làm Năng Duyên và Sở Duyên một cách đồng nhất với nhau. Vì lý do ấy, bậc tu học nên hiểu biết là ngay cả màu sắc hạt rau cải ở trong lòng bàn tay thường không đồng cảnh sắc với lòng bàn tay.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Nội Bộ Phát Thú**

----------00000----------

## 21. TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ (AJJHATTĀRAMMAṆATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2127] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân **(Ajjhattārammaṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

**[2128] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân **(Bahiddhārammaṇā Dhammā)** nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.
### BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2129]** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2130]** Trong Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong tất cả Duyên có hai thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

### PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
### 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[2131] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

**[2132] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử.

## 2. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)
## 3. PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

**[2133] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (tương tự với Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Tùng Duyên không có khác biệt nhau). Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

**[2134] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 4. PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA)
## 5. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (tương tự với Câu Sinh Duyên).

## 6. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

**1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân.

**[2135] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân nương nhờ các Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân.

## 7. PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

**[2136]** v.v. nương nhờ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Sinh). Do bởi Phi Thiền Na Duyên v.v. tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân câu hành Ngũ Thức v.v.

**[2137]** v.v. nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân câu hành Ngũ Thức

v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (tương tự với Phi Nhân Duyên, không có si mê). Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v.

**[2138]** v.v. nương nhờ Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. nương nhờ một Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2139]** Trong Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2140]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2141]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên
### Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc Giai Đoạn Duyên Sinh, hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ, hoặc là Giai Đoạn Hỗn Hòa, hoặc Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2142] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng.

**[2143] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nhân Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2144] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. tư khảo lại Thần Túc Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân đã đoạn tận, phiền não đã ức chế, thường tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước v.v. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2145] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là tha nhân tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân v.v. tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Tha nhân tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. tư khảo lại Thần Túc Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự

tề toàn với Tâm Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2146] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là tha nhân tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân, Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí. Tha nhân kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân. Các Uẩn Pháp Ngoại Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2147] 4.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Người tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng tích lũy trong thời gian trước. Người xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, tư khảo lại phiền não đã ức chế v.v. thường tri đắc các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước v.v.

Người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. tư khảo lại Thần Túc Trí v.v. tư khảo lại Tha Tâm Trí v.v. tư khảo lại Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo lại Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. tư khảo lại Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Người kiến giải minh lượng các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo các Uẩn ấy, tham ái Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thường khởi sinh lên v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[2148] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Thức Vô Biên Xứ Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Thực hiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Thiên Nhãn Trí Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thực hiện Thần Túc Trí v.v. Thực hiện Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Thực hiện Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Thực hiện Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Người thực hiện các Uẩn Pháp nội bộ bản thân ở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thường khởi sinh lên...tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[2149] 2.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

**[2150] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposatha kamma)** rồi thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực ấy đã từng tích lũy trong thời gian trước v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo v.v. thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Thiên Nhãn Trí Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Thực hiện Thiên Nhĩ Giới Trí, Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tư khảo lại. Người thực hiện các Uẩn Pháp Nội Bộ Bản Thân ở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện các Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[2151] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[2152] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc đã xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[2153] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

**[2154] 4.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Tâm Khai Môn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Các Uẩn Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Sinh Xuất Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v. 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[2155] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2156] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2157] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là **Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2158] 4.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán, Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, đối với Khổ Đau Tùy Quán, đối với Vô Ngã Tùy Quán Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[2159] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[2160] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

**[2161] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển

Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 11. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[2162] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2163] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2164] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2165] 4.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## 12. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v. 21. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2166]** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2167]** Trong Nhân Duyên có hai thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ. (Đây là việc trình bày một cách giản lược, trong tất cả các Duyên có hai thời kỳ). Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[2168] 1.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2169] 2.** Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2170] 3.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2171] 4.** Pháp Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân làm duyên đối với Pháp Cảnh Nội Bộ Bản Thân theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2172]** Trong Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ (Đây là việc đề cập đến một cách giản lược, trong tất cả các Duyên có bốn thời kỳ). Trong Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi

Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ v.v. Trong Phi Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ. Nên tính đếm theo bài này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
## (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2173]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Phi Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. Trong tất cả các Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2174]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có bốn thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có ba thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có bốn thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v. Trong Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Cảnh Nội Bộ Thứ Hai Mươi Mốt**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ PHÁT THÚ

Ngay cả trong Tam Đề Cảnh Nội Bộ đây cũng thường không có được câu Cảnh Nội Bộ Bản Thân **(Ajjhatārammaṇātapada)** và câu Cảnh Ngoại Bộ Bản Thân **(Bahid dhārammaṇāpada)** tương tự câu nội bộ bản thân và câu Ngoại Bộ Bản Thân. Các lời nói còn lại đích thị thuận theo Chánh Tạng **Pāḷi.**

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Cảnh Nội Bộ Phát Thú**

----------00000----------

## 22. TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU (SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA)

### GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)
### PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2175] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu **(Anidassanasappaṭighā Dhammā:** Pháp không thấy được nhưng tiếp xúc được) nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, nương nhờ Xúc Xứ v.v.

**2.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu **(Sanidassanasappaṭighā Dhammā:** Pháp thấy được, tiếp xúc được) nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ.

**3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu **(Anidassanaappaṭighā Dhammā:** Pháp không thấy được, không tiếp xúc được) nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Thủy Giới **(Āpodhātu),** Sắc Quyền Lực **(Indriyarūpa)** v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ.

**4.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Sắc Xứ, Thủy Giới, Sắc Quyền Lực, Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ.

**5.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại

Hiển và Thủy Giới nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Thủy Giới, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ.

**6.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ.

**7.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Thủy Giới, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ.

**[2176] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ hai Uẩn.

Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới, Sắc Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới.

**9.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Xứ nương nhờ Thủy Giới.

**10.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Thủy Giới.

**11.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Xứ, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới

**12.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới.

**13.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Thủy Giới.

**14.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới.

**[2177] 15.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải

Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, các Sắc Đại Hiển và Thủy Giới. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**16.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**17.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Quyền Lực, Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**18.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ v.v. Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**19.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến

Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**20.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ, Nhãn Xứ, Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

**21.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới.

## 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2178] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[2179] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển.

Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. [Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 7) trong Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Căn Nguyên, không có câu cuối cùng **(Pariyosāna:** cùng tận, tận tế, viên thành)].

**[2180] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. [Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 8 – 14) trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên, không có câu kết thúc **(Niṭṭhāna:** kết thúc, hoàn tất, hoàn thành)].

**[2181] 9.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và Thủy Giới. [Với nguyên nhân này, ngay cả đây nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ 15 – 21)].

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)
## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANANTARAPACCAYA)

**[2182] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự với Cảnh Duyên).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

**[2183] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ, Sắc ngoại bộ v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 7) ở Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Căn Nguyên).

**[2184] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp

Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn thực nương nhờ Thủy Giới. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. (Với nguyên nhân này nên thực hiện thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 8 – 14) trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên).

**[2185] 15.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới. Sắc ngoại bộ... Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. [Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 15 – 21)].

## 7. HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[2186] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển.

**2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ hai Sắc Đại Hiển.

**[2187] 4.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, Các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ.

**5.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới.

**[2188] 6.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới.

## 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.
## 23. BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

**[2189]** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN

**[2190]** Trong Nhân Duyên có 21 thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có một Thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

### Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## 1. PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

**[2191] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. (Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 – 7) trong Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Căn Nguyên).

**[2192] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên có ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn, các Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Si mê câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử nương nhờ các Uẩn câu hành hoài nghi, câu hành trạo cử. (Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 8 – 14) trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên).

**[2193] 15.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh Vô Nhân, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Với nguyên nhân này, Bậc Hữu Trí nên thực hiện bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 15 – 21) cho quảng nghĩa.

## 2. PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2194] 1.** Phi Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển v.v. Với nguyên nhân này nên thực hiện bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 1 - 7) trong Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Căn Nguyên cho quảng nghĩa.

**[2195] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu. Sắc Tâm Cơ nương nhờ các Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Sắc Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Với nguyên nhân này nên thực hiện cả bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 8 – 14) trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên cho quảng nghĩa.

**[2196] 15.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Trong sát na Tái Sinh, Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới. Sắc ngoại bộ... Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Với nguyên nhân này, trong Hiệp Lực nên phân tích cả bảy thời kỳ (thời kỳ thứ 15 – 21).

## 3. PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v. 6. PHI HỖ TƯƠNG DUYÊN (NAAÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

**[2197] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (tương tự với Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi

Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Y Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển.

Với nguyên nhân này nên phân tích thành 21 thời kỳ.

## 7. PHI CẬN Y DUYÊN (NAUPANISSAYAPACCAYA) v.v.
## 10. PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

## 11. PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA) v.v.
## 14. PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

v.v. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển. Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu. Với chính đích thị Nghiệp Lực Duyên nên phân tích Nghiệp Lực Duyên rồi thực hiện thành 21 thời kỳ.

v.v. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên [không có Tái Sinh **(Paṭisandhi)** hoặc là Sắc Tái Sinh **(Kaṭattārūpa)** chỉ nên thực hiện trong Ngũ Uẩn Địa Giới **(Pañcavokāra bhūmi)**] v.v. Do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là Sắc ngoại bộ... Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Với nguyên nhân này nên phân tích 21 thời kỳ. v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ các Sắc Đại Hiển v.v. nên phân tích tất cả thời kỳ.

## 15. PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Sắc ngoại bộ...v.v. Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. nên phân tích cho hoàn bị bảy thời kỳ.

**[2198] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành

Ngũ Thức, nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ... Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu nương nhờ Thủy Giới. Với nguyên nhân này nên phân tích cho hoàn bị bảy thời kỳ.

**[2199] 3.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ v.v. Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu nương nhờ các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Thủy Giới. Nên phân tích cho hoàn bị cả bảy thời kỳ như thế này.

## 16. PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA) v.v.
## 20. PHI LY KHỨ DUYÊN (NOVIGATAPACCAYA)

Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên nên thực hiện cho tương tự với Phi Nhân Duyên, nên bổ túc cho hoàn bị, không có si mê.

Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, nên bổ túc cho hoàn bị. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN

**[2200]** Trong Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ v.v. Trong tất cả các Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ.

Nên tính đếm theo bài này.

## Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên

# PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
# (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2201]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ v.v. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2202]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có một thời kỳ...Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ v.v. Trong Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan**

Giai Đoạn Câu Sinh hoặc là Giai Đoạn Duyên Sinh, hoặc là Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với Giai Đoạn Liên Quan. Giai Đoạn Hỗn Hòa hoặc là Giai Đoạn Tương Ưng chỉ nên thực hiện trong Vô Sắc Địa Giới.

## GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)
## PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN (ANULOMANAYA)
### 1. NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

**[2203] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Nhân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nhân Duyên.

**[2204] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Nhân Duyên tức là các Nhân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. Với nguyên nhân này trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên nên phân tích thành bảy thời kỳ.

### 2. CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

**[2205] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã, thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì tư khảo Sắc ấy, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Các Uẩn Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2206] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Nhãn v.v. Thân v.v. thinh, khí, vị, xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức, Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

**[2207] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** rồi tư khảo lại Thiện Nghiệp Lực ấy. Tư khảo lại các Thiện Nghiệp Lực đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước. Xuất khỏi Thiền Định v.v. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo, tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Các Bậc Thánh Nhân tư khảo lại phiền não đã đoạn tận, rồi tư khảo lại phiền não đã ức chế, rồi tư khảo lại các phiền não đã từng khởi sinh lên trong thời gian trước v.v. Tư khảo lại Sắc Tâm Cơ v.v . Sắc Nam Quyền Lực, Sắc Nữ Quyền Lực, Sắc Mạng Quyền Lực, Thủy Giới, Đoàn Thực v.v. Tư khảo lại các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu.

Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Thần Túc Trí, đối với Tha Tâm Trí, đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, đối với Tùy Nghiệp Thú Trí, đối với Vị Lai Tiên Giác Trí, đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên.

## 3. TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

**[2208] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng**

**Duyên** tức là người thực hiện Sắc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Sắc ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[2209] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thực hiện Nhãn v.v. Thân, thinh, khí, vị v.v. xúc cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

**[2210] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Trưởng** và **Câu Sinh Trưởng.**

Về phần **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. thực hiện Thiện Nghiệp Lực ấy cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Xuất khỏi Thiền Định v.v. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả v.v. thực hiện Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thực hiện Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, đối với Dũ Tịnh, đối với Đạo, đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Người thực hiện Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Nữ Quyền Lực, Sắc Nam Quyền Lực, Sắc Mạng Quyền Lực, Thủy Giới, Đoàn Thực v.v. Thực hiện các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu cho thành Cảnh một cách kiên định rồi thường hỷ duyệt, thường tâm khoáng thần di mãnh liệt; vì thực hiện Sắc Tâm Cơ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định rồi tham ái thường khởi sinh lên, tà kiến thường khởi sinh lên.

Về phần **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên.

**[2211] 4.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trưởng Duyên.

Trong Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu Căn Nguyên nên phân tích Pháp Trưởng thành bảy thời kỳ với việc câu hành ba thể loại Sắc Pháp (câu hành vào trong Sắc Pháp).

## 4. VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

**[2212] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc,

Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm dyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên.

## 5. ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANANTARAPACCAYA)

**[2213] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (tương tự với Vô Gián Duyên).

## 6. CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v. 8. Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

**[2214] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Nên thực hiện cho hoàn hảo tương tự với Giai Đoạn Liên Quan. Trong Hỗ Tương Duyên tương tự với Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan. Trong Y Chỉ Duyên tương tự với Giai Đoạn Liên Quan.

## 9. CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

**[2215] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người có nguyện vọng thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)** thường xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v Sự thành tựu hảo sắc làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái, đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo và đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2216] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người có nguyện vọng thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** v.v. thành tựu về Thân **(Kāyasampatti)** v.v. thành tựu hảo thinh v.v nguyện vọng thành tựu hảo xúc rồi thường xả thí, tuân thủ giới luật v.v. thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. Người cứ nương vào Quý Tiết v.v. Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** v.v. dẫn đến cho khởi sinh lên Thiền Định, Minh Sát Tuệ, Đạo, Thắng Trí, Nhập Thiền Định v.v. sát tử hữu tình v.v. thực hiện việc pháp hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Sự thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** v.v. sự thành tựu hảo xúc v.v. Quý Tiết v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ, đối với tham ái v.v. đối với sự dục vọng, đối với Thân Thọ Lạc, đối

với Thân Thọ Khổ, đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

**[2217] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y, Vô Gián Cận Y** và **Thường Cận Y.**

v.v. Về phần **Thường Cận Y Duyên** tức là người cứ nương vào Tín rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì thanh tịnh nghiệp lực **(Uposathakamma)** dẫn đến Thiền Định... việc Nhập Thiền Định...phát khởi ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người cứ nương vào Giới v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ v.v. Ẩm Thực rồi xả thí v.v. thực hiện việc phá hòa hợp Tăng Đoàn cho bất đoàn kết. Các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. Tín v.v. Tuệ, tham ái v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ.. Ẩm Thực làm duyên đối với Tín v.v. đối với Tuệ v.v. đối với Đạo, đối với việc Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên.

## 10. TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

**[2218] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2219] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là tư khảo lại Nhãn v.v. Thân...thinh v.v. xúc...thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Người thính văn cảnh thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2220] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh.**

Về phần **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là tư khảo lại Sắc Tâm Cơ...Sắc Nữ Quyền Lực, Sắc Nam Quyền Lực, Sắc Mạng Quyền Lực, Thủy Giới, Đoàn Thực...thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên.

Về phần **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2221] 4.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có

hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2222] 5.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** tức là Nhãn Xứ và Sắc Tâm Cơ v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2223] 6.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là **Cảnh Tiền Sinh** và **Vật Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

## 11. HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

**[2224] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

**[2225] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

Nên phân tích thành bảy thời kỳ như thế này, có ba thể loại Sắc câu hành.

## 12. TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

**[2226] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh trước trước làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

## 13. NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

**[2227] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

**[2228] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Dị Thời.**

Về phần **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Về phần **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Với nguyên nhân này, nên phân tích Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên, Dị Thời Nghiệp Lực Duyên cho thành bảy thời kỳ như thế này, có ba thể loại Sắc câu hành.

## 14. DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

**[2229] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với ba Uẩn và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh, một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

**[2230] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là các Uẩn Dị Thục Quả Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, bảy thời kỳ nên cho quảng nghĩa như thế này, cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Sinh **(Paṭisandhikāla).**

## 15. VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

**[2231] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Kiến Giải

Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Vật Thực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu này theo phương thức Vật Thực Duyên.

**[2232] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên tức là các Vật Thực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Vật Thực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Vật Thực Duyên.

Nên phân tích cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Sinh **(Paṭisandhikāla)** thành bảy thời kỳ như thế này, và nên thực hiện Đoàn Thực trong cả bảy thời kỳ.

## 16. QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

**[2233] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[2234] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Quyền Lực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Uẩn tương ưng và đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[2235] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là các Quyền Lực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Quyền Lực Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiế Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nên phân tích cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavatti kāla)** và Thời Gian Tái Sinh

**(Paṭisandhikāla)** thành bảy thời kỳ như thế này. Nên bổ túc Sắc Mạng Quyền Lực trong đoạn cuối.

**[2236] 4.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực và Nhãn Thức làm duyên đối với các Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền Lực và Thân Thức làm duyên đối với các Uẩn câu hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên.

## 17. THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.
## 19. TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

**[2237] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v.

## 20. BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

**[2238] 1.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[2239] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là **Câu Sinh, Tiền Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Các Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

**[2240] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Hậu Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Sinh, các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Về phần **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Nên thực hiện cả năm thời kỳ còn lại cho quảng nghĩa như thế này.

Nên thực hiện Câu Sinh và Hậu Sinh cho quảng nghĩa.

## 21. HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

**[2241] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Khán kiến cảnh sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2242] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và đối với các Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Xúc Xứ làm duyên đối với Nhãn Xứ v.v. đối với Vị Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Các Sắc Đại Hiển ở phần Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ làm duyên đối với các Sắc Y Sinh Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v.

**[2243] 3.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên tương tự với Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan.

**[2244] 4.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Sắc Đại Hiển Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và đối với Sắc Tái Sinh ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nên cho quảng nghĩa suốt đến các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân...thinh v.v. xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Bốn thời kỳ còn lại nên cho quảng nghĩa tương tự với Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan và không có điều chi khác biệt.

**[2245] 8.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là **Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực** và **Quyền Lực.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là một Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với ba Uẩn và đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Sinh v.v. Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. và Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Quyền Lực và Đoàn Thực theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc ngoại bộ...Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ...Sắc Quý Tiết Xuất Sinh Xứ...

Còn các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Thủy Giới làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ...Sắc Nữ Quyền Lực, Sắc Nam Quyền Lực, Sắc Mạng Quyền Lực, Thủy Giới...Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ thường khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Vê phần **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với các Sắc Tái Sinh Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nên phân tích sáu thời kỳ (thời kỳ thứ 9 – 14) còn lại như thế này; nên bổ túc Câu Sinh, Hậu Sinh, Vật Thực và Quyền Lực vào cùng.

**[2246] 15.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên,

chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2247] 16.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Sinh v.v. nên thực hiện suốt đến các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

**[2248] 17.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v.

**[2249] 18.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh.**

Về phần **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu và các Sắc Đại Hiển làm duyên đối với các Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. nên phân tích đi đến các Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.

Về phần **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Nhãn Xứ và Sắc Tâm Cơ v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với các Uẩn Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nên phân tích thời kỳ còn lại (thời kỳ thứ 18 – 23).

**[2250] 24.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, chỉ có một thể loại đó là **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

**[2251] 25.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là **Câu Sinh** và **Tiền Sinh** tức là Sắc Xứ, Nhãn Xứ và Nhãn Thức làm duyên đối với các Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên, Bất Ly Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên.

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN TÙNG DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[2252]** Trong Nhân Duyên có bảy thời kỳ. Trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ. Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong

Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 25 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 25 thời kỳ.

## NHÂN TẤU HỢP (HETUSABHĀGA)

**[2253]** Do bởi Nhân Duyên trong Trưởng Duyên có bảy thời kỳ...Trong Câu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

## NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ)

**[2254]** Năm Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Bảy Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Sáu Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Bảy Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Tám Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Bảy Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Tám Duyên đó là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm thời kỳ sẽ nên tính đếm tất cả như thế này.

## Kết Thúc Phần Thuận Tùng Duyên

## PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCANĪYANAYA)
## TUYỂN BẠT DUYÊN TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH

**[2255] 1.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**[2256] 2.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**3.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**4.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

**5.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**6.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**7.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**8.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[2257] 9.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Cảnh Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**10.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**11.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**12.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**13.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**14.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**15.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**16.** Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hậu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên.

**[2258] 17.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. chỉ có một thể loại đó là Tiền Sinh.

**[2259] 18.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**19.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**20.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. có hai thể loại đó là Câu Sinh và Tiền Sinh.

**21.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**22.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**23.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**24.** Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên.

**[2260] 25.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu v.v. chỉ có một thể loại đó là Tiền Sinh.

**[2261] 26.** Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu và Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu làm duyên đối với Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Tiền Sinh Duyên

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN PHẦN THUẦN TỊNH CĂN NGUYÊN (SUDDHAMŪLAKANAYA)

**[2262]** Trong Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Trưởng Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Trùng Dụng Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Nghiệp Lực Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Dị Thục Quả Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Vật Thực Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Quyền Lực Duyên có 23 thời kỳ. Trong Phi Thiền Na Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Đồ Đạo Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 24 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 25 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

## PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUMŪLAKANAYA)

**[2263]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.

Có sự giải thích nội dung theo Phần Chánh Tạng **Pāḷi** ở đoạn trên...trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

## PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIMŪLAKANAYA)

**[2264]** Do bởi Phi Nhân Duyên, do bởi Phi Cảnh Duyên trong Phi Trưởng Duyên có 22 thời kỳ...Trong Phi Vô Gián Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có

22 thời kỳ. Trong Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có 21 thời kỳ. Trong Phi Tiền Sinh Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có 22 thời kỳ v.v. Trong Phi Tương Ưng Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có 22 thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Đối Nghịch Duyên**

## PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (ANULOMAPACCANĪYANAYA)

### VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN THUẬN – NGHỊCH DUYÊN

**[2265]** Do bởi Nhân Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ...Trong Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ v.v. trong mỗi Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

### NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ)

**[2266]** Do bởi năm Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v. Trong Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ v.v. trong mỗi Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ. Trong Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

**[2267]** Do bởi sáu Duyên là Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên, Bất Ly Duyên trong Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ. Trong tất cả các Duyên có một thời kỳ...Trong Phi Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Phi Bất Ly Duyên có một thời kỳ. Nên tính đếm như thế này.

**Kết Thúc Phần Thuận – Nghịch Duyên**

## PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

## (PACCANĪYĀNULOMANAYA)

## VIỆC TÍNH ĐẾM THỜI KỲ TRONG PHẦN NGHỊCH – THUẬN DUYÊN

**[2268]** Do bởi Phi Nhân Duyên trong Cảnh Duyên có ba thời kỳ...Trong Trưởng Duyên có chín thời kỳ. Trong Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ. Trong Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ. Trong Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ. Trong Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ. Trong Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Trong Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ. Trong Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ. Trong Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ. Trong Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ. Trong Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ. Trong Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ. Trong Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ. Trong Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ. Trong Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ. Trong Hiện Hữu Duyên có 25 thời kỳ. Trong Vô Hữu Duyên có một thời kỳ. Trong Ly Khứ Duyên có một thời kỳ. Trong Bất Ly Duyên có 25 thời kỳ.

**Kết Thúc Phần Nghịch – Thuận Duyên**
**Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề**
**Kết Thúc Tam Đề Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Thứ Hai Mươi Hai**
**Kết Thúc Pháp Thuận Tùng Tam Đề Phát Thú Cuối Cùng**

## GIẢI THÍCH NỘI DUNG TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU PHÁT THÚ

Ngay cả trong Tam Đề Hữu Kiến Giải đây, bậc tu học nên tiếp thâu nội dung Chánh Tạng **Pāḷi** tương tự nhau. Cũng trong Tam Đề này, bậc tu học nên thấu hiểu phương pháp tính đếm các thời kỳ một cách giản lược trong Chánh Tạng **Pāḷi,** và tỷ giảo trong các Duyên với nhau đích thị thuận theo Phần đã đề cập ở phía trước.

**Kết Thúc Giải Thích Nội Dung Tam Đề Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu Phát Thú**

----------00000----------

# PHỤ LỤC

## 22 MẪU ĐỀ TAM (TIKAMĀTIKĀ 22)

### 1. KUSALATIKA: TAM ĐỀ THIỆN

**Kusalā Dhammā:** Chư Pháp Thiện.
**Akusalā Dhammā:** Chư Pháp Bất Thiện.
**Abyākatā Dhammā:** Chư Pháp Vô Ký.

### 2. VEDANĀTIKA: TAM ĐỀ THỌ

**Sukhāya Vedanāya Sampayuttā Dhammā:** Chư Pháp Tương Ưng Lạc Thọ.
**Dukkāya Vedanāya Sampayuttā Dhammā:** Chư Pháp Tương Ưng Khổ Thọ.
**Adukkhamasukhāya Vedanāya Sampayuttā Dhammā:** Chư Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

### 3. VIPĀKATIKA: TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

**Vipākā Dhammā:** Chư Pháp Dị Thục Quả.
**Vipākadhammā Dhammā:** Chư Pháp Dị Thục Nhân, Pháp Thực Tính Tác Nhân **(Hetu)** cho sinh Dị Thục Quả.
**Nevavipākanavipākadhammā Dhammā:** Chư Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Dị Thục Nhân, Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả **(Vipāka)** và không là Tác Nhân **(Hetu)** cho sinh Dị Thục Quả.

### 4. UPĀDINNATIKA: TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ

**Upādinnupādāniyā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục **(Taṅhā)** và chấp thủ Tà Kiến **(Diṭṭhi)** và tác thành Cảnh Thủ **(Upādāna).**
**Anupādinnapādāniyā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ.
**Anupādinnaanupādāniyā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ.

### 5. SAṄKILIṬṬHATIKA: TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM

**Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não.
**Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não.
**Asaṅkiliṭṭhaasaṅkilesikā Dhammā:** Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não.

## 6. VITAKKATIKA: TAM ĐỀ TẦM

**Savitakkavicārā Dhammā:** Chư Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Chư Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ.

**Avitakkavicāramattā Dhammā:** Chư Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, Chư Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ.

**Avitakkaavicārā Dhammā:** Chư Pháp Vô Tầm Vô Tứ, Chư Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ.

## 7. PĪTITIKA: TAM ĐỀ HỶ

**Pītisahagatā Dhammā:** Chư Pháp Câu Hành Hỷ.

**Sukhasahagatā Dhammā:** Chư Pháp Câu Hành Lạc.

**Upekkhāsahagatā Dhammā:** Chư Pháp Câu Hành Xả.

## 8. DASSANENAPAHĀTABBATATIKA: TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ

**Dassanenapahātabbā Dhammā:** Chư Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.

**Bhāvanāyapahātabbā Dhammā:** Chư Pháp Tu Tập Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ.

**Nevadassanenanabhāvanāyapahātabbā Dhammā:** Chư Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ.

## 9. DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA: TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN

**Dassanenapahātabbahetukā Dhammā:** Chư Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.

**Bhāvanāyapahātabbahetukā Dhammā:** Chư Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ.

**Nevadassanenanabhāvanāyapahātabbahetukā Dhammā:** Chư Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ.

## 10. ĀCAYAGĀMITIKA: TAM ĐỀ TẠO THÀNH TÍCH LŨY

**Ācayagāmino Dhammā:** Chư Pháp Tạo Thành Tích Lũy, Chư Pháp dẫn đến sự tích lũy phiền não, Chư Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong.

**Apacayagāmino Dhammā:** Chư Pháp Tạo Thành Giảm Thiểu, Chư Pháp không dẫn đến sự tích lũy phiền não, Chư Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn.

**Nevācayagāmināpacayagāmino Dhammā:** Chư Pháp Phi Tạo Thành Tích Lũy Phi Tạo Thành Giảm Thiểu, Chư Pháp cũng chẳng phải dẫn đến sự tích lũy phiền não cũng chẳng phải không dẫn đến sự tích lũy phiền não, Chư Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn.

### 11. SEKKHATIKA: TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC

**Sekkhā Dhammā:** Chư Pháp Bậc Hữu Học, Chư Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học.
**Asekkhā Dhammā:** Chư Pháp Bậc Vô Học, Chư Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học.
**Nevasekkhānāsekkhā Dhammā:** Chư Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học, Chư Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học.

### 12. PARITTATIKA: TAM ĐỀ HY THIỂU

**Parittā Dhammā:** Chư Pháp Hy Thiểu, Chư Pháp Thực Tính Hy Thiểu.
**Mahaggatā Dhammā:** Chư Pháp Đáo Đại, Chư Pháp Thực Tính Đáo Đại.
**Appamāṇā Dhammā:** Chư Pháp Vô Lượng, Chư Pháp Thực Tính Vô Lượng.

### 13. PARITTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

**Parittārammaṇā dhammā:** Chư Pháp Cảnh Hy Thiểu, Chư Pháp có cảnh thiểu lượng.
**Mahaggatārammaṇā dhammā:** Chư Pháp Cảnh Đáo Đại, Chư Pháp có cảnh bàng đại.
**Appamāṇārammaṇā dhammā:** Chư Pháp Cảnh Vô Lượng, Chư Pháp có cảnh bất cô lượng.

### 14. HĪNATIKA: TAM ĐỀ TẦNG HẠ TIỆN

**Hīnā dhammā:** Chư Pháp Tầng Hạ Tiện **[**Chư Pháp tầng ty liệt, ty tiện, ty bỉ, hạ tiện = **Akusala Dhammā:** Pháp Bát Thiện**],** Chư Pháp Thực Tính tầng hạ tiện.
**Majjhimā dhammā:** Chư Pháp Tầng Trung Bình **[**Chư Pháp trung đẳng, thích trung; là Pháp Thiện **(Kusalā Dhammā)** và Pháp Vô Ký **(Abyākatā Dhammā)** vẫn còn Lậu Hoặc **(Āsava)],** Chư Pháp Thực Tính tầng trung bình.
**Paṇītā dhammā:** Chư Pháp Tầng Tinh Lương **[**Chư Pháp tầng tinh lương, tinh mỹ, tinh trí; là Pháp Siêu Thế **(Lokuttarā Dhammā)],** Chư Pháp Thực Tính tầng tinh lương.

### 15. MICCHATTANIYATATIKA: TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT ĐỊNH QUẢ BÁO

**Micchattaniyatā Dhammā:** Chư Pháp Thố Ngộ Tất Định Quả Báo, Chư Pháp Thực Tính phía sai lầm và cho quả báo nhất định.
**Sammattaniyatā Dhammā:** Chư Pháp Tỉnh Ngộ Tất Định Quả Báo, Chư Pháp Thực Tính phía chính xác và cho quả báo nhất định
**Aniyatā Dhammā:** Chư Pháp Bất Định, Chư Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống, Chư Pháp cho quả báo không nhất định.

## 16. MAGGĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH

**Maggārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Đạo Cảnh, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh.

**Maggahetukā Dhammā:** Chư Pháp Đạo Nhân, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân.

**Maggādhipatino Dhammā:** Chư Pháp Đạo Trưởng, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng.

## 17. UPPANNATIKA: TAM ĐỀ KHỞI SINH

**Uppannā Dhammā:** Chư Pháp Đã Khởi Sinh, Chư Pháp Thực Tính đã khởi sinh lên

**Anuppannā Dhammā:** Chư Pháp Vẫn Chưa Khởi Sinh, Chư Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh lên.

**Uppādino Dhammā:** Chư Pháp Sẽ Khởi Sinh, Chư Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên.

## 18. ATĪTATIKA: TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

**Atītā Dhammā:** Chư Pháp Quá Khứ, Chư Pháp Thực Tính ở thời quá khứ.

**Anāgatā Dhammā:** Chư Pháp Vị Lai, Chư Pháp Thực Tính ở thời vị lai.

**Paccuppannā Dhammā:** Chư Pháp Hiện Tại, Chư Pháp Thực Tính ở thời hiện tại.

## 19. ATĪTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

**Atītārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Quá Khứ, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh quá khứ.

**Anāgatārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Vị Lai, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh vị lai.

**Paccuppannārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Hiện Tại, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh hiện tại.

## 20. AJJHATTATIKA: TAM ĐỀ NỘI BỘ

**Ajjhattā Dhammā:** Chư Pháp Nội Bộ, Chư Pháp Thực Tính nội bộ, nội biên, nội diện, lý diện.

**Bahiddhā Dhammā:** Chư Pháp Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính ngoại bộ, ngoại biên, ngoại diện, biểu diện.

**Ajjhattabahiddhā Dhammā:** Chư Pháp Nội Bộ - Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân.

## 21. AJJHATTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

**Ajjhattārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Nội Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân.

**Bahiddhārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân.

**Ajjhattabahiddhārammaṇā Dhammā:** Chư Pháp Cảnh Nội Bộ - Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân.

## 22. SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA: TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU

**Sanidassanasappaṭighā Dhammā:** Chư Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được.

**Anidassanasappaṭighā Dhammā:** Chư Pháp Vô Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được.

**Anidassanaappaṭighā Dhammā:** Chư Pháp Vô Kiến Giải Vô Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được.

----------00000----------

## TỰ MẪU K

**Kataññūkatavedī:** Báo Đáp Ân Đức
**Kaṭattārūpa:** Sắc Tái Tục
**Kabaḷiṅkārāhāra:** Đoàn Thực
**Karuṇā:** Bi Mẫn
**Kalalarūpa:** Sắc Chủng Tử
**Kattukamyatāchanda:** Tưởng Tác Dục
**Kammajarūpa:** Sắc Nghiệp
**Kammapaccaya:** Nghiệp Lực Duyên
**Kammapatha:** Nghiệp Lực Đạo Lộ
**Kammaṭṭhāna:** Nghiệp Xứ
**Kāmabhava:** Dục Hữu, Dục Giới Hữu
**Kāmāvacarakiriyā:** Duy Tác Dục Địa Giới
**Kāmāvacarakusala:** Thiện Dục Địa Giới
**Kāmāvacarakusalacetanā:** Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới
**Kāmāvacarabhūmi:** Dục Địa Giới, Cõi Dục Giới
**Kāmāvacaravipāka:** Dị Thục Quả Dục Địa Giới
**Kāmāvacaravipākahetu:** Nhân Dị Thục Quả Dục Địa Giới
**Kāmesumicchācāra:** Tính Dục Tà Hạnh
**Kālavimutti:** Ngoại Thời
**Kālapaṭipakkhayuga:** Bất Đồng Thời
**Kāya:** Sắc Thân
**Kāyapassaddhi:** Thân Bình Tịnh
**Kāyaviññāṇa:** Thân Thức
**Kāyāyatana:** Thân Xứ
**Kāyikadukkha:** Thân Thọ Khổ
**Kāyikasukha:** Thân Thọ Lạc
**Kāyindrīya:** Thân Quyền Lực
**Kāraṇa:** Nguyên Nhân
**Kiriyā:** Duy Tác
**Kiriyākhandha:** Uẩn Duy Tác
**Kiriyācitta:** Tâm Duy Tác
**Kiriyājavana:** Đổng Lực Duy Tác
**Kiriyājāti:** Giống Duy Tác, Chủng Loại Duy Tác
**Kiriyāñāṇasampayutta:** Duy Tác Tương Ưng Trí

**Kiriyābyākatakhandha:** Uẩn Vô Ký Duy Tác
**Kiriyābyākata:** Vô Ký Duy Tác
**Kiriyāmanodhātu:** Ý Giới Duy Tác
**Kiriyāhetu:** Nhân Duy Tác
**Kukkucca:** Hối Hận, Yếm Ố, Yếm Phiền, Tâm Phiền
**Kusalakhandha:** Uẩn Thiện
**Kusalacetanā:** Tư Tâm Sở Thiện
**Kusalajavanavithī:** Lộ Trình Đổng Lực Thiện
**Kusalajavana:** Đổng Lực Thiện
**Kusalajāti:** Giống Thiện, Chủng Loại Thiện
**Kusaladhamma:** Thiện Pháp, Pháp Thiện
**Kusalabyākata:** Vô Ký Thiện
**Kusalavipāka:** Dị Thục Quả Thiện
**Kusalahetu:** Nhân Thiện
**Kusalajavana:** Đổng Lực Thiện
**Kusalañāṇasampayutta:** Thiện Tương Ưng Trí
**Kusalatika:** Tam Đề Thiện
**Kosajja:** Giải Đãi, Lại Nọa
**Koṭikappa:** Mười Triệu Kiếp

## TỰ MẪU G - KH – GH

**Khandaka:** Đoạn Văn
**Geyya:** Thi Tập
**Gāthā:** Thi Thư, Kệ Ngôn
**Gandhāyatana:** Khí Xứ
**Gandhārammaṇa:** Khí Cảnh, Cảnh Khí
**Guṇasamapatti:** Ân Đức Phẩm Vị
**Guṇajāti:** Chủng Đức
**Gotrabhū:** Chuyển Tộc
**Gotrabhūkusala:** Chuyển Tộc Thiện
**Ghaṭanā:** Hiệp Lực
**Ghānaviññāṇa:** Tỷ Thức
**Ghānaviññāṇadhātu:** Tỷ Thức Giới
**Ghāna:** Tỷ, Lỗ Mũi
**Ghānāyatana:** Tỷ Xứ
**Ghānindriya:** Tỷ Quyền

## TỰ MẪU C

**Catukkapaṭṭhāna:** Bộ Tứ Phát Thú
**Catutthajhāna:** Tứ Thiền
**Catumūlakanaya:** Phần Tứ Căn Nguyên
**Catuvokārabhava:** Tứ Uẩn Hữu, Cõi Giới Tứ Uẩn
**Cakkhvāyatana:** Nhãn Xứ
**Cakkhāyatana:** Nhãn Xứ
**Cakkhundriya:** Nhãn Quyền
**Cakkhupasāda:** Nhãn Thanh Triệt
**Cakkhuviññāṇa:** Nhãn Thức
**Cakkhuviññāṇacitta:** Tâm Nhãn Thức
**Cakkhuviññāṇadhātu:** Nhãn Thức Giới
**Cāga:** Thí
**Cātumahārājikā:** Tứ Đại Thiên Vương
**Cittacetasika:** Tâm – Tâm Sở
**Cittajarūpa:** Sắc Tâm
**Cittasamuṭṭhānarūpa:** Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ
**Citta:** Tâm
**Cittekaggatā:** Nhất Tâm
**Cuticitta:** Tâm Tử
**Cūḷavedalla:** Tiểu Phương Quảng
**Cuddasakamūlakanaya:** Phần Thập Tứ Căn Nguyên
**Cetanā:** Tư Tâm Sở
**Cetanākamma:** Tư Tâm Sở Nghiệp Lực
**Cetanādhamma:** Pháp Tư Tâm Sở
**Cetanāhāra:** Tư Thực
**Cetasika:** Tâm Sở
**Cetasikadhamma:** Pháp Tâm Sở
**Cetopariyañāṇa:** Tha Tâm Trí

## TỰ MẪU CH – J

**Chamūkanaya:** Phần Lục Căn Nguyên
**Chanda:** Dục
**Chandādhipati:** Dục Trưởng
**Janakapaccaya:** Xuất Sinh Duyên
**Javana:** Đổng Lực
**Jayamaṅgala:** Hảo Vận Khí Kiết Tường
**Jātaka:** Kinh Bổn Sinh, Túc Sinh Truyện

**Jivhā:** Thiệt, Lưỡi
**Jivhāyatana:** Thiệt Xứ
**Jivhāviññāṇa:** Thiệt Thức
**Jivhāviññāṇadhātu:** Thiệt Thức Giới
**Jivhindriya:** Thiệt Quyền

## TỰ MẪU JH – Ñ

**Jhānapaccaya:** Thiền Na Duyên
**Ñāṇavippayutta:** Bất Tương Ưng Trí
**Ñāṇasampayutta:** Tương Ưng Trí
**Ñeyyadhamma:** Chánh Giáo Nghĩa Pháp

## TỰ MẪU ṬH

**Ṭīkā:** Phụ Chú Giải
**Ṭhāna:** Xứ, Vị Trí
**Ṭhitarūpa:** Sắc Trụ
**Ṭhitikhaṇa:** Sát Na Trụ

## TỰ MẪU T – TH

**Tatiyajhāna:** Tam Thiền
**Tadārammaṇacitta:** Tâm Na Cảnh
**Tadārammaṇa:** Na Cảnh
**Tattramajjhattatā:** Trung Gian
**Tikatikapaṭṭhāna:** Tam Đề Tam Đề Phát Thú
**Tikapaṭṭhāna:** Tam Đề Phát Thú
**Tika:** Tam, Ba
**Tipiṭaka:** Tam Tạng
**Timūlakanaya:** Phần Tam Căn Nguyên
**Tiratanānubhāva:** Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo
**Tihetukakāmāvacaravipāka:** Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân
**Tihetuka:** Tam Nhân
**Terasamūlakanaya:** Phần Thập Tam Căn Nguyên
**Tevīsatimūlakanaya:** Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên
**Theragāthā:** Trưởng Lão Tăng Kệ
**Therīgāthā:** Trưởng Lão Ni Kệ
**Thīna:** Hôn Trầm

## TỰ MẪU D

**Dānapāramī:** Xả Thí Toàn Thiện, Xả Thí Ba La Mật
**Dvādasamūlakanaya:** Phần Thập Nhị Căn Nguyên
**Dvāvīsatimūlakanaya:** Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên
**Dvipañcaviññāṇacitta:** Tâm Ngũ Song Thức
**Dasamūlakanaya:** Phần Thập Căn Nguyên
**Diṭṭhi:** Kiến
**Diṭṭhisāmaññatā:** Kiến Giải Bình Hằng
**Dibbacakkhu:** Thiên Nhãn
**Dibbasotadhātu:** Thiên Nhĩ Giới
**Dukkhavedanā:** Khổ Thọ
**Dukkhaṃ:** Khổ Đau
**Dukatikapaṭṭhāna:** Nhị Đề Tam Đề Phát Thú
**Dukapaṭṭhāna:** Nhị Đề Phát Thú
**Dukamātikā:** Mẫu Đề Nhị
**Dukamūlakanaya:** Phần Nhị Căn Nguyên
**DukamūlaEkaavasāna:** Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
**Dutiyajhāna:** Nhị Thiền
**Duhetukavipāka:** Dị Thục Quả Nhị Nhân
**Desanā:** Thuyết Giáo
**Desanāvilāsa:** Thuyết Giáo Hoàn Hảo
**Domanassa:** Ưu Thọ
**Dosa:** Sân Hận

## TỰ MẪU DH

**Dhammajāti:** Pháp Chủng
**Dhammānubhava:** Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo
**Dhammadāna:** Pháp Thí
**Dhammasaṅgaṇīpakaraṇa:** Kinh Pháp Tụ
**Dhammasaṅgāhakācāriya:** Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng
**Dhammasenāpati:** Đức Pháp Vương, Pháp Tướng, Nghĩa Sư Chi Trưởng
**Dhammapaṭisambhidā:** Pháp Vô Ngại Giải
**Dhammapaccanīya:** Pháp Đối Nghịch
**Dhammapada:** Kinh Pháp Cú
**Dhammavinaya:** Pháp Luật
**Dhammānuloma:** Pháp Thuận Tùng

**Dhammānulomapaccanīyapaṭṭhāna:** Pháp Thuận – Nghịch Phát Thú
**Dhammārammaṇa:** Cảnh Pháp
**Dhūtaṅga:** Tu Hành Đầu Đà, Khổ Hành Điều Tiết Dục

## TỰ MẪU N

**Navamūlakanaya:** Phần Cửu Căn Nguyên
**NaHetupaccaya:** Phi Nhân Duyên
**NaĀrammaṇadhamma:** Pháp Phi Cảnh
**Natthipaccaya:** Vô Hữu Duyên
**Nānākhaṇikakammapaccaya:** Dị Thời Nghiệp Lực Duyên
**Nānākhaṇika:** Sát Na Dị Biệt
**Nāmarūpa:** Danh Sắc
**NāmaĀhāra:** Danh Vật Thực
**NāmaIndriya:** Danh Quyền Lực
**Nikāya:** Tông Phái
**Niddesa:** Xiển Minh
**Nipphannarūpa:** Sắc Thành Sở Tác
**Nibbāna:** Níp Bàn
**Niyatamicchādiṭṭhi:** Chuẩn Xác Tà Kiến
**Nirutti:** Ngôn Ngữ
**Niruttipaṭisambhidā:** Từ Vô Ngại Giải
**Nirodhakhaṇa:** Sát Na Diệt
**Nissayapaccaya:** Y Chỉ Duyên
**Nissayavāra:** Giai Đoạn Y Chỉ
**Nissaya:** Y Chỉ
**Nevasaññānāsaññāyatanakiriyā:** Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
**Nevasaññānāsaññāyatanakusala:** Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
**Nevasaññānāsaññāyatana:** Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

## TỰ MẪU P

**Paribbājikā:** Nữ Du Sĩ Ngoại Đạo
**Parikamma:** Chuẩn Bị
**Parivāra:** Tập Yếu
**Puññakiriyāvatthu:** Phúc Hành Tông
**Puñña Kamma:** Phước Báu Nghiệp Lực
**Pubbenivāsānusatiñāṇa:** Túc Mạng Tùy Niệm Trí
**Pañcakhandha:** Ngũ Uẩn

**Pañcapakaraṇaṭṭhakathā:** Chú Giải Ngũ Bộ Kinh
**Pakatūpanissayapaccaya:** Thường Cận Y Duyên
**Pakatūpanissaya:** Thường Cận Y
**Pakiṇṇakaghaṭanā:** Linh Tinh Hiệp Lực
**Paṭiccavāra:** Giai Đoạn Liên Quan
**Paṭicca:** Liên Quan
**Paṭighāta:** Bài Xích Lực (Thanh Trừ)
**Paṭipuggala:** Đối Đẳng Nhân
**Paṭibhāga:** Đối Ứng
**Paṭibhāṇapaṭisambhidā:** Biện Vô Ngại Giải
**Paṭisandhi:** Tái Tục
**Paṭisandhicitta:** Tâm Tái Tục
**Paṭisandhikāla:** Thời Kỳ Tái Tục
**Paṭisandhikhaṇa:** Sát Na Tái Tục
**Paṭisandhiviññāṇa:** Thức Tái Tục
**Paṭisandhivipāka:** Dị Thục Quả Tái Tục
**Paṭisedha:** Phủ Định, Phủ Nhận
**Paṭhamajhāna:** Sơ Thiền
**Pabhava:** Khởi Nguyên, Hữu Nhân, Nguyên Thủy
**Parikappapucchā:** Quyết Tâm Thẩm Vấn
**Paricāgadāna:** Hiến Cấp Thí
**Paribhogakāma:** Việc Thụ Hưởng Tính Dục
**Pavattikāla:** Thời Kỳ Chuyển Khởi
**Paccanika:** Đối Nghịch
**Paccanīyapaṭṭhāna:** Phần Nghịch Duyên Phát Thú
**Paccayavāra:** Giai Đoạn Duyên Sinh
**Paccayavibhaṅgavāra:** Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ
**Paccayasaṅgaha:** Tổng Hợp Duyên
**Paccaya:** Duyên, Duyên Hệ
**Paccayānuloma:** Thuận Duyên
**Paccayānulomapaccanīyapaṭṭhāna:** Phần Thuận – Nghịch Duyên Phát Thú
**Paccayuppanna:** Sở Duyên
**Paccayuppannadhamma:** Pháp Sở Duyên
**Paccavekkhaṇacitta:** Tâm Phản Cung Tự Tỉnh
**Pacchājātapaccaya:** Hậu Sinh Duyên
**Pacchājātavippayutta:** Hậu Sinh Bất Tương Ưng
**Pacchājātavippayuttapaccaya:** Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
**Pacchājātatthipaccaya:** Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên
**Pañcadvāra:** Ngũ Môn

**Pañcamūlakanaya:** Phần Ngũ Căn Nguyên
**Pañcaviññāṇa:** Ngũ Thức
**Pañcaviññāṇadhamma:** Pháp Ngũ Thức
**Pañcavokārabhava:** Ngũ Uẩn Hữu, Cõi Giới Ngũ Uẩn
**Paññā:** Tuệ
**Pañhāvāra:** Giai Đoạn Vấn Đề
**Paṭṭhāna:** Phát Thú
**Paṇḍita:** Bậc Hiền Trí
**Paṇṇarasamūlakanaya:** Phần Thập Ngũ Căn Nguyên
**Paṇṇattivāra:** Giai Đoạn Định Danh
**Payoga:** Cần Miễn
**Parivarata Atthakathā:** Chú Giải Cải Biến
**Pāṇātipāta:** Sát Mạng
**Pārāsita:** Nhóm Người Ăn Bám
**Pitughātakamma:** Nghiệp Lực Sát Mạng Phụ Thân
**Pisuṇāvācā:** Ly Gián Ngữ
**Pīti:** Hỷ
**Pītisomanassa:** Hân Hoan Duyệt Ý
**Pucchāvāra:** Giai Đoạn Thẩm Vấn
**Purisindriya:** Nam Quyền Lực
**Purejātanissayapaccaya:** Tiền Sinh Y Duyên
**Purejātapaccaya:** Tiền Sinh Duyên
**Purejātavippayutta:** Tiền Sinh Bất Tương Ưng

## TỰ MẪU PH

**Pharusavācā:** Thô Ác Ngữ
**Phalacitta:** Tâm Quả
**Phalasamāpatti:** Nhập Thiền Quả
**Phassa:** Tiếp Xúc
**Phassāhāra:** Xúc Thực
**Phoṭṭhabba:** Sở Xúc
**Phoṭṭhabbāyatana:** Xúc Xứ
**Phoṭṭhabbārammaṇa:** Cảnh Xúc

## TỰ MẪU B – BH

**Bīja:** Chủng Tử
**Buddhavacana:** Phật Ngôn

**Buddhānubhāva:** Uy Lực Tối Thượng Đức Phật
**Buddhasāsanā:** Phật Giáo
**Buddhamāmaka:** Tín Đồ Phật Giáo
**Byāpāda:** Cừu Hận
**Byañjana:** Hình Thái
**Brahmapārisajjā:** Bộc Tòng Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên
**Bāhiramahābhūtarūpa:** Sắc Đại Hiển Ngoại Bộ
**Bāhirarūpa:** Sắc Ngoại Bộ
**Bhavasamapatti:** Hữu Công Đức
**Bhavaṅga:** Hữu Phần
**Bhavaṅgacitta:** Tâm Hữu Phần
**Bhāvanā:** Tu Tập
**Bhāvarūpa:** Sắc Bản Tính
**Bhogasamapatti:** Tài Sản Công Đức
**Bhojana:** Ẩm Thực, Thiện Thực, Phạn Thực

## TỰ MẪU M

**Maṅgalasutta:** Kinh Kiết Tường
**Manasikāra:** Tác Ý
**Manodvāra:** Ý Môn
**Manodhātu:** Ý Giới
**Manoviññāṇadhātu:** Ý Thức Giới
**Manosañcetanāhāra:** Ý Tư Thực
**Maggavithī:** Lộ Trình Đắc Đạo
**Mahaggatakiriyā:** Duy Tác Đáo Đại
**Mahaggatakusala:** Thiện Đáo Đại
**Mahāpaṭṭhānapakaraṇa:** Đại Kinh Điển Phát Thú
**Mahābhūtarūpa:** Sắc Đại Hiển
**Mahāvedalla:** Đại Phương Quảng
**Maggapaccaya:** Đồ Đạo Duyên
**Macchariya:** Lận Sắc
**Mātikānikkhepavāra:** Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề
**Mātughātakamma:** Nghiệp Lực Sát Mạng Mẫu Thân
**Māna:** Ngã Mạn
**Micchattaniyatacitta:** Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên
**Micchākammanta:** Tà Nghiệp
**MicchāĀjīva:** Tà Mạng
**Micchādiṭṭhi:** Tà Kiến

**Micchāvācā:** Tà Ngữ
**Micchāvāyāma:** Tà Tinh Tấn
**Micchāsamādhi:** Tà Định
**Micchāsaṅkappa:** Tà Tư Duy
**Middha:** Thụy Miên
**Milakkha:** Dã Nhân, Người Dã Man
**Muditā:** Tùy Hỷ
**Musāvāda:** Vọng Ngữ
**Mūlarāka:** Căn Nguyên
**Mahā Moggallāna:** Đại Trưởng Lão Mục Kiền Liên
**Moghapañhā:** Vô Hiệu Vấn Đề
**Mohamūlacitta:** Tâm Căn Si
**Moha:** Si Mê

## TỰ MẪU Y – R

**Yathākammūpagañāṇa:** Tùy Nghiệp Thú Trí
**Yamakapakaraṇa:** Kinh Song Đối
**Yamakapātihāriya:** Song Đối Thần Túc Thông
**Yevāpanakacetasika:** Lánh Ngoại Tâm Sở, Tâm Sở Ngoài Ra
**Yonisomanasikāra:** Như Lý Tác ý, Tác Ý Khôn Khéo
**Yogāvacara:** Cần Phẫn Tu Hành Giả
**Rasa:** Vị
**Rasāyatana:** Vị Xứ
**Rasārammaṇa:** Cảnh Vị
**Rāga:** Tham Ái
**Rūpa:** Sắc, Sắc Pháp
**Rūpakāya:** Sắc Thân
**Rūpajāti:** Sắc Chủng, Giống Sắc
**Rūpajīvitindriya:** Sắc Mạng Quyền
**Rūpabhava:** Sắc Hữu, Cõi Sắc Giới
**RūpaRūpa:** Sắc Sắc
**Rūpaindriya:** Sắc Quyền Lực
**Rūpāyatana:** Sắc Xứ
**Rūpābyākata:** Vô Ký Sắc
**Rūpārammaṇa:** Cảnh Sắc
**Rūpāvacara:** Cõi Sắc Giới
**Rūpāvacarakiriyā:** Duy Tác Sắc Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới
**Rūpāvacarakusala:** Thiện Sắc Giới, Thiện Sắc Địa Giới

**Rūpāvacarakusalacetanā:** Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới, Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới
**Rūpāvacarakusalahetu:** Nhân Thiện Sắc Giới, Nhân Thiện Sắc Địa Giới
**Rūpāvacarabhūmi:** Sắc Địa Giới, Cõi Sắc Giới
**Rūpāvacaravipāka:** Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Sắc Giới

## TỰ MẪU L

**Lohiruppādakamma:** Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai
**Lokiyavipāka:** Dị Thục Quả Hiệp Thế
**Lokiyadhammadesanā:** Thuyết Giáo Pháp Hiệp Thế
**Lokuttarakusalacetanā:** Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế
**Lokuttarakusalahetu:** Nhân Thiện Siêu Thế
**Lokuttarabhūmi:** Siêu Thế Địa Giới
**Lokuttaravipāka:** Dị Thục Quả Siêu Thế
**Lobhahetu:** Nhân Tham

## TỰ MẪU V

**Vaṇṇanā:** Giải Thích
**Vatthu:** Vật, Vật Chất, Vật Phẩm
**Vatthukāma:** Vật Dục
**Vatthupurejātapaccaya:** Vật Tiền Sinh Duyên
**Vatthupurejāta:** Vật Tiền Sinh
**Vatthurūpa:** Sắc Vật
**Vācanāmagga:** Bối Tụng Đạo Lộ
**Vigatapaccaya:** Ly Khứ Duyên
**Vicāra:** Tứ, Khảo Lự, Tư Sách, Thám Cứu, Thẩm Tra, Khảo Tra, Tư Khảo
**Vicikicchā:** Hoài Nghi
**Viññāṇakhandha:** Thức Uẩn
**Viññāṇadhātu:** Thức Giới
**Viññāṇañcāyatanakusala:** Thiện Thức Xứ
**Viññāṇañcāyatana:** Thức Xứ
**Viññāṇāhāra:** Thức Thực
**Vinicchaya:** Thẩm Định
**Vitakka:** Tầm, Tư Lự, Tư Duy
**Vithīcitta:** Lộ Trình Tâm
**Vippattisāra:** Thương Tâm Hối Hận
**Vipāka:** Dị Thục Quả
**Vipākakhandha:** Uẩn Dị Thục Quả

**Vipākacitta:** Tâm Dị Thục Quả
**Vipākajāti:** Giống Dị Thục Quả, Dị Thục Quả Chủng
**Vipākañāṇasampayutta:** Dị Thục Quả Tương Ưng Trí
**Vipākapaccaya:** Dị Thục Quả Duyên
**Vipākamanodhātu:** Ý Giới Dị Thục Quả
**Vipākamūlakanaya:** Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên
**Vipākābyākata:** Vô Ký Dị Thục Quả
**Vipassanā:** Minh Sát
**Vipassanti:** Tư Khảo Kiến Giải
**Vipassanājavanavithī:** Lộ Trình Đổng Lực Minh Sát
**Vimaṃsā:** Thẩm, Khảo Lự, Tư Khảo, Nghiên Cứu, Điều Tra, Thẩm Tra.
**Vimaṃsādhipati:** Thẩm Trưởng
**Vimokkha:** Giải Thoát
**Viraticetasika:** Tâm Sở Kiềm Chế, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần
**Viriya:** Cần, Cần Miễn, Cần Phẫn, Khắc Khổ, Nỗ Lực.
**Viriyādhipati:** Cần Trưởng
**Virodhipaccaya:** Đối Nghịch Duyên
**Vigatimūlakanaya:** Phần Ly Khứ Căn Nguyên
**Vissajjanā:** Đáp Vấn, Lời Giải Đáp
**Vuṭṭhāna:** Sinh Xuất
**Vedanākhandha:** Thọ Uẩn
**Vedalla:** Phương Quảng
**Veneyyasatta:** Hữu Tình Khả Huấn Luyện
**Veyyākaraṇa:** Giải Thuyết
**Voṭṭhabbanakiriyā:** Duy Tác Đoán Định
**Voṭṭhabbana:** Đoán Định
**Vodāna:** Dũ Tịnh
**Vorakāsa:** Cơ Duyên Tuyệt Hảo

## TỰ MẪU S

**Sakkapañhāsutta:** Đế Thích Sở Vấn Kinh
**Saccadhamma:** Pháp Chân Đế
**Saraddhā:** Tín, Đức Tin
**Sabbaññuta Ñāṇa:** Toàn Giác Trí
**Sīla:** Giới Luật
**Sīlasāmaññatā:** Giới Luật Bình Hằng
**Sīlānubhava:** Uy Lực Tối Thượng Giới Luật
**Sīlasampatti:** Phẩm Chất Giới Luật

**Samādānaniccasīla:** Thường Xuyên Tuân Thủ Giới Luật
**Samādānavirati:** Phát Nguyện Kiềm Chế
**Sampattavirati:** Phòng Chỉ Kiềm Chế
**Samucchedavirati:** Sát Tuyệt Kiềm Chế
**Sakadāgāmīphala:** Nhất Lai Quả (Tư Đà Hàm Quả)
**Sati:** Niệm, Tri Giác, Lý Trí, Lý Tính
**Sati Paññā:** Niệm Tuệ, Tài Trí
**Samanantarapaccaya:** Đẳng Vô Gián Duyên
**Samantapaṭṭhāna:** Hoàn Bão Phát Thú
**Samādhi:** An Chỉ, Thiền Định
**Samāpatti:** Nhập Định, Nhập Thiền
**Samuṭṭhāna:** Xuất Sinh Xứ
**Savipākaghaṭanā:** Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực
**Sahajātakammapaccaya:** Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên
**Sahajātaghaṭanā:** Câu Sinh Hiệp Lực
**Sahajātapaccaya:** Câu Sinh Duyên
**Sahajātavāra:** Giai Đoạn Câu Sinh
**Sahajātavippayutta:** Câu Sinh Bất Tương Ưng
**Sahajātavippayuttapaccaya:** Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
**Sahajāta:** Câu Sinh
**Sahajātatthipaccaya:** Câu Sinh Hiện Hữu Duyên
**Sahajātādhipati:** Câu Sinh Trưởng
**Sahajātādhipatipaccaya:** Câu Sinh Trưởng Duyên
**Sahetukakāmāvacaravipāka:** Dị Thục Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân
**Sahetukakusalavipākapaṭisandhicitta:** Tâm Tái Tục Dị Thục Quả Thiện Hữu Nhân
**Sahetukacitta:** Tâm Hữu Nhân
**Saṅghānubhava:** Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo
**Saṅkhāradhamma:** Pháp Hữu Vi (Pháp Hành)
**Saṅkhārakhandha:** Hành Uẩn
**Saṅgahanaya:** Phần Tổng Hợp
**Saṅgītikāla:** Thời Kỳ Kiết Tập
**Saṅgāyanā:** Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng
**Saṅghabhedakamma:** Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn
**Saṃsaṭṭhavāra:** Giai Đoạn Hỗn Hòa
**Saññākhandha:** Tưởng Uẩn
**Sattamūlakanaya:** Phần Thất Căn Nguyên
**Sattarasakamūlakanaya:** Phần Thập Thất Căn Nguyên
**Saddayuga:** Đồng Âm Thanh
**Saddāyatana:** Thinh Xứ

**Saddārammaṇa:** Cảnh Thinh
**Saddhā:** Tín, Đức Tin
**Santati:** Thừa Kế
**Santīraṇakicca:** Thẩm Tấn Sự Vụ
**Sappaṭighātadhamma:** Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (Pháp Có Việc Thanh Trừ)
**Sabbamūlakanaya:** Phần Tổng Căn Nguyên
**Sampayuttapaccaya:** Tương Ưng Duyên
**Sampayuttavāra:** Giai Đoạn Tương Ưng
**Sampayoga:** Phối Hợp
**Samphappalāpa:** Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Nói Lời Vô Ích
**Sambhava:** Khởi Sinh
**Sammākammanta:** Chánh Nghiệp
**Sammājīva:** Chánh Mạng
**Sammādiṭṭhi:** Chánh Kiến
**Sammādiṭṭhisutta:** Kinh Chánh Kiến
**Sammāvācā:** Chánh Ngữ
**Sammāvāyāma:** Chánh Tinh Tấn
**SammāĀjīva:** Chánh Mạng
**Saṃsaṭṭhadhamma:** Hỗn Hòa Pháp
**Sārammaṇadhamma:** Hữu Cảnh Pháp
**Sāsanadhamma:** Giáo Dục Phật Pháp
**Sāsanapuggala:** Giáo Dục Nhân Tính
**Sāsanasathāna:** Giáo Dục Sở Tại
**Sāsanavidhī:** Giáo Dục Lễ Nghi
**Sukhavedanā:** Lạc Thọ
**Sutamayapaññā:** Tuệ Văn Như Nguyện Dĩ Thường, Tuệ Văn
**Suta:** Văn
**Suttanipāta:** Kinh Tập
**Suttānuloma:** Kinh Tạng Phụ Thuộc
**Sekkhadhamma:** Pháp Hữu Học
**Senāsana:** Trú Xứ
**Sotāpanna:** Bậc Thất Lai (Bậc Tu Đà Hườn)
**Sotāpattiphala:** Thất Lai Quả (Quả tu Đà Hườn)
**Sotaviññāṇa:** Nhĩ Thức
**Sotaviññāṇacitta:** Tâm Nhĩ Thức
**Sota:** Nhĩ, Lỗ Tai
**Sotāyatana:** Nhĩ Xứ
**Sotindriya:** Nhĩ Quyền
**Somanassa:** Hỷ Thọ

**Somanassañāṇa:** Hoan Hỷ Trí
**Soḷasamūlakanaya:** Phần Thập Lục Căn Nguyên

## TỰ MẪU H

**Hadayavatthu:** Sắc Tâm Cơ, Sắc Ý Vật
**Hasituppādakiriyā:** Duy Tác Tiếu Sinh
**Hiri:** Tàm
**Hetāvigataduka:** Nhị Đề Nhân – Bất Ly
**Hetuphala:** Nhân Quả Liên Quan
**Hetupaccaya:** Nhân Duyên
**Hetupaccayaanulomanaya:** Nhân Duyên Phần Thuận Tùng
**HetuSampayuttaduka:** Nhị Đề Nhân – Tương Ưng
**HetuĀrammaṇaAdhipatitika:** Tam Đề Nhân – Cảnh – Trưởng

## TỰ MẪU A

**Akusala:** Bất Thiện
**Akusalakhandha:** Uẩn Bất Thiện
**Akusalacetanā:** Tư Tâm Sở Bất Thiện
**Akusalajavana:** Đổng Lực Bất Thiện
**Akusalajāti:** Giống Bất Thiện, Bất Thiện Chủng
**Akusaladhamma:** Pháp Bất Thiện
**Akusalamūlakanaya:** Phần Bất Thiện Căn Nguyên
**Akusalavipāka:** Dị Thục Quả Bất Thiện
**Akusalahetu:** Nhân Bất Thiện
**Akusalapada:** Câu Bất Thiện
**Acchariya Abbhūtadhamma:** Vị Tằng Hữu Thần Kỳ
**Aṅgajhāna:** Chi Thiền Na
**Aṅgamagga:** Chi Đồ Đạo (12)
**Ajanakapaccaya:** Bất Xuất Sinh Duyên
**Aññoññapaṭipakkhayuga:** Bất Đồng Dạng
**Attanomati:** Tư Kiến, Cá Nhân Kiến Giải
**Atthakathā:** Chú Giải
**Atthayuga:** Đồng Nghĩa Lý
**Adinnādāna:** Thâu Đạo
**Adosa:** Vô Sân
**Adhipatipaccaya:**Trưởng Duyên
**Adhimokkha:** Thắng Giải

**Adhivacana:** Từ Ngữ
**Anattā:** Vô Ngã
**Anantarapaccaya:** Vô Gián Duyên
**Anantariyakamma:** Vô Gián Nghiệp Lực
**Anantarūpanissayapaccaya:** Vô Gián Cận Y Duyên
**Anāgataṁsañāṇa:** Vị Lai Tiên Giác Trí
**Anāgāmīphala:** Bất Lai Quả (A Na Hàm Quả)
**Aniccaṃ:** Vô Thường
**Aniyatadhamma:** Bất Định Pháp
**Anuṭīkā:** Tiểu Phụ Chú Giải
**Anuloma:** Thuận Tùng
**Anulomakusala:** Thiện Thuận Tùng
**Anulomagaṇanā:** Phần Thuận Tùng
**Anulomapaccanīyapaṭṭhāna:** Thuận – Nghịch Phát Thú
**Anulomapaṭṭhāna:** Thuận Tùng Phát Thú
**Anuññāta:** Sự Phê Chuẩn
**Anottappa:** Vô Quý
**Apariyāpanna:** Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới
**Abbhokāsikavatthu:** Tu Hành Không Khoáng Xứ
**Abbhūtadhamma:** Vị Tằng Hữu Pháp
**Abhijjhā:** Ý Tham Ác
**Abhiññā:** Thắng Trí
**Abhiññākusala:** Thiện Thắng Trí
**Abhidhammamātikā:** Các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp
**Amohahetu:** Nhân Vô Si
**Amoha:** Vô Si
**Arahattamagga:** Đạo Vô Sinh
**Arahantaghātakamma:** Nghiệp Lực Sát Mạng Bậc Vô Sinh
**Ahirika:** Vô Tàm
**Arūpakhandha:** Vô Sắc Uẩn
**Arūpajīvitindriya:** Vô Sắc Mạng Quyền
**Arūpadhamma:** Vô Sắc Pháp
**Arūpabhava:** Vô Sắc Hữu
**Arūpabhūmi:** Vô Sắc Địa Giới
**Arūpavipāka:** Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
**Arūpaindriya:** Vô Sắc Quyền Lực
**Arūpāvacara:** Cõi Vô Sắc Giới
**Arūpāvacarakiriyā:** Duy Tác Vô Sắc Giới
**Arūpāvacarakusala:** Thiện Vô Sắc Giới

**Arūpāvacarakusalahetu:** Nhân Thiện Vô Sắc Giới
**Arūpāvacarabhūmi:** Vô Sắc Địa Giới
**Arūpāvacaravipāka:** Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
**Alobhahetu:** Nhân Vô Tham
**Alobha:** Vô Tham
**Avigatapaccaya:** Bất Ly Duyên
**Avipākaghaṭanā:** Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực
**Asaññabhava:** Vô Tưởng Địa Giới
**Asaññasattabrahma:** Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng
**Asaññasatta:** Vô Tưởng Hữu Tình
**Asaṅkhatadhātu:** Vô Vi Giới **(Nibbāna)**_
**Ahetukacitta:** Tâm Vô Nhân
**Ahetukacittuppāda:** Tâm Khởi Sinh Vô Nhân
**Ahetukapañcaviññāṇa:** Ngũ Thức Vô Nhân
**Ahetukamanoviññāṇadhātu:** Ý Thức Giới Vô Nhân
**Ahetukamoha:** Si Vô Nhân
**Ahetukavipāka:** Dị Thục Quả Vô Nhân
**Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu:** Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân
**Aññamaññapaccaya:** Hỗ Tương Duyên
**Aññamañña:** Hỗ Tương
**Aṭṭhamūlakanaya:** Phần Bát Căn Nguyên
**Aṭṭhārasamūlakanaya:** Phần Thập Bát Căn Nguyên
**Atthapaṭisambhidā:** Nghĩa Vô Ngại Giải
**Atthidhamma:** Hiện Hữu Pháp
**Atthipaccaya:** Hiện Hữu Duyên
**Abyākatadhamma:** Pháp Vô Ký
**Abyākatapada:** Câu Vô Ký
**Abyākatavipāka:** Vô Ký Dị Thục Quả
**Abyākata:** Vô Ký
**Abyākatādhipati:** Vô Ký Trưởng
**Ākāsāṇañcāyatanakusala:** Thiện Không Vô Biên Xứ
**Ākāsāṇañcāyatana:** Không Vô Biên Xứ
**Ākiñcaññāyatana:** Vô Sở Hữu Xứ
**Āgatasathāna:** Xứ Cảnh Vị Lai
**Ācariyavāda:** Giáo Thọ Kiến Giải
**Āmisadāna:** Tài Thí
**Āmisapūjā:** Dụng Vật Phẩm Tế Lễ
**Āpodhātu:** Thủy Giới
**Āyatana:** Xứ, Cảm Giác Khí Quan, Cảm Giác Đối Tượng

**Ārammaṇapaccaya:** Cảnh Duyên
**Ārammaṇapurejātapaccaya:** Cảnh Tiền Sinh Duyên
**Ārammaṇapurejāta:** Cảnh Tiền Sinh
**Ārammaṇādhipati:** Cảnh Trưởng
**Ārammaṇādhipatipaccaya:** Cảnh Trưởng Duyên
**Ārammaṇādhipatiduka:** Nhị Đề Cảnh Trưởng
**Ārammaṇūpanissayapaccaya:** Cảnh Cận Y Duyên
**Ārammaṇūpanissaya:** Cảnh Cận Y
**Āvajjanacitta:** Tâm Khai Môn
**Āvajjanamanodhātu:** Ý Giới Khai Môn
**Āvajjana:** Khai Môn
**Āsevanapaccaya:** Trùng Dụng Duyên
**Āhāra:** Vật Thực, Thực Phẩm
**Āhārajarūpa:** Sắc Vật Thực
**Āhārapaccaya:** Vật Thực Duyên
**Āhārasamuṭṭhānarūpa:** Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ
**Āhāratthipaccaya:** Vật Thực Hiện Hữu Duyên
**Itivuttaka:** Như Thị Ngữ Kinh
**Itthindriya:** Nữ Quyền Lực
**Iddhividhañāṇa:** Thần Túc Trí
**Indriyapaccaya:** Quyền Lực Duyên
**Indriyarūpa:** Sắc Quyền Lực
**Isisattamo:** Đệ Thất Ẩn Tu Giả
**Issā:** Tật Đố, Đố Kỵ, Ngật Thố
**Utu:** Quý Tiết
**Utusamuṭṭhānarūpa:** Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
**Udāna:** Tự Thuyết Kinh
**Uddhacca:** Trạo Cử, Hồ Tư Loạn Tưởng
**Uddesavāra:** Giai Đoạn Xiển Thuật
**Ubhatovibhaṅga:** Nhất Đối Phân Tích
**Upekkhā:** Xả, Bất Thiên Tâm, Bất Thiên Bất Ỷ
**Upekkhāvedanā:** Xả Thọ
**Uposathakamma:** Thọ Trì Thanh Tịnh Nghiệp Lực
**Upacaya:** Tích Trữ
**Upathambhaka:** Lòng Bảo Trợ
**Upathambhapaccaya:** Bảo Trợ Duyên
**Upanissayapaccaya:** Cận Y Duyên
**Uppattibhava:** Sinh Hữu
**Uppādakhaṇa:** Sát Na Khởi Sinh

**Upādārūpa:** Sắc Y Sinh
**Upāyāsa:** Não Hại
**Ekavatthuka:** Đồng Trú Căn
**Ekārammaṇa:** Đồng Cảnh
**Ekuppāda:** Đồng Sinh
**Ekanirodha:** Đồng Diệt
**Ekaaggasāsanūpathambhaka:** Bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo
**Ekakhaṇikakammapaccaya:** Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên
**Ekamūlakanaya:** Phần Nhất Căn Nguyên
**EkamūlaEkaavasāna:** Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
**Ekavīsatimūlakanaya:** Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên
**Ekādasakamūlakanaya:** Phần Thập Nhất Căn Nguyên
**Ekūnavīsatimūlakanaya:** Phần Thập Cửu Căn Nguyên
**Okkantikkhaṇa:** Sát Na Tái Tục
**Okāsa:** Môn Hộ
**Ottappa:** Quý, Úy Tội, Nội Cửu, Quý Cửu
**Oḷārikāyatana:** Sắc Thô Thiển Xứ

----------00000----------

## LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giảo của Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** đã hình thành sắc bén và đã dịch thuật toàn bộ Tạng **Abhidhamma** từ Chánh Tạng **Pāḷi** sang Việt Ngữ; tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dầy của Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khải trí vào sở học sở cầu thuộc Kỷ Hạ, và vun bồi **Tam Thập Pháp Toàn Thiện (Tam Thập Pháp Ba La Mật)** với hạnh Trí Tuệ, thành tựu **Toàn Giác Trí (Sabbaññuta Ñāṇa)** xuyên suốt cho đến ngày Kỷ Hạ chứng đắc được Quả Vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Chú Giải Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(Bhāga II)** với hai Quyển thứ 86 - 87 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến hai bậc Đại Ân Sư của con, là Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** và Ngài Đại Trưởng Lão **Siêu Việt (Ulāro Mahā Thera)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Chú Giải Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(Bhāga II)** với hai Quyển thứ 86 - 87 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến Song Thân trí kính của con (là Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý); và cũng xin cho đến Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương – Annapolis, Maryland), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến Cô Tu Nữ Tịnh Nhẫn **Khantimā** (Lê Thị Phương Thảo - Virginia) và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỷ năng kỳ công, và phát hành Bộ Chú Giải Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(BHĀGA II)** với hai Quyển thứ 86 - 87 / 91 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thảy.

Ngưỡng mong **Ân Đức Pháp Bảo** với Tam Tạng Chánh Pháp và Chú Giải luôn luôn mãi được tồn tại lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện.

**Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā**
Với tất cả tấm lòng từ ái
**(Mettāparamatthapāramī)**
Hết lòng cẩn kính,
**Bhikkhu Pasādo**

**(Nguyện Hoàn Thành Hạnh Nguyện Chánh Đẳng Giác)**
**Sādhu, Sādhu, Sādhu**

----------00000----------

Bố Thí, Pháp Thí vô song,
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường,
Kiên trì chân chính, con đường phúc vinh.

*In the world, there are three things of value for one who gives ...*
*Before giving, the mind of the giver is happy,*
*While giving, the mind of the giver is peaceful.*
*After giving, the mind of the giver is uplifted.*
*(A.N. 6.37)*

----------00000----------

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh

----------00000----------

**SABBADĀNAṂ DHAMMĀNAṂ JINĀTI**
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THÍ
---
**VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH**
Không người công kích, Đạo Quả khó thành

----------00000----------

**"Trắc ẩn chi Tâm,**
**Nhân chi đoan dã,**
**Tu ố chi Tâm,**
**Nghĩa chi đoan dã."**
"Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc của con người,
Có biết xấu hổ là nguồn gốc của nghĩa khí !"

----------00000----------

**"Đạo tất kiên Tâm,**
**Kiên Tâm tất Đạo thành.**
**Kiến công huân tảo hồi trình,**
**Tốc tiến am tu chân thân,**
**Nhất nhật phi thăng,**
**Tiên ban liệt danh."**
"Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh."

----------00000----------

**Sādhu, Sādhu, Sādhu.**
Lành thay, Lành thay, Lành thay.

---

## CẢM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dực quyện,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.
Long xà đáo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cái di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời !

----------00000----------

**CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA**
**BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ**
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD. BEALETON, VA. 22712

## PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ CÚNG DƯỜNG ẤN TỐNG KINH SÁCH
## (NAVA LOKUTTARAKAMMA DĀNA)
## (CỬU THÍ NGHIỆP LỰC SIÊU THẾ: 4 ĐẠO – 4 QUẢ - NÍP BÀN)

| | |
|---|---|
| **Tu Viện Linh Ứng** | **$1,000.00** |
| **Sư Minh Hạnh** | **$1,100.00** |
| **Sư Minh Phước** | **$200.00** |
| **Bhikkhuni Thích Nữ Thể Độ (Hằng Tâm)** | **$1,000.00** |
| **Ni Sư Nhuận Đạt** | **$50.00** |
| **Sư Cô Liên Trường** | **$22.50** |
| **Sư Cô Như Tâm** | **$200.00** |
| **Tu Nữ Khantimā Tịnh Nhẫn** | **$1,600.00** |
| *[Xin hồi hướng Cửu Huyền Thất Tổ, Ông Bà Lê Chư, Nguyễn Thị Cho, Phạm Lợi, Nguyễn Thị Cúc, Ông Nội Lê Huyến, Bà Nội Phạm Thị Mịn, Ông Ngoại Phạm Hữu Hương, Bà Ngoại Nguyễn Thị Long, Bác Lê Xuyến, Chú Lê Dứt va các Cô Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Xíu, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như (Diệu Thiện)].* | |
| **Cô Lê Ngọc Sương (Nguyên Diệu)** | **$500.00** |
| **Cô Nguyễn Thị Tâm** | **$150.00** |
| **Cô Nguyễn Thị Mai** | **$400.00** |
| **Cô Mindy Nguyễn (Mettā) & Anh Trương Văn Nhân (Thiện Nhân)** | **$800.00** |
| **Cô Nguyễn Thị Tâm (Tâm Đức)** | **$200.00** |
| *[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Trọng Sang (Tâm Trọng), Mẹ Phạm Thị Định (Nguyên Tâm), Chồng Nguyễn Huy Quang (Minh Huy)].* | |
| **Cô Nguyễn Thị Mai (Tâm Hạnh)** | **$100.00** |
| **Cô Nguyễn Thị Như Khuê (Diệu Bảo)** | **$200.00** |
| *[Xin hồi hương Chồng Đỗ Khắc Hoành (Thiện Hùng)].* | |
| **Tammy Trinh (Diệu Trường)** | **$100.00** |
| **Gđ. Trương Thùy Oanh & Dương Thái Bình** | **$2,900.00** |
| **Dương Khánh Jeffrey** | **$100.00** |
| **Dương Thùy Lynne** | **$100.00** |
| **Gđ. Trương Hoàng Chương & Tường Vân** | **$200.00** |

**Gđ. Trương Thị Thùy Cơ** **$100.00**
**Gđ. Phi Trương & Hảo Trương** **$50.00**
**Gđ. Thùy Cơ & Đức Diện** **$50.00**
**Anh Thư & Thu Thảo** **$50.00**
**Hồ Thu Phương** **$50.00**
**Nguyễn Thị Thu Hằng** **$400.00**
**Cô Angie Dương (Hạnh Từ) & Hùng X. Cao** **$700.00**
**Grace Cao (Hạnh Duyên)** **$50.00**
**Gđ. Hạnh Trí, Hạnh Từ, Hạnh Bi, Hạnh Duyên** **$1,000.00**
**Cô Bích Võ** **$100.00**
**Cô Võ Thanh Minh** **$500.00**
**Công Tằng Hoa / Công Tằng Huyền** **$1,700.00**
*[Xin hồi hướng Ông Hoàng Xuân Định (Tâm Minh)].*
**Cô Bửu Hương Brewster (Bình Ngọc)** **$800.00**
**Cô Ruth Nga Nguyễn** **$1,200.00**
**Cô Lạc Mãn** **$500.00**
**Gđ. Thiện Kim & Diệu Mỹ & Cháu Yên So** **$700.00**
**Bác Sỹ Hoàng Đình Hiển & Cô Thanh Tịnh (France)** **€350.00**
**Nguyễn Thị Kim Lan** **$300.00**
**Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga** **$200.00**
**Gđ. Lê Văn Hướng** **$100.00**
**Gđ. Lê Thị Lý (Đức Ngọc)** **$300.00**
**Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt** **$600.00**
*[Xin hồi hướng Cha Mẹ Phạm Ngọc Bá, Đặng Thị Sang và xin chia Quả Phước Báu đến các con Phạm Hữu Thiện & Thomas Phạm Hữu Tín ].*
**Gđ. Lê Thị Phượng & Thạch Xuân** **$1,300.00**
*[Xin hồi hướng Cha Mẹ Thạch Niên, Nguyễn Thị Giác và xin chia Quả Phước Báu đến các con Thạch Thiện Tâm & Thạch Thiện Trí].*
**Gđ. Thomas Lê Văn Thông & Võ Nhật Viên** **$2,250.00**
*[Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê, Peter Francis Lê].*
**Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa & Bùi Thị Thu Cúc** **$300.00**
**Lê Thị Minh Trang & Lê Minh Nghiêm** **$400.00**
**Bà Selina Lee** **$1,000.00**
**Cô Lê Thị Kim Dung** **$300.00**
**Cô Lê Thị Kim Loan** **$100.00**
**Gđ. Trịnh Thị Hằng (Trí Hà)** **$400.00**
*[Xin hồi hướng Cha Trịnh Đức Tiến (Tuệ Uyển) & Mẹ Vũ Thị Nga (Diệu Hoàng)]*
**Gđ. Trung Nghĩa Theofilos** **$100.00**
**Nguyễn Thị Tường An** **$100.00**

| | |
|---|---|
| **Gđ. Cô Cannie Thạch** | **$460.00** |
| **Cô Thanh** | **$100.00** |
| **Cô Nguyễn Kim Yến** | **$40.00** |
| **Cô Cintā Huỳnh Kim Chi** | **$290.00** |
| **Cô Huỳnh Ngọc Đính & Nguyễn Huỳnh Việt Khôi** | **$1,000.00** |
| **Cô Huỳnh Ngọc Mai & Thiện Chơn** | **$700.00** |
| **Châu Thị Bé** | **$50.00** |
| **Châu Tường An** | **$100.00** |
| **Nguyễn Ngọc Đông Phương** | **$100.00** |
| **Gđ. Anh Tâm Đoàn (Tâm Lực) & Lệ Quyên** | **$1,560.00** |
| **Gđ. Nguyễn Long Châu** | **$100.00** |
| **Vivian Đoàn** | **$100.00** |
| **Andy Đoàn** | **$100.00** |
| **Gđ. Cô Huỳnh Ngọc Lan & Sujātā Nguyễn Hồng Ân** | **$600.00** |
| **Gđ. Huỳnh Vũ** | **$700.00** |
| **Gđ. Huỳnh Phong** | **$500.00** |
| **Lưu A Xây** | **$150.00** |
| **Gđ. Trần Đỗ Kim Anh & Trần Quang Nghĩa** | **$700.00** |
| **Cô Nguyễn Thị Tư (Diệu Hồng)** | **$100.00** |
| **Gđ. Tôn Nữ Các Phương (Tâm Thiện) & Phạm Quang** | **$2,500.00** |
| *[Xin hồi hướng cho Cậu Út Nguyễn Văn Hương].* | |
| **Gđ. Anh Phương Phạm & Chị Diệp (Hạnh Ngọc)** | **$300.00** |
| *[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Văn Thiệu (Nguyên Thiện), Mẹ Hà Thị Em (Nguyên Giác), Ba Phạm Đình Thành, Mẹ Lý Thị Tư (Tâm Hỷ)].* | |
| **Gđ. Tôn Thất Ban & Nguyễn Thị Mận** | **$400.00** |
| **Cô Trần Thị Phương Trân (Diệu An)** | **$1,000.00** |
| **Nguyễn Thị Mê Linh & Leilani & Thiên Nhi Phạm** | **$100.00** |
| **Cô Ngọc (Bạn Cô Tâm Thiện)** | **$500.00** |
| **Gđ. Trần Thị Lệ Hoa & Trần Thị Ngọc Hân** | **$1,000.00** |
| **Trần Thị Ngọc Hạnh** | **$1,000.00** |
| *[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Nam, Mẹ Nguyễn Thị Phương (Đức Trí)].* | |
| **Nhóm Phật Tử Đạo Tràng Từ Nghiêm, Germany** | |
| **[Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước)** | |
| **Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác),** | |
| **Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới),** | |
| **Lương Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Từ Diễm),** | |
| **Nguyễn Thị Hiếu, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thúc Trần]** | **$3,000.00** |
| **Anh Lý Tùng Phương (Tịnh Phước) (Germany)** | **€800.00** |
| **Cô Lý Hồng Liên & Lê Xuân Tảo** | **$100.00** |

**Gđ. Anh Nông Văn Khải & Tường Vân** **$500.00**

**Gđ. Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội** **$1,500.00**

**Nhóm bạn Cô Lý Thủy Tiên trong tiệm Angles Nail (Maryland)** **$370.00**

**Gđ. Cô Nguyễn Thị Thu Hằng & Chồng Võ Nguyễn Ngọc Bảo Jimmy & Con Võ Nguyễn Gia Bảo Jason** **$500.00**

*[Xin hồi hướng Mẹ Nguyễn Thị Hạnh (Diệu Đức) và Cầu An Ba Nguyễn Văn Xinh (Thiện Nhân)].*

**Gđ. Nguyễn Ngọc Kim Thư & Lê Quang San** **$100.00**

*[Xin hồi hướng Cha Nguyễn Ngọc Thăng (Minh Quang) và Cầu An Mẹ Nguyễn Thị Bạch)].*

**Gđ. Cô Thu Hồng Lương (Hoa Huệ) (South Carolina)** **$4,185.00**

**Bà Nguyễn Thị Tám (Huệ Tâm)** **$200.00**

**Trần Quý (Diệu Tâm)** **$200.00**

**Bà Trương Thị Sự (Thanh Ngọc)** **$200.00**

**Hà Thị Song Hương (Diệu Lan)** **$100.00**

**Nguyễn Thị Thu Thảo (Diệu Hiếu)** **$50.00**

**Nguyễn Thanh Tâm (Trí Tâm)** **$40.00**

**Cô Mai Nguyễn (Tâm Hiền)** **$150.00**

**Cô Laura Nguyễn** **$2,000.00**

*[Xin hồi hướng cho Ba Nguyễn Duật (Nguyên Đạ), Mẹ Trần Thị Cam (Nguyên Lành), Bà Nội Nguyễn Thị Chải (Quảng Hồng), Em Nguyễn Kim Doanh (Phúc Kính)].*

**Gđ. Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Anh Nguyễn Đức** **$1,400.00**

*[Xin hồi hướng cho Cha Nguyễn Văn Thức, Ba Nguyễn Văn Hưng, Mẹ Nguyễn Ngọc Tiên, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thiện Nhựt, Nguyễn Thiện Minh, Nguyễn Thiện Hoàng, Nguyễn Hưng Quốc, Nguyễn Hưng Gia].*

**Nguyễn Văn Charles** **$100.00**

**Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác) Trương Thiên Phú & Trương Thiên Kim** **$3,500.00**

*[Xin hồi hướng cho Cha Mẹ Phạm Bá Giáp, Nguyễn Thị Hớn, Nguyễn Thị Rớt, Trương Ấn, Trần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên, Anh Phạm Bá Bộ].*

**Cô Kim Phạm (Tịnh Tâm)** **$1,000.00**

**Gđ. Andy Từ, Linh Châu & Kendy Từ** **$300.00**

**Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) & Huỳnh Lan (Diệu Tuyết)** **$600.00**

*[Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Dậu, Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Bà Đinh Thị Kiếm, Dương Thị Hên, Trần Thị Hai và Cha Huỳnh Ngọc Đảnh].*

**Gđ. Huỳnh Thị Diễm Trang & Lê Quốc Bảo** **$200.00**

**Gđ. Huỳnh Thị Ngọc Bích & Lai Ngọc Cường** **$200.00**

**Gđ. Tony Huỳnh Ngọc Anh & Nguyễn Thị Yến** **$200.00**

**Gđ. Nguyễn Thị Minh Hạnh** **$500.00**

**Gđ. Nguyễn Quang Dũng & Từ Thị Trần** **$500.00**
**Gđ. Peter Trần & Trần Kim Thanh** **$200.00**
**Gđ. Chú Trần Tiêu (Thiện Trí)** **$300.00**
**Gđ. Đào Thị Diễm Tuyết (Nhị Tường) & Tạ Quang Sơn** **$300.00**
*[Xin hồi hướng Mẹ Ngô Thị Kim Xuân, và Cầu An cho Chồng Tạ Quang Sơn].*
**Vân Hồng Diệu Tường** **$50.00**
**Cát Tường** **$50.00**
**Thanh Trúc** **$50.00**
**Mỹ Hạnh** **$100.00**
**Nguyên Giang** **$25.00**
**Silavati Nhi & Nun Sona** **$25.00**
**Châu Nguyễn** **$25.00**
**Diệu An** **$25.00**
**Bác Diệu Huy** **$50.00**
**Gđ. Mai Thanh Hiền (Từ Phong) & Mai Thanh Hoàng** **$111.00**
**Gđ. Anh Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền** **$4,050.00**
*[Xin hồi hướng Bà Ngô Thị Kim Xuân, Cửu Huyền Thất Tổ Nội Ngoại Hai Bên, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh].*
**Gđ. Cô Cannie Thạch & Thạch Hoàn Vũ** **$560.00**
*[Xin hồi hướng cho Thạch Sáu, Thạch Thị Sáu, Thạch Thị Còn, Thạch Thị Sang, Triệu Vân Minh, Thạch Thị Huông].*
**Bác Hoàng Thịnh (Lam Phương)** **$100.00**
**Gđ. Cô Trần Thị Phương (Tịnh Từ) & Michael Harding** **$4,000.00**
*(Xin hồi hướng Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh, Mẹ Trần Thị Sum (Diệu Đức).*
**Gđ. Lawrence Thomas, Sương Thomas & Nguyễn Hồng Đức** **$500.00**
**Hội Gia Long Alumnae Association** **$1,400.00**
*[Xin hồi hướng cho Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)].*
**Gđ. Bích Huệ & Kim Dung (Gia Long)** **$200.00**
**Giáo Sư Nguyễn Kim Oanh** **$100.00**
**Nguyễn Thị Chiêu** **$100.00**
**Gđ. Ngọc Dung Mireau & Ronald Mireau** **$300.00**
**Chiến** **$50.00**
**Phương Mai** **$45.00**
**Như Mỹ** **$22.50**
**Trần Quốc Sứ** **$100.00**
**Trần Quốc Hưng** **$100.00**
**Hồ Thị Cẩm Nhung** **$100.00**
**Trần Phương Trúc** **$100.00**

**Phạm Thảo Khánh Mai** **$50.00**
**Gđ. Hùng Phạm, Thảo Trần, Khánh Phạm & Mai Phạm** **$100.00**
**Cô Tâm Hạnh (Nguyễn Thị Mai)** **$50.00**
**Phạm Thảo Bảo Khánh** **$50.00**
**Gđ. Ánh Điền** **$200.00**
**Gđ. Trần Thị Thuận (Cát Tường)** **$1,000.00**
*[Xin cầu an cho con Huỳnh Thị Thuận An].*
**Cô Tiến Ngọc** **$200.00**
**Cô Long Châu** **$100.00**
**Cô Đông Phương** **$100.00**
**Dì Bảy Tồn** **$100.00**
**Nguyễn Bảo Lộc** **$100.00**
**Gđ. Bạn Hữu Cô Trần Thị Phương** **$1,960.00**
*(Xin hồi hướng Cụ Bà Trần Thị Sum (Diệu Đức)*
**Gđ. Lý Kim Hà** **$100.00**
**Bùi T. Dung** **$100.00**
**Anh Đỗ** **$100.00**
**Gđ, Phương Hà & Luân Đỗ** **$200.00**
**Gđ. Mai Queen** **$200.00**
**Anh Nhân Trần** **$100.00**
**Đoàn Bạch Phượng** **$67.50**
**Đoàn Bích Hằng** **$45.00**
**Diệu Tịnh** **$100.00**
**Lê Linh** **$45.00**
**Thu Dung** **$45.00**
**Phương Mai** **$45.00**
**Như Mỹ** **$22.50**
**Trước Ngô** **$30.00**
**Tuyết Nguyễn** **$50.00**
**Tâm Nguyễn** **$50.00**
**Tiana Ngô** **$127.50**
**Đinh Thị Như Nguyện (Minh Tâm)** **$700.00**
**Gđ. Nhiêu và Vũ** **$600.00**
**Gđ. Lê Ngô Thủy Mai (Chân Hạnh)** **$300.00**
*[Xin hồi hướng cho Bà Diệp Xảo Hiền, Mẹ Diệp Lệ Quân (Hoa Quý), Cậu Ngô Đoan Hùng (Minh Trung) và Cầu An cho Ba Lê Ngô Đoan Tâm, và các Em Lê Ngô Kim Thanh, Lê Ngô Thành Đông (Khánh Lễ), Ông Trần Hen và Dì Diệp Huệ Kim].*
**Gđ. Phạm Hữu Phát (Tấn) (Tâm An)** **$400.00**
**Cô Phạm Thị Kim Huệ (Tâm Huệ)** **$50.00**

**Phúc Minh, Chân Hạnh, Thanh Chân** **$350.00**

*[Xin hồi hướng cho Phạm Hoàng Ngọc, Trần Thị Liên và Cầu An cho Trần Lạc].*

**Sādhu ! Sādhu ! Sādhu !**

Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

**********

**Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:**

1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
2) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SINH (100 QUYỂN)
5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
13) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
14) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
15) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KAṬHINA (100 QUYỂN)
22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN "NĂM PHÚT" (100 QUYỂN)
25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỔ PHẨM (100 QUYỂN).
27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)
29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN) & TÁI BẢN (100 QUYỂN- LẦN II)
❖ PHÁT THÚ- Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)
32) NHỮNG PHÁP THOẠI NGÀI KUṆḌALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ – CHÁNH TẠNG(Quyển Thứ 85/91)(100QUYỂN)
34) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)
35) ĐẠO HÀNH THỰC TIỄN LAI ĐÁO NÍP BÀN (100 QUYỂN)

36) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ - CHÁNH TẠNG (Quyển Thứ 86-87/91)(100 QUYỂN)

**Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:**

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMĀDHIKAMMAṬṬHANA & VIPASSANĀKAMMAṬṬHANA (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)(THÁI NGỮ - ANH NGỮ)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ (100 QUYỂN)
- ❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**

1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)

- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
- ❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
- ❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)

**********